

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Văn Sâm
(Phần 3)

Tiểu sử & Tác phẩm

(xem *Vài hàng về tác giả*)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Diễn lại một truyện thơ Nôm đầu thế kỷ 19: “Thay chồng đi thi” - 2

Nguyễn Văn Sâm và dòng chảy văn chương Nam Kỳ Lục Tỉnh - Hoàng Kim Oanh – 5

Giới thiệu hồi 1 tuồng hát bội Nôm đa hồi Tây Du Ký – 11

Độc “Khói Sóng Trên Sông” của Nguyễn Văn Sâm - Nguyễn Vy Khanh - 19

Chuyện *Đời Xưa*, thể hiện sự giữ lửa của tiếng nói miền Nam Kỳ Lục Tỉnh - 24

Phụ đính I

Loạn bút về Thanh Nam - 26

Anh Lê Hữu Mục (1925-2017) - 29

Một chút Văn Khoa Sài Gòn năm 60 - 32

Phụ đính II

Ao Bà Om cạn nước - 37

Con đĩa hai vôi - 40

Giữ tròn lời hứa - 48

Kể chuyện ngày xưa – 51

Đường về quá khứ - 56

Thêm nhiều tác phẩm đang viết – Phan Tấn Hải - 59

Văn dĩ tải đạo và Nguyễn Văn Sâm – Nguyễn Tuấn Huy - 61

(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Vài hàng về tác giả

Nguyễn Văn Sâm sinh ngày 21 tháng 03 năm 1940 tại Sài Gòn, 1940. Từng dạy ở trường Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho, Pétrus Ký, Đại Học Văn Khoa và các trường Đại Học Vạn Hạnh, Cao Đài, Hoà Hảo, Cần Thơ. Vượt biên đến Nam Dương tháng 03 /1979, vào Mỹ tháng 09/1979, lúc đầu cư ngụ tại Texas, sau rời qua California, Hoa Kỳ.

Sang Hoa Kỳ viết cho *Văn, Văn Học* và các tạp chí Việt ngữ của người Việt. Trước 1975 chuyên viết về biên khảo văn học.

Đã in:

Văn Học Nam Hà (1971, 1973)

Văn Chương Nam Bộ và Cuộc Kháng Pháp (1972)

Qua Mỹ viết truyện ngắn vì những thời thúc phải nói lên sự suy nghĩ của mình về quê hương và thân phận người Việt, ngay trên quê hương, hay lạc loài tha hương.

Đã in ở Mỹ:

Câu Hò Vân Tiên (1985)

Ngày Tháng Bồng Bềnh (1987)

Khói Sóng Trên Sông (2000)

Quê Hương Vụn Vỡ (2012)

Giọt Nước Nghiêng Mình (2018)

Gần đây, trở về gia tài cổ của dân tộc bằng cách phiên âm các tuồng hát bội, truyện thơ viết bằng chữ Nôm chưa từng được phiên âm
Tam Quốc Diễn Nghĩa
Lôi Phong Thập
Sơn Hậu Diễn Truyện
Trương Ngáo
v.v...

Chú giải sách xưa:

Kể Chuyện Tình Buồn

(Chú giải “U Tình Lục” của Hồ Văn Trung)

Chuyện Đồi Xưa

(Chú giải “Chuyện Đồi Xưa” của Trương Vĩnh Ký.

Thành viên Ban Biên tập *Tự Điển Chữ Nôm Trích Dẫn*..

Diễn lại một truyện thơ Nôm đầu thế kỷ 19: “Thay chồng đi thi”

Thanh Hoa huyện nổi tiếng hai chàng Trương, Trần chăm học. Thường đóng cửa tạ khách dù mài kính sử đến quá nửa đêm hay tới khi trời hừng sáng. Nếu cần tham vấn bậc cao nhân điều chi về học thuật thì dù phải đứng đợi cửa ngoài tuyết rơi ngập chân vẫn chờ. Mùa Xuân năm ấy vua mở khoa thi, cả hai đều danh chiếm bảng vàng. Cờ lọng vinh qui rồi mỗi người một phương trấn nhậm ai lo việc nấy tuy vẫn giao tình bằng hữu qua thư tín.

Sau vài mươi năm cố công ích nước lợi dân, *lưu phong* vang lừng xa gần đều nghe biết, cả hai về trí sĩ với gia sản khiêm nhường, thậm chí còn thua xa mấy nhà phú hộ vùng quê.

Từ khi về hưu dưỡng, Trương trí sĩ vui cảnh điền viên, chăm lo giảng sách. Lắm học trò đậu đại khoa nhờ công sức của thầy. Phu nhân Trương công sanh đặng hai công tử Cảnh Tĩnh và Cảnh Yên cũng đều là danh sĩ tài cao học rộng. Cảnh Tĩnh đã yên bề gia thất, bào đệ Cảnh Yên còn mãi mê với bút mực thi ca chưa người sửa túi nâng khăn.

Ngày kia phu nhân thủ thi với chồng nên lo đường gia thất cho đứa con chưa yên nơi yên chốn. Bà rằng nghe tiếng tiểu thư Phương Hoa nhà Trần trí sĩ là trang tuyệt thế mỹ nhân lại công ngôn hạnh đức hay ta tới đó cầu thân. Trương công mừng rỡ đồng ý cùng nhau lựa ngày đi hỏi vợ cho con.

Hôm xuất hành, ông bà ngồi kiệu, tùy tùng chuyên chở lễ vật theo sau, Công tử Cảnh Yên cỡi ngựa bạch đi cùng. Trên đường đi ai cũng trầm trồ khen chàng tuấn tú bàn rằng số chắc hanh thông.

Đến nơi, báo thiệp, Trần công lật đặt sửa áo ra mời. Tiệc tàn, trà nước xong xuôi Trương công nói ý mình. Trần trí sĩ chưa dám quyết định bèn cho mời ái nữ ra chào khách. Phương Hoa điểm trang tóc tai son phấn xong xuôi ren rén ra dâng trà cho bá phụ. Nghe cha hỏi ý mình, nàng liếc nhìn Cảnh Yên. Về thanh tú nghiêm trang của khách khiến nàng vững dạ áp ứng rằng mình tuổi còn thơ không dám tự chuyên quyết định chung thân đại sự. Áo mặc không qua khỏi đầu tất cả tùy lượng cả song thân. Trần công biết ý cười tươi cùng Trương công rằng ái nữ mình coi như từ nay là dâu nhà hiền hữu.

Lễ hỏi hoàn tất chỉ chờ ngày nghinh hôn. Trương công từ giã Trần công ra về.

Khi ấy nơi Trần trí sĩ cư ngụ có Tào Trung Úy là người quyền thế nhờ được vua yêu. Họ Tào vốn chưa có chánh thê lại nghe người đồn Phương Hoa xứng danh tài sắc chi nữ. Sử kinh lâu thuộc, thi phú hoàn tất chỉ sau vài cái vẩy tay nên đem lòng ước ao *gắn bó*. Bèn sửa soạn hơn ngàn thứ lạ, quá trăm vật quý cùng tùy tùng đến cửa Trần công xin được làm rể Đông sàng.

Vốn ghét mặt họ Tào là kẻ gian ngoan lại có sẵn lý do từ chối Trần công từ tốn giải bày:

Mỹ nhân trong thiên hạ không thiếu, Tào Trung Úy công danh trên đường tỏ rạng, tề nữ dung mạo chẳng bằng ai lại đã lỡ hứa hôn nên mạn phép không dám tuân lời.

Hầm hầm từ giã ra về, họ Tào thề quyết trả thù cho thỏa dạ. Môn hạ có kẻ rộng miệng mách rằng Phương Hoa gá lời với con Trương trí sĩ. Diệt họ Trương thì sẽ rộng đường. Máu hận bốc lên, họ Tào không dùng được bèn mạo chỉ vua ra lệnh bắt hết nhà họ Trương với lý do mãi quốc cầu vinh. Cả đoàn lâu la nách thước tay đao ùn ùn kéo đến nơi thực thi tuyệt hận. Trương trí sĩ vừa bước ra cửa chào khách đã bị một đao đứt làm hai đoạn. Gia nhân nào loạn chạy vào báo phu nhân xin lẹ chân đào tẩu. Cả nhà theo cửa sau băng rừng lội suối cao bay xa chạy. Bọn nguưu đầu mã diện gia tướng họ Tào tha hồ vợ vét của cải sạch sanh. Chẳng bao lâu tư gia họ Trương tan nát thành bãi hoang phế tích. Trương phu nhân với hai con cùng nàng dâu dắt díu chạy giặc ngày đêm tránh xa vùng nước lửa.

Cả bốn người mai danh ẩn tích mong sao được yên thân. Nơi đây Thị Trinh người vợ tám mần của Cảnh Tĩnh hạ sanh được bé gái. Chẳng bao lâu sau khi nở nhị khai hoa người mẹ trẻ lia đời vì nghèo đói nhọc nhằn. Trương Tĩnh quá xót xa có làm bài văn tế vợ thiệt là cảm xúc.

Văn tế rằng

Trước linh sàng khóc mà than rằng:

Trời thường hai khí xoay vần, chẳng khỏi hơi âm
Người có năm đấng thường, chẳng chi hơn đạo vợ.

Nhớ nàng xưa:

Mây Liễu dịu dàng, mặt hoa hơn hờ.

Tuổi xuân xanh vừa mới cả khôn.

Duyên tơ đỏ sớm đà gặp gỡ.

Số đã bày dâu cửa tướng công,

Lòng đã xứng vợ người quân tử.

Hỡi ôi!
Những ước xum vầy.
Bống nên cách trở.
Ấy ai làm phận bạc duyên hời,
Mà ai khiến gương mờ đá rã.
Thương vì mẹ già yếu đuối, bống nàng về âm phận, ai nâng niu bát cháo lưng rau?
Xót vì điều con trẻ thơ ngây, mà nàng xuống đào nguyên, ai cúc dục lưng cơm bầu nước?
Mối tình bao xiết đắng cay, bát nước khôn bàn cơn cố,
Canh chầy nguyệt xám, thảm thương đường nọ nỗi này,
Đêm vắng sầu sương, tư tưởng lời ăn nét ở.
Rày nhân tiết chí tống chung, lấy chi giả nghĩa!
Lẽ vì vật bạc gọi là ba chén đầy vơi,
Biển rộng non xanh ngỏ trút tấm lòng thương nhớ.

Chừng vài năm sau, do nhiều gian truân, Tỉnh cũng về trời. Gia đình nhiều tai ương họ Trương giờ chỉ còn ba người thuộc ba thế hệ, cô đơn nơi heo hút. Chàng Yên bàn với mẹ đi lần về nơi đô hội hy vọng gặp được may nào chẳng. Vả mấy năm qua có thể thời tiêu tội đã đến, không còn bị truy tìm. Bé Tiểu Thanh giờ lên tám, thông tuệ, hiểu thảo với chú với bà. Hằng ngày bé ra chợ xin ăn, sống nhờ lòng từ tâm của đời để nội tổ nghỉ ngơi và thúc phụ có thời giờ học hành kinh sử.

Một lần kia Tiểu Thanh gặp Phương Hoa, cả hai đem lòng quyến luyến. Phương Hoa đem bé về cho trú ngụ trong nhà coi như dưỡng nữ, thường xuyên đưa tiền để Tiểu Thanh giúp đỡ nội tổ và người chú còn nặng nợ sách đèn.

Cho đến lúc này, Phương Hoa vẫn chưa biết chú của bé là người mình đã có hôn ước. Một thời gian sau, nhân một buổi hai mẹ con tâm sự, Phương Hoa được nghe chuyện gia biến của bé nên quá đau lòng, quyết định chu cấp nhiều hơn khi nghe thúc phụ của bé là Cảnh Yên. Nàng dặn bé chuyển tin cho chú rằng đêm đó, đêm đó... ra sau vườn nhà nhận rương tiền hầu có phương tiện độ nhật học hành khỏi phải cực nhọc mưu sinh mà lỡ đường ôn tập. Phương Hoa giao cho tì nữ Đào thị việc trao tiền. Không muốn gặp Cảnh Yên e rằng tai tiếng rùng rạch vách tai. Tì nữ Liễu thị tình cờ nghe được chuyện. Máu tham nổi lên, họ Liễu về bàn với chồng là vô lại Hồ Nghi mưu cướp đoạt rương tiền.

Đêm phải trao rương, họ Đào khiêng ra vườn sau đứng đợi, tên họ Hồ núp sẵn nơi kín đáo xông ra chém chết, cướp tiền về nhà. Chàng họ Trương theo lời hẹn đến vườn nhà Phương Hoa sau đó vài khắc. Trong đêm tối đập nhằm xác chết còn máu chảy tràn, cả sợ, mau chân trở lộn về nơi trú ngụ.

Việc có kẻ ám toán tì nữ họ Đào ra đến công đường. Cảnh Yên bị bắt giam ngục do vết chân máu dẫn đường từ thi thể nạn nhân đến nơi chàng nương ngụ.

Nghe vị hôn phu mắc vòng lao lý, Phương Hoa xót xa nhưng không có cách cứu sao cho khỏi mang tiếng trên bực trong dâu hện hò trai gái đêm hôm.

Nàng xin với phụ thân cho mình lên kinh đô buôn bán với dụng ý tùy cơ cứu chồng.

Năm đó đức vua mở khoa *Xuân thí*. Nàng Phương Hoa cải nam nhân, gởi quyền dự thí với tên Trương Cảnh Yên. Bảng treo kết quả, thí sinh Cảnh Yên đoạt giải Trạng Nguyên. Đêm trước ngày các tân khoa được dự đại yến, đức vua nằm mộng thấy người thi đỗ đầu mặt hoa da phấn như là nữ nhân nên lấy làm lạ.

Vào đại yến, nhìn Trạng Nguyên Trương Yên thấy nét giông giống người mình gặp trong mộng đêm trước nên ngài ngự hỏi sao Trạng Nguyên có dạng nữ nhi. Phương Hoa bèn quì tâu thiệt sự, rằng mình phải lấy tên chồng dự thi mong được gặp đức vua giải oan người đương bị hàm ức về chuyện giết người mà mình biết rằng chàng không hề làm. Nàng kể chuyện Trương trí sĩ bị giết, nghĩ rằng người họ Tào thù ghét nhà họ Trương vì bị phụ thân mình không chấp nhận

lời cầu hôn. Tào Trung Úy được triệu đến triều. Việc chiếu chỉ giả mạo, việc tự chuyên giết người bị phanh phui... cả nhà họ Tào bị xử nặng.

Nhà vua hỏi bây giờ Cảnh Yên đương ở nơi nào, giải bày là đương *ly tiết* nơi huyện nhà. Hỏi sao lại bị giam, giải bày rằng chuyện bắt nguồn từ mình nhờ nữ tì họ Đào đem giao hòm tiền... Đình nghị rằng Đào thị chết do sứ mạng bị lộ từ bên trong. Kẻ biết được chuyện không ai ngoài tì nữ họ Liễu vốn ra vào bên cạnh tiểu thơ và bạn tì nhi. Họ Liễu được triệu tập, kéo theo việc Hồ Nghi phải thú nhận tội mình. Nghi, Liễu bị án, Trương Yên được vời. Nhà vua minh án giải oan và có ý muốn trao giải Trạng Nguyên cho người học trò vô tội, coi như vợ đi thi thay chồng. Các quan đề nghị thử tài Trương Yên coi xứng đáng chăng một người đỗ Trạng. Bút mực đem ra. Trước triều đình văn võ bá quan, họ Trương vũ lộng thi thơ, chữ viết phụng múa rồng bay, văn tài Lý Đỗ Hàn Mạnh. Ngài ngự vui mừng, đặc cách ân tứ đỗ Trạng lại tứ hôn cho Phương Hoa và Trương Yên nên duyên cầm sắt.

Hoạn nạn hết. Xum họp, hoan lạc từ đây cho người tài sắc, kiên trì.

Lời bàn của Đạt Giả.

Cảnh Yên, Phương Hoa ngại mang tiếng liễu ngô hoa tường, không khai sự thực suýt chút nữa một người tù tội nặng nề một người lâm cảnh phòng không chiếc bóng. Có khi Phương Hoa chưa được cưới mà đã phải để tang chồng. Trương công bị giết, Tào Trung Úy bị xử cả nhà bắt nguồn từ đam mê bóng sắc và lòng sân hận của một người không biết kềm chế lòng mình. Mê tâm ôi sao mà nguy hiểm!

Gái Phương Hoa có tài thơ phú, ứng thí được đậu cao, ta tự hỏi nếu thi không đậu thì oan tình chàng Cảnh Yên tới bao giờ mới được bạch hóa? Tất cả câu chuyện mục đích xa gần đề cao nhà vua sáng suốt, giám khảo chấm bài trao giải đúng người. Cũng là đề cao người phụ nữ quyền biến, quyết đoán, dầu lén cha mẹ, tự chuyên làm chuyện cần làm nhưng chưa bao giờ bước ra khỏi vòng lễ giáo của thời đại.

Còn chuyện Trung Úy họ Tào lúc đắc thời cam tâm xé nát gia cang người vô tội thì đời nào cũng có. *Thiên võng khô khô* họa đến sớm chầy. Tên tham tài họ Hồ và người vợ nữ tì phản chủ là loại người hạ cấp thiết tưởng không đáng ta tốn công tốn chữ.

Nguyễn Văn Sâm (Créteil, Paris và Seattle, WA. tháng 11, 2019, viết theo truyện Nôm Phương Hoa coi như một cách lược truyện.)

Sách tham khảo:

Ba bản *Nôm Phương Hoa Tân Truyện* có thể tìm thấy trên mạng và bản *Nôm Phương Hoa Tân Truyện Tự Đức* năm Giáp Tuất (1874) do nhà nghiên cứu Phạm Xuân Hy, Pháp, copy tặng có nguồn gốc từ Thư Viện Asiatique, Paris.

(Créteil, Paris và Seattle, WA. tháng 11, 2019, viết theo truyện Nôm Phương Hoa coi như một cách lược truyện.)

Nguyễn Văn Sâm và dòng chảy văn chương Nam Kỳ Lục Tỉnh Hoàng Kim Oanh

Văn học Nam Bộ hay còn gọi là Văn học Nam Kỳ Lục Tỉnh (Địa danh Nam Kỳ Lục Tỉnh được vua Minh Mạng đặt tên từ năm 1834, sau đó chính quyền Pháp phân chia thành 21 tỉnh là vùng đất mới trải dài từ miền nam Phan Thiết đến mũi Cà Mau, được mang nhiều sắc thái đặc thù mà từ văn hóa đến tâm tình lẫn tâm tính có nhiều khác biệt với tổ tiên của họ ở Đàng Ngoài), suốt một thời gian dài vẫn là mảnh đất màu mỡ mang nhiều bản sắc riêng của một vùng trời vùng đất chưa được quan tâm khai phá hết của nền văn học nước nhà do nhiều nguyên nhân, khách quan lẫn chủ quan. Trong các nguyên nhân đó, có những định kiến hẹp hòi cho là văn

chương vùng đất mới không có giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ cao, chỉ nhằm phục vụ tầng lớp bình dân; hay sau này do nguyên nhân chính trị, xã hội trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt chi phối. Thậm chí, còn có quan niệm lệch lạc rằng Nam bộ không có văn học và tiếng nói của người miền Nam chỉ là thổ ngữ v.v...

Dẫu vậy, trải qua hơn 300 năm hình thành và phát triển, mảnh đất phương Nam đã trở thành một vùng văn hóa có nhiều thành tựu rực rỡ và đặc sắc. Điều ấy có sự góp mặt đậm nét của văn học, báo chí, và ngôn ngữ ở Nam bộ. Dòng chảy này trong thực tế vẫn chưa bao giờ khô cạn hay bị lãng quên. Rải rác, giai đoạn nào cũng có các thế hệ những nhà nghiên cứu tâm huyết nâng niu trân trọng bảo tồn và khai phá. Nhiều công trình giá trị đã lần lượt ra đời, góp phần khẳng định vị trí đặc biệt của bộ phận văn học này. Gần đây nhất, trường ĐH Thủ Dầu Một, trường ĐH KHXH&NV-ĐHQG-SG và Viện Văn học đã phối hợp tổ chức hội thảo khoa học cấp quốc gia “Những vấn đề văn học và ngôn ngữ Nam bộ” nhằm công bố nhiều nghiên cứu mới và thảo luận về vấn đề ấy. Theo PGS.TS. Lê Giang-Trưởng Khoa NN&VH Trường ĐH KHXH&NV-ĐHQG-SG thì đây là hội thảo lớn nhất trong lịch sử về văn học và ngôn ngữ Nam Bộ, với 123 tham luận của các diễn giả từ Thái Nguyên, Kiên Giang, Huế, Đà Nẵng, Đà Lạt, Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh v.v... Kỹ yếu của hội thảo cũng là kỹ yếu về ngữ văn Nam Bộ đồ sộ nhất từ trước đến nay, gồm 2 tập với hơn 1300 trang khổ lớn.

Như vậy, rõ ràng đây là một bộ phận văn học giá trị hình thành từ rất sớm và có nhiều thành tựu quan trọng cần được tìm hiểu nghiên cứu khách quan đầy đủ hơn mà nhiều năm nay tuy vấn đề có được đặt ra song vẫn chưa giải quyết thỏa đáng.

Điều này có lẽ cũng là trở ngại ray rứt của không ít nhà nghiên cứu phê bình, nhà văn nhà thơ cả nước nói chung và Nam Bộ nói riêng. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi muốn góp thêm cái nhìn tổng quan giới thiệu sáng tác đa dạng của một trong những ngòi bút có uy tín và tâm huyết về văn chương Nam Kỳ Lục Tỉnh, một đời dạy học và viết văn, dẫu xa quê nhưng lúc nào cũng đau đáu gắn liền với mảnh đất Nam Bộ hiền hòa máu thịt qua từng trang viết ở nhiều lĩnh vực: biên khảo, phê bình, dịch thuật và sáng tác: Nhà văn, nhà giáo Nguyễn Văn Sâm, người nổi tiếng về nhiều công trình nghiên cứu văn học nhưng cũng là một nhà sáng tác văn học với giọng văn rất Nam Bộ trong kiểu riêng của ông. Đặc biệt là ở công sưu tập, phiên âm, chú giải gìn giữ mảng truyện thơ và tuồng Nôm mà ngày nay đang dần mai một trong sự lãng quên của lịch sử lẫn học thuật.

Nguyễn Văn Sâm và những công trình biên khảo về văn chương Nam Kỳ Lục Tỉnh

Tác giả Nguyễn Văn Sâm sang Mỹ từ năm 1979, những ngày tháng trên quê hương thứ hai ấy, ngoài biên khảo, nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Sâm còn viết khá nhiều truyện ngắn mà theo tác giả *“vì những thôi thúc phải nói lên suy nghĩ của mình về quê hương và thân phận người Việt, ngay trên quê hương, hay lạc loài tha hương...”*.

Trước 1975, ông đã khởi đầu sự nghiệp của mình với những công trình khảo cứu công phu có giá trị về văn học miền Nam. Công trình đầu tiên là *Văn Chương Tranh Đấu Miền Nam* (Nxb Kỹ Nguyên, 1969, 466 trang). Tập sách khá dày dặn, đi vào khảo sát 21 tác giả miền Nam và nhóm *“Chân Trời Mới”* gồm những nhận định sắc sảo về 21 cây bút: Hai năm sau, ông xuất bản *Văn Học Nam Hà: Văn học xứ Đàng Trong* (Nxb Lửa Thiêng, 1971, tái bản 1973, 442 trang). Sau phần Tổng quan văn học Nam Hà, công trình biên khảo đi vào 11 nhân vật lịch sử và điếm qua những sáng tác bất hủ của họ. Đó là: Đào Duy Từ - người quyết tâm phục vụ chế độ ở Nam Hà với *“Ngọa Long cương ngâm”*; Nguyễn Hữu Hào với *Song Tinh Bất dạ*, Nguyễn

Cư Trinh với *Sãi Vãi*, Hoàng Quang, Mạc Thiên Tích, Ngọc Hân Công Chúa, Võ Trường Toản, Ngô Thế Lân, Trịnh Hoài Đức, Đặng Đức Siêu cũng được giới thiệu tỉ mỉ lai lịch, công đức, văn thơ, nhân vật cuối cùng là “*Nguyễn Văn Thành với sự phối hợp kì ảo giữa lý trí và tình cảm*” trong Văn tế nghĩa sĩ trận vong. Tuy chỉ là một công trình biên khảo chuyên biệt về một vùng, nhưng có vị trí quan trọng. “*Văn học Nam Hà đặc biệt về phương diện tư tưởng cũng như hình thức. Tư tưởng gắn với thời thế và tạo một ý thức mới cho người Đàng Trong*”¹¹

Công trình thứ ba là luận án cao học Văn chương Việt Nam của ông do Giáo sư Thanh Lăng trực tiếp hướng dẫn: *Văn Chương Nam Bộ và Cuộc Kháng Pháp* (Nxb Lửa Thiêng, 1972, 295 trang. Xuân Thu tái bản 1988) được đánh giá là một công trình nghiên cứu dồi dào văn bản, tài liệu và tham khảo.

Thời điểm 45-50 là một mốc lịch sử đặc biệt của cuộc kháng chiến, bức tranh “máu lửa khắp nơi, người chết, nhà cháy, lòng người như một, cảm thấy yêu mến quê hương dân tộc hơn” đã tác động to lớn đến văn học kháng chiến và yêu nước ở miền Nam. “Văn chương Nam Bộ vì vậy được những người cầm bút coi như thể hiện sự đóng góp phần mình vào công cuộc chung của quốc gia”. Tác giả đã chọn lọc được những nét đặc trưng nhất của từng ngôi bút trong những năm nằm trong vòng kềm tỏa của thực dân. Đó là tiếng nói phẫn uất gào thét của lớp người bị áp bức, đó là tiếng thúc giục lên đường xóa tan những bất công (...) Văn chương bước chân ra ngoài đời để làm sứ mạng lịch sử...

Tuy chỉ mới là những nét chấm phá ban đầu, song theo đánh giá của nhà nghiên cứu Nguyễn Vy Khanh đó là những đóng góp độc đáo. “Ông đã đi xa hơn hai cuốn Văn học Miền Nam của Phạm Việt Tuyên và Đông Hồ và đã đưa văn học sử mảng văn học yêu nước và kháng chiến của miền Nam phần nào “chính danh” lại cho những văn nghệ sĩ miền Nam.”¹². Còn Mã Giang Lân trong Giáo trình Văn học Việt Nam 1945-1954 đã đánh giá là “quyển sách có nhiều tư liệu quý, hiếm và có những nhận định thỏa đáng”¹³ (trang 142). Phần cuối sách, Nguyễn Văn Sâm cũng không quên thận trọng nhấn mạnh chỉ tóm tắt rằng “Văn học miền Nam giai đoạn 45-50 rất phồn thịnh, và thấy rằng mình có bổn phận giới thiệu sự phồn thịnh đó, còn đặt giá trị của nền văn chương này trong vị trí văn học Việt Nam thì xin nhường quyền lại cho sự lựa lọc của thời gian.”

Ông cũng bộc bạch nỗi niềm: “Cho đến ngày nay, có thể có người đã mất đi lòng tin tưởng nơi tiền đồ của dân tộc, nhưng chắc chắn ai cũng nhận ra những cơ chính để những người của giai đoạn 1945-1950 tin tưởng ở sự thành công của dân tộc Việt Nam là văn chương đã hỗ trợ tích cực cho công cuộc giải phóng và hỗ trợ với một nghệ thuật tinh tế.”¹⁴

Sau 1975, tuy hoàn cảnh thay đổi, sống ở hải ngoại nhưng ông vẫn miệt mài với mảng biên khảo văn chương này với 46 bài viết thú vị giữa những chuyến đi-về giữa hai quê hương thứ nhất ngày xưa và quê hương hiện tại thứ hai, xoay quanh những nhà văn nhà thơ ít được biết đến nhưng đã sống và viết trên mảnh đất Nam Kỳ Lục Tỉnh với tất cả hơi thở của nó. Ông quan tâm tới thể loại tuồng xưa từng là những bài học đạo lý ở đời nơi vùng đất mới với một loạt bài giới thiệu “Hội 1 tuồng hát bội Nôm đa hồi Tây Du Ký”, “Giới thiệu Thơ Hậu Trần Minh Khố Chuối”, “Chàng Nhái-Chàng Tinh: Tản mạn về Truyện thơ ở đồng bằng sông Cửu Long”. Ông cũng kêu gọi “Giữ gìn quá khứ của cải lương” như hồi ức đẹp của một thiếu thời trong sáng. Ta thử nghe tác giả tái hiện cảnh tượng hồn nhiên hào hứng:

Lúc đó ngày nào như ngày nấy, tôi và những đứa bạn cùng trang lứa sống trong khu gọi là Chợ Cháy của cái chợ lớn hơn là Cầu Ông Lãnh, mới qua tuổi mười, chui rúc trong những gian sạp nho nhỏ, tất cả sinh hoạt của đời sống đều diễn ra trong đó. Chừng khoảng chín giờ sáng thì đã bắt đầu chờ đợi chiếc xe Renault nhỏ và mấy chiếc xe ngựa của những đoàn cải lương chạy qua mà hai bên hông xe nào cũng có dựng hai tấm ban-nô lớn vẽ hình quảng cáo tuồng cải lương, bu theo để xin những tấm giấy “pò-gam” (programme) nói về tuồng hát đêm hôm ấy.

Trống trong xe đánh thùng thùng điếc tai nhức óc chen với tiếng phèng la, chập chĩa chát chúa không làm chúng tôi ngại ngừng, trái lại càng bị kích thích hơn. Chạy, chạy. Bu bu. Niu niu. Kêu kêu. Cả chợ ai cũng ngó theo xe quảng cáo và lũ con nít ở trần chúng tôi. Nhiều bà nhiều cô cố bước mau tới kế bên để kịp nhận một tờ. Giấy in màu xanh đỏ có hình đào kép bận quần áo đẹp để sang trọng, có sơ lược tuồng tích và có những câu rất kêu quảng bá sự hay ho của tuồng sắp được diễn đêm nay.

(Giữ gìn quá khứ của cải lương)

Hình như những ai từng sống ở Sài Gòn và Nam Bộ những năm 60-70 ấy không xa lạ gì cảnh này. Một kí ức cứ đau nhói kéo ta về quá khứ, “kéo người đọc về một thời mà cải lương là nghệ thuật đáng trân trọng của Miền Nam nay đã bị giết đi, giết tức tưởi vì nhiều nguyên nhân...”

Nguyễn Văn Sâm còn chọn dành nhiều trang viết của ông cho những tác giả mà ông quý trọng như “Bài học từ người thi sĩ cô đơn Nguyễn Chí Thiện”, “Vài cảm nghĩ về Đông Hồ”, “Cụ Phan Khắc Sửu-một nhân vật không thành công nhưng thành nhân”, “Nguyễn Ngọc Bích-con người đa tài tôi khâm phục”, “Nguyễn Xuân Hoàng-nhà văn lừng thừng trong đời”, “Tân mạn về Kiên Giang-nhà thơ Minh Hương Việt hóa”, về Phi Vân, Thanh Nam..., hầu hết vì cảm tài mến nghĩa mà trân trọng, mà luyện thương với giọng văn nồng ấm gợi nhiều cảm xúc cho người đọc.

“U Tình lục, thí nghiệm về đất và trời phương Nam”, “Thơ bình dân của Trương Ngáo hay Người đi đòi nợ Phật” cũng là những bài viết có giá trị.

Ngoài tuồng, cải lương, truyện thơ bình dân, truyện ngắn, giai đoạn sau này, thơ Nôm là một thể loại được ông quan tâm đặc biệt. Ông cho rằng chữ Nôm và những tác phẩm chữ Nôm là những gia tài cổ có một không hai của văn học Việt Nam, ra đời trong một bối cảnh đặc biệt của đất nước và có giá trị giáo dục rất cao song đang dần bị mai một. Đó là các tuồng hát bội, truyện thơ viết bằng chữ Nôm chưa từng được phiên âm mà nguyên bản hiện còn đang nằm trong các thư viện lớn ở Âu Châu.

Tam Quốc Diễn Nghĩa, Lôi Phong Tháp, Sơn Hậu Diễn Truyện, Trương Ngáo là những truyện Nôm đã được tác giả sưu tầm, phiên âm và được Viện Việt học in ấn xuất bản tại Hoa Kỳ. Về tác phẩm chữ Nôm tác giả Nguyễn Văn Sâm đã sưu tầm và phiên âm có thể kể thêm:

1. *Bài ca răn cờ bạc* - Phiên âm và giới thiệu theo bản Nôm Phước An (in năm 1921)
2. *Khuyến nam đọc thư (Khuyến con trai đọc sách)* sưu tập, phiên âm, sơ chú và giới thiệu
3. *Kim Gia Định Phong cảnh vịnh* - Hai Đức tác giả bản văn lục bát xưa nhất (1882) nói về Sài Gòn sau khi người Pháp đến. Bản văn này do Trương Vĩnh Ký phiên âm từ chữ Nôm ra chữ quốc ngữ. Nay được Nguyễn Văn Sâm giới thiệu và chú thích
4. *Kinh Năm ông*: Bản kinh chữ Nôm chép tay còn sót lại cổ động việc thờ Năm Ông, Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương (sưu tầm ở An Giang năm 2006)
5. *Mỹ nữ cống Hồ*; bản Nôm và bản Quốc ngữ do Nguyễn Văn Sâm phiên âm theo bản Nôm Phúc An Đường khắc năm 1921

Gần 20 năm nay, tác giả đã lặn lội đi tìm ở các thư viện trên các nước Mỹ, Pháp, kết hợp với những chuyến về thăm quê, lòng tìm... Có khi ngẫu nhiên nhặt được trên bệ thờ một gia đình xứ Huế, có khi trên gác bếp một căn nhà nông thôn Nam Bộ do con cháu biết là của ông cha để lại nhưng không hiểu nội dung viết gì đành giữ đó như một di vật của tổ tiên... Có khi được tặng không, có khi phải mua cả mấy cây vàng... Công cuộc tìm kiếm tôn tạo giữ gìn vốn cổ ấy cho đến nay nhà văn của chúng ta vẫn chưa dừng bước.

Đi sâu vào văn chương Nam Kỳ lục tỉnh, người đọc còn thú vị với những phát hiện mới mẻ của Nguyễn Văn Sâm về Trương Minh Ký. Lâu nay, tên tuổi Trương Minh Ký dường như bị nhảm

lẫn với tên tuổi quá lớn của thầy ông: Trương Vĩnh Ký. Tìm được ở Thư viện Trung ương nước Pháp 5 tập sách của Trương Minh Ký, Nguyễn Văn Sâm đã thú vị với tập “*Truyện Phan Sa diễn ra quốc ngữ*” gồm 17 truyện ngụ ngôn dịch theo văn vần và 150 truyện dịch theo văn xuôi với lối văn nôm na thông dụng dễ hiểu. “Nhìn tổng quát có thể thấy Trương Minh Ký đã thêm thắt chi tiết, thay vài điều khó hiểu của nguyên thể bằng những điều dễ hiểu đối với người Việt. Gặp trường hợp ông còn dùng ca dao tục ngữ cho thấm thía hơn. Tác giả dùng chữ nôm na thông dụng của thời mình nên đây là tài liệu quý và sống động dễ hiểu cách nói của người thời cuối thế kỉ 19 mà tự điển, dấu là tự điển của người đương thời cũng không thể cung cấp được”^[5]

Phát hiện này đồng thời cũng cho thấy với 17 truyện thơ ngụ ngôn dịch từ 1884 này, chứng tỏ Trương Minh Ký đã đi trước người tiên phong dịch thơ ngụ ngôn phương Tây Nguyễn Văn Vĩnh hơn 30 năm. Như đã nói ở phần mở đầu, do định kiến vùng miền, do chiến tranh loạn lạc, chia cách... người ta chỉ biết người dịch đầu tiên là Nguyễn Văn Vĩnh mà thôi. Thiết nghĩ, đã đến lúc cũng cần phải trả lại cho văn chương Nam Kỳ Lục Tỉnh những gì vốn là của nó.

Sáng tác là một thể mạnh khác của ngòi bút Nguyễn Văn Sâm. Thể loại chính của ông là truyện ngắn. Không khó để tìm đọc hơn 50 tác phẩm của Nguyễn Văn Sâm trên các trang web quen thuộc: Viện Việt Học Hoa Kỳ, Nam Kỳ lục tỉnh, New Vietart... và một số trang mạng khác chủ yếu rút từ 4 tập truyện được Viện Việt học in và phát hành: (1) *Câu hò Vân Tiên* (1985), (2) *Ngày tháng bông bênh* (1987), (3) *Khói sóng trên sông* (2000), (4) *Quê Hương Vụn Vỡ* (2014). Và cũng không khó để nắm bắt thông điệp đạo đức và nhân văn tác phẩm của ông gửi gắm. Điều này cũng dễ hiểu có lẽ truyện của ông dung dị đi theo dòng chảy thời gian, tuyến nhân vật thường được tổ chức đơn tuyến ở chiều rộng hơn là chiều sâu, cũng không cầu kỳ quá nhiều kĩ thuật phức tạp.

(...)

Nguyễn Thiên Thụ khi đọc “*Quê hương vụn vỡ*” của Nguyễn Văn Sâm cũng nhận ra hai không gian khác biệt ấy và cụ thể chi tiết hơn: “Nguyễn Văn Sâm đưa ta về Việt Nam, một Việt Nam trước 1975 và một Việt Nam sau 1975. Trước 1975, miền Nam là một xã hội thanh bình. Địa danh của truyện là Saigon, Ông Tạ, Cầu Ông Lãnh, Mỹ Tho, Tây Ninh, Bến Tre với các nhân vật bình dân như bà Hương giáo Hải, ông Hương giáo, bà ngoại, thằng Quang, con Nhàn, con Bông, với các đĩa hát Asia, các tiểu thuyết Gia Long Tẩu Quốc, Giọt Máu Chung Tình (156-176) và Câu hò Vân Tiên (188-207).” Khoảng 1960, đa số thanh niên đều phải vào lính như Trịnh trong “*Truyện ngắn đời dài*” và điều không tránh khỏi, có người đã phải hy sinh một phần thân thể. Sau 1975, những thương binh này phải lăn mình ra đời kiếm sống như Tư Cụt hành nghề vá xe (*Những tấm vé số*)^[4]. Rồi những chuyện cười ra nước mắt mà tính hiện thực ai cũng thấp thoáng gặp mình trong “*Con đĩa hai vôi*” con vượt biên gửi quà về hai vợ chồng người nông dân nghèo rớt mồng tơi tưởng được đổi đời đỡ cực ai dè phần thuế, phần chợ đen, phần địa phương vôi vĩnh..., “*Cái vuốt trán vô ngôn*”, “*Chúng tôi mất nước nhưng còn tự ái*” vừa lên án thói bất nhân vừa xót xa cho kiếp đàn bà trong xã hội bạc ác, đồng thời ca ngợi bản chất tốt đẹp trong tâm thiện của con người, làm cho truyện của ông lấp lánh đa thanh đa sắc hơn và cũng đậm tính thời sự hơn.

Nhân vật trong truyện Nguyễn Văn Sâm có kẻ ở trong nước, người ngoài nước, đa phần ở miệt vườn... nhưng, ở đâu, trên quê nhà đói nghèo rơm rạ hay nơi xứ người rục rờ phần hoa cũng không thoát nổi ám ảnh cô đơn lạc loài của kẻ đánh mất thiên đường ảo mộng đã qua. Họ lạc lõng với chính mình để hội nhập. Hội nhập ở quê nhà. Hội nhập ở quê người.

Quê hương vụn vỡ lòng man mác,
Đất nước tan hoang dạ ngậm ngùi.

Song không thể phủ nhận, ở một góc độ khác, truyện của Nguyễn Văn Sâm lại nhẹ nhàng chuyển tải những thông điệp đạo đức, giáo dục con người hồi tâm làm lành lánh dữ. “*Người đổi chó*” là một trong những truyện mang tính chất nhân quả nhơn tiền của nhà Phật. Xót xa hơn là cuộc đời nhân vật Sáu Hấu trong “*Người quét mộ cụ Phan*”. Có 2 cuộc đời lồng trong truyện: Cụ Phan và chén thuộc độc oan khiên. Sáu Hấu kẻ quét mộ cụ và tâm tình kẻ phản kháng muốn viết lại trang sử chính thống cho cụ Phan trong thời buổi anh hùng tiểu nơn lẫn lộn... Thông điệp đạo đức ấy có khi Nguyễn Văn Sâm còn cho nhân vật trực tiếp phát biểu trong truyện, như nhân vật Ông Đạo Chuối trong truyện ngắn cùng tên: “Đời không dễ sống, muốn chuộc lỗi cũng không được. Thôi thì tạm dùng những trầy trật của đời mình làm phương tiện đưa mình lên khỏi những thấp hèn của cuộc sống, phải phấn đấu để bước qua những khổ đau này nọ” (Ông Đạo Chuối). Hay nhân vật *Tôi* tự soi rọi lòng mình thương cho những kẻ u mê còn chìm nổi cuộc vô thường: “Điều làm tôi xiêu bồng là tiếc một lòng nhân hậu không được phát triển, cũng như cảm thấy bị thương cho người xưa cũ nay đắm chìm trong những tính toán lợi lộc lừa đảo nên sẽ chẳng bao giờ tìm thấy hạnh phúc, trong tâm hồn cũng như trong thực tế.” (Đường về quá khứ).

Đây cũng là xu thế tất yếu kế thừa con đường “*văn dĩ tải đạo*” của nhiều cây bút Nam Kỳ Lục Tỉnh trước đó mà Nguyễn Đình Chiểu, Hồ Biểu Chánh là những người mở lối...

Giới hạn trong việc giới thiệu một tác giả có nhiều sưu tập, đóng góp cho vùng văn hóa văn học Nam Kỳ Lục Tỉnh hình thành từ những ngày tháng sơ khai của vùng đất mới đầy bản sắc độc đáo đáng trân trọng, giữ gìn và phát huy, chúng tôi đã cố gắng bước đầu khái quát toàn bộ những lĩnh vực sáng tác chính của nhà văn nhà giáo Nguyễn Văn Sâm từ biên khảo, nhận định, dịch thuật và sáng tác. Mặc dù chỉ mới là những phác thảo sơ bộ song diện mạo văn chương Nam Bộ qua ngòi bút Nguyễn Văn Sâm thật sự cung cấp nhiều gợi ý cho những ai muốn đi sâu vào nghiên cứu bộ phận văn chương này. Nhiều tác phẩm chữ Nôm bị thất lạc, lãng quên đang dần được ông sưu tập, chú giải, phiên âm và xuất bản là một nguồn tư liệu quý hiếm cần được gìn giữ, trân trọng. Việc giới thiệu những tác phẩm này thiết nghĩ rất cần thiết cho việc nhìn nhận, đánh giá đúng đắn hơn những di sản Văn chương Nam Bộ hôm nay. Hy vọng trong những bài viết khác chúng tôi có thể đi sâu hơn phân tích xu hướng triết lý sáng tác theo đạo lý, đặc trưng phong cách ngôn ngữ Nam Bộ và cảm thức không gian văn hóa Nam Bộ trong truyện ngắn Nguyễn Văn Sâm mà hiện nay vẫn còn bỏ ngỏ.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Vy Khanh, 2016, Văn học miền Nam 1954-1975, quyền Thượng Tổng quan, Toronto, Nguyễn Publishings.
2. Nguyễn Vy Khanh, 2000, Đọc “*Khói sóng trên sông*” của Nguyễn Văn Sâm, Nguồn: <https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/nhung-bai-viet-ve-nguyen-van-sam/dhoc-khoi-song-tren-song-cua-nguyen-van-sam-nguyen-vy-khanh>
3. Mã Giang Lân, 2007, Giáo trình Văn học Việt Nam 1945-1954, Nxb Giáo dục.
4. Lê Văn Nghệ, 2016, “*Góc nhìn mới về văn học Nam Bộ*”, đăng ngày 30.10.2016, Nguồn: <http://phunuonline.com.vn/giai-tri/xem-nghe-doc-%E2%80%93-choi/goc-nhin-moi-ve-van-hoc-mien-nam-86351/>
5. Nguyễn Văn Sâm, Trương Minh Ký, Những bài thơ ngụ ngôn dịch trước Nguyễn Văn Vĩnh. Nguồn: <https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/van-hoc-nam-ky-luc-tinh/truong-minh-ky/1-truong-minh-ky-bai-tho-ngu-ngon-dich-truoc-nguyen-van-vinh>
6. Nguyễn Thiên Thu, Đọc “*Quê hương vụn vỡ*” của Nguyễn Văn Sâm. Nguồn: <https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/nhung-bai-viet-ve-nguyen-van-sam/dhoc-que-huong-vun-vo-cua-nguyen-van-sam-nguyen-thien-thu>

7. Toàn bộ sáng tác của Nguyễn Văn Sâm trên trang Viện Việt Học và Nam Kỳ Lục Tỉnh.

[1] Nguyễn Vy Khanh, 2016, Văn học miền Nam 1954-1975, Quyển Thượng, Troronto, Nguyễn Publishings, tr.420

[2] Nguyễn Vy Khanh, , sách đã dẫn, trang 417

[3] Mã Giang Lân, 2007, Giáo trình Văn học Việt Nam 1945-1954, Nxb Giáo dục, trang 142

[4] Dẫn theo Nguyễn Vy Khanh, 2016, Văn học miền Nam 1954-1975, Quyển Thượng, Troronto, Nguyễn Publishings, tr.420

[5] Nguyễn Văn Sâm, Trương Minh Ký, Những bài thơ ngụ ngôn dịch trước Nguyễn Văn Vĩnh. Nguồn: <https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/van-hoc-nam-ky-luc-tinh/truong-minh-ky/1-truong-minh-ky-nhung-bai-tho-ngu-ngon-dich-truoc-nguyen-van-vinh>

[6] Nguyễn Vy Khanh, Đọc “Khói Sóng Trên Sông” của Nguyễn Văn Sâm, Nguồn: <https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/nhung-bai-viet-ve-nguyen-van-sam/dhoc-khoi-song-tren-song-cua-nguyen-van-sam-nguyen-vy-khanh>

[7] Nguyễn Thiên Thụy, Đọc “Quê hương vụn vỡ” của Nguyễn Văn Sâm. Nguồn: <https://sites.google.com/site/nkltnguyenvansam/tuyen-tap/nhung-bai-viet-ve-nguyen-van-sam/dhoc-que-huong-vun-vo-cua-nguyen-van-sam-nguyen-thien-thu>

*Hoàng Kim Oanh
Sài Gòn, 11.2016*

Giới thiệu hồi 1 tuồng hát bội Nôm đa hồi Tây Du Ký

Con người cần có một chí hướng để theo đuổi

Tổng quan: Năm 1952, ở tận cực Nam nước Việt là tỉnh Châu Đốc, ông Nam Cư Nguyễn Đình Triêm, một người cháu nội của Nguyễn Đình Chiểu, khi giới thiệu tiểu sử Bùi Hữu Nghĩa trong quyển *Bùi Hữu Nghĩa, Thơ Văn và Vở Tuồng Kim Thạch Kỳ Duyên* có nhắc đến hai tuồng hát bội Tây Du và Mậu Tông của Bùi Hữu Nghĩa. Tuy ông Nam Cư không nói gì đến nguồn tài liệu dẫn đến sự tuyên bố này, nhưng với cung cách làm việc của ông, chúng tôi tin tưởng rằng lời xác quyết trên mang nhiều giá trị khả tín cho đến khi có ai đó trình làng bằng chứng nói khác đi. Trước tới giờ, một vài tác giả khi nói tổng quát về hát bội cũng có nhắc đến tuồng Tây Du, nhưng không nhắc gì về tác giả, cũng không dẫn chứng một câu nào của tuồng đồ sộ 100 hồi (độ 4000 trang) này. Lý do là tuồng còn ở dạng chữ Nôm và hiện tại chỉ Thư Viện *Trường Viễn Đông Bác Cổ* ở Paris lưu tồn được một bản viết tay thô, không ai thấy ở đâu nữa một bản nào khác. Tuồng quá dài, sao chụp được toàn bộ cũng khá vất vả, phiên âm cũng mệt mà đọc hết chắc cũng ngất ngư, cho nên giới thiệu toàn bộ chưa chắc đã hữu ích về mặt giải trí... Chúng tôi tùy theo hoàn cảnh và khả năng phổ biến của mình mà giới thiệu từng hồi một, không như thiết đi theo thứ tự nào, độc giả cũng không như thiết phải đọc nguyên văn từng hồi sẽ được chúng tôi phiên âm sau này. Không như thiết vì hát bội là thể văn xa xưa lời lẽ đã cao kỳ mà văn chương lại nhiều chữ cổ xưa khó hiểu tường tận. Giải quyết phần nào tình trạng đó bước đầu chúng tôi xin giới thiệu tóm lược và nêu ra ý nghĩa mỗi hồi khi có thể được. Cũng xin nhắc lại là tác phẩm được nhiều người thưởng thức của Trung quốc vào Việt Nam *dưới thể văn xuôi* viết bằng Hán Văn. Người Việt ở những thế kỷ 18-20 mô phỏng theo đó *lần lượt theo thời gian* tạo nên những hình thức văn nghệ khác nhau:

a. Thế kỷ 18 đầu 19 viết lại thành tuồng hát bội vì thời này loại văn nghệ trình diễn phổ biến đó chẳng những ăn khách lại còn gần như là thể loại giải trí độc nhất. Từ đây ta có những tuồng

như Tây Du Ký, Tam Quốc Chí, Kim Thạch Kỳ Duyên, đi tiên phong và sau này xuất hiện cơ man nào là những *tuồng pho* như Chinh Đông, Chinh Tây, Bình Liêu hay những *tuồng đồ* Hàm Hoà, Đinh Lưu Tú, Trần Trá Hôn, *tuồng thầy* Sơn Hậu.. Hầu hết những tuồng trong sưu tập hơn ba mươi tuồng mà Thư Viện Hoàng gia Anh Quốc tặng cho chánh phủ VNCH trước năm 75 đều là tuồng xuất hiện ở giai đoạn đầu thế kỷ 19....

b. Sau giai đoạn tuồng thì đến thời đại của truyện-thơ tức là trích đoạn hay diễn nguyên một câu chuyện trong tác phẩm Trung quốc ra thơ. Ban đầu là thơ thất ngôn Đường luật, trước 18, sau đó là lục bát ở cuối 18 sang đầu 19. Giai đoạn này là thời nở rộ của những truyện thơ phóng tác rất có giá trị như Đoạn Trường Tân Thanh, Phan Trần, Nhị Độ Mai, Lưu Nữ Tướng, Trung Quân Đối... có thể kể thêm Lục Vân Tiên... Đó là thế kỷ 19, khi người dân thích nằm nhà ngâm nga, trong thâm tâm ẩn tàng khuynh hướng đề cao sự biền ngẫu, tính ước lệ và sự nói ít hiểu nhiều của diễn cổ, thành ngữ. Họ lúc này đã bớt đi nỗi say mê trống kèn và rạp hát của hát bội như người của thế kỷ trước.

c. Đầu thế kỷ 20, khi tiếp xúc với Tây phương thì hình thức truyện thơ lui bước, nhường chỗ cho truyện văn xuôi viết bằng Quốc Ngữ. Truyện Tàu lúc này lan tràn vì dễ đọc, dễ hiểu. Những nhà xuất bản như Đức Lưu Phương, Tín Đức Thư Xã... phổ biến loại này đến cả những vùng hẻo lánh của cả nước. Những nhà Nho như Phan Kế Bính, Đông Châu ngoài Bắc, những nhà văn tiên phong như Nguyễn Chánh Sắt, Trần Phong Sắt, Tô Chấn trong Nam, đua nhau dịch, in truyện Tàu.

d. Dĩ nhiên sau đó thì là giai đoạn của truyện Tàu dưới dạng *tuồng cải lương* (1923-1985).

Tuồng Tây Du Ký mà chúng tôi dự định phiên âm nằm trong giai đoạn đầu tiên của sự xâm nhập truyện Tàu vô nước Việt. Vấn nạn đặt ra là ta có nên bỏ công làm chuyện này trong thời điểm hiện tại?

Câu trả lời tùy theo nhãn quan văn hóa, văn học hay chánh trị. Cũng có thể là quan niệm tồn cổ hay tân tiến. Riêng chúng tôi khi làm công việc rất ít được khích lệ này chỉ vì lý do thấy vàng rơi nên tiếc mà thôi.

Vâng, tác phẩm của ông bà mình xưa nên coi như vàng của toàn dân, không nên để cho rơi mất theo thời gian chỉ bởi vì chúng ta cách xa với người xưa về cảm quan thường thức cũng như trình độ văn chương dính dáng với vốn cổ.

(NVS, TX, 2008, CA, 2015)

Tây Du Ký Hồi 1

Hồi Một theo đúng sự diễn tiến của nguyên tác Tây Du Ký tuy rằng tác giả dùng tài nghệ mình thêm vào những tư tưởng có tính cách triết lý và nhân văn khiến bốn tuồng trở nên có ý nghĩa và hay hơn nguyên bản.

Một viên chức của Thượng Đế có nhiệm vụ quan sát trần gian là Đại Lý Nhãn Thần một bữa kia ngó xuống trần gian thấy có sự kiện lạ: Một hòn đá nứt hai sanh ra một con khỉ, ông tâu trình với Thượng Đế và được dạy rằng đó là chuyện bình thường: khỉ đá do tinh khí của trời đất tạo thành nên chẳng có chi là quái dị.

Dưới hạ giới vật sanh thiên vạn,

Thạch Hẫu chẳng thiên địa trử tinh.

Vậy thần mâu linh nhãn (1-2) riêng minh,

Thử thường sự há tua quái dị!

Trong khi đó con khỉ đá Thạch Hẫu sống vui vẻ hòa đồng với đàn khỉ bình thường ở núi Hoa Quả nước Ngao Lai. Một bữa kia chúng khỉ đến một cái thác lớn bèn thách thức nhau nếu khỉ nào vào trong thác mà ra được an toàn thì được tôn làm vua khỉ. Thạch Hẫu nhảy xuống lặn

qua bên kia thác, thấy một phong cảnh khác thường: Có thạch động, có cầu sắt ai đó xây dựng sẵn từ lâu:

Giang san kỳ dị giang san!
Cảnh vật lạ lùng cảnh vật!
Khái vô thủy, vô ba kinh lật,
Cánh hữu quang, hữu nhãn khả quan.
Có thiết kiều một tòa rõ ràng,
Trong cầu ấy thông vào thạch huyết.

Thạch hầu lặn ra khỏi thác, rũ bày khí vào cùng nhau khám phá và sau đó trụ nơi đây làm động của đàn sau khi bắt chúng giữ lời hứa tôn mình làm vua gọi là Thạch Hầu Vương. Từ đó các loài thú khác đều đến xưng thần như loài Vượn, loài Gấu, loài Ngựa... Hoa Quả sơn biến thành nơi qui tụ nhộn nhịp của loài thú mà đầu đàn là Thạch Hầu Vương.

Một hôm Thạch Hầu vương tâm sự với đàn khỉ rằng mình sung sướng hiện tại đó nhưng sợ rằng mai kia sẽ chết đi, về châu Diêm Vương, không còn được sống ở nhân gian nữa.

Ta an hưởng thiên phò địa trợ,
Khoát tay các biệt mấy thu.
.....Sợ ngày sau vắng cảnh tang du,
Ắt bị gã Diêm vương lão tử.
Huống nhứt đán hoàng tuyền viễn khứ,
Sao đặng làm vật giữa nhân gian?

Chúng khỉ nghe xong bàn rằng chỉ có ba bậc khác phàm là Phật, Thần và Tiên mới thoát khỏi sanh tử mà thôi. Thạch Hầu Vương nghe vậy liền quyết chí rời bỏ Hoa Quả sơn ra đi cầu mong học được phép trường sanh bất tử. Trên đường đi cũng có những gian nan và phải ứng phó với đời. Đầu tiên là phải đóng bè vượt biển:

Chỉ non xanh bẻ một cành tùng,
Làm bè nổi qua miền đại hải.

Kế đến là phải sống chung đụng với người đời. Ở trong rừng núi ra lõa lồ thân thể nên phải có quần áo mặc vào thân trước là không khác người thiên hạ, sau là che chở những ẩm lạnh của thời tiết. Chuyện này cũng không phải dễ dàng gì:

Có ngư nhân thả lưới buông câu,
Giả mãnh thú đoạt tha y phục.

Cuộc truy tìm nơi có Thánh Thần để học hỏi, Hầu Vương tốn gần cả chục năm ở Nam (Bộ) châu nhưng chẳng gặp được đáng mình mong tìm, chỉ thấy toàn là người đời với những lo lắng cho cuộc sống gần gũi, những tranh danh đoạt lợi, tham sân si, những kẻ khinh người ngạo mạn, những kẻ vô tâm – tóm lại, chỉ gặp toàn **người đời tầm thường**, nên Hầu Vương lại quyết đi xa hơn nữa, đi ra biển, vượt đến vùng đất xa xôi hơn bên kia bờ đại hải là nước Hóa Châu với lòng mong tìm được đạo:

Kể từ thừa Hoa Sơn viễn biệt,
Qua Nam Châu tám chín năm dư.
Ngỡ Thánh Thần Tiên Phật sở cư,
Hay những đứng công danh lợi lộc.
Dốc học đạo bao nài khó nhọc,
Nổi bè qua đại hải Tây dương.
Nghe Hóa Châu nhiều chốn thương lang,
Ắt có đứng Thần Tiên tại thử.

Sự kiện có người đương trên đường tới đây tìm học đạo đã được vị Tiên trưởng đương dạy đạo ở Hóa Châu biết trước và cho đồ đệ ra đón. Có sự hiểu lầm xảy ra khi Thạch Hầu nói mình từ Đông Thắng Thần Châu đến, Tiên Trưởng không tin vì vùng đó quá xa, xưa nay chưa từng có ai từ đó đến đây được. Thạch Hầu trình bày rằng mình đã đi qua biết bao nhiêu sơn trùng đại hải, cả chục năm mới tới được chốn Tây Bộ Châu này. Cuối cùng thì Thầy cũng hiểu trò, hiểu luôn gốc gác đặc biệt của trò nên ưu ái đối xử thân tình sư phụ đối với đệ tử.

Hầu Vương:

Tôi vốn không danh tánh quê hương,
Ngụ Đông Thắng Thần Châu địa giới.
Non Hoa Quả ấy nơi qua lợi,
Động Thủy Liêm là chỗ nhàn du.

Bồ Đề:

Truyền Tiên chúng môn đồ,
Tương phạm trần cảnh xuất.
Thiệt những lời hư sức,
Vậy cũng gọi tu hành!

Hầu Vương:

Lời tôi vốn thiệt chơn thành,
Cúi lạy tôn sư nghiệm lại.

Bồ Đề:

Nghe lời người rất trái,
Sao còn gọi chơn thành.
Thắng Thần Châu biết mấy lộ trình.
Nam Chiêm Bộ lưỡng trùng đại hải.
Sao tới đặng Tây Ngưu địa giới,
Nhữ chơn thành tua khá thuyết lai.

Hầu Vương:

Đệ tử biêu (1-18) dương đại hải nhai,
Đấng lâm Tây Bộ thập niên tài.
Na từ vạn thủy thiên sơn hiểm.
Trá quá Thần-Tiên nguyện sát lai.

Bồ Đề:

Việc lộ trình nhữ thuyết an bày,
Nhữ bầm thụ như hà tính khí?
Thầy hỏi tánh tình thì Hầu vương trả lời rằng mình không có cái tánh - tâm thường - của con người, mình không khinh mạn, không sân hận. Một điều căn bản của người muốn học đạo

Thần Tiên:

Người đều có thị phi liêm sỉ,
Tôi vốn không nhân vật tính tình.
Ai mắng tôi tôi chẳng mạn khinh,
Ai đánh mỗ mỗ không sân hận.
Hỏi về cha mẹ thì Tiên Trưởng còn ngạc nhiên hơn khi nghe về thân thế của Thạch Hầu:
Cha mẹ đâu mà nói mà rằng,
Trời đất trở nên hình nên tướng.
Hoa Quả sơn trung nứt thạch sanh,
Tích thiên niên hậu sản ngô hình.

Cổ vô phụ mẫu sanh thành đức.
Bị thực tiền do nguyện kiến minh.

Tiên Trương Bồ Đề rút ra được kết luận rằng đây là một nhơn vật đặc biệt thọ tinh khí của trời đất bèn có lòng thương nên suy tính lựa chọn cho Thạch Hào một cái tên... Đặc biệt ban đầu ông tính đặt cho họ Hồ, nhưng ông suy nghĩ lại khi chiết tự chữ Hồ thấy không hay vì không thể dạy dỗ được bèn đổi lại, ban cho chữ **Tôn**:

Nhĩ thân tuy bị lậu trần ai,
Chân tiền kiếp hồ tôn thực quả.
Tự thân thượng (1-19) thủ tha tính thị,
Ngô tứ lai nhĩ tánh viết Hồ 胡,

Nhưng mà:
Cổ 古 giả lão dã,
Nguyệt 月 giả âm dã.
Lão, âm bất năng hóa dục,
Giáo nhĩ tánh Tôn 尊.

Và đặt cho một cái tên mang màu sắc triết lý căn bản của Phật và Đạo: Hiểu được sự vi diệu lẽ Không, Hư:

*Người chính dùng chữ Ngô phân minh.
Tôn Ngô Không tên giả chớ khinh,
Cho biết nẻo pháp danh không trọng.*

Từ đây Tôn Ngô Không ở lại động chăm chỉ học đạo với thầy Bồ Đề Tổ Sư. Tôn Ngô Không không còn là một con thú trời sanh mà trở thành một người, một người đã hiểu lẽ Tính Không, một người đương rèn luyện để đạt được cái điều mà mình quyết đạt cho được bất cứ những khó khăn nào: Trường sanh bất tử, không sợ lão Diêm Vương bắt về khi hết số.

Đặc biệt của hồi 1 của tuồng Tây Du này về phương diện ý tưởng ta thấy có 4 điều đáng để ý:

1. Sự quyết chí của nhân vật Thạch Hào.
2. Con người nói chung rất tầm thường.
3. Ở đời có những hoàn cảnh không thể thực hiện cái chí mình được.
4. Thần Tiên cũng có sự giận dữ hay phán đoán sai như con người.

Hai điều 1 và 4 đã được nói đến ở phần trên với những câu trích dẫn từ nguyên văn của tuồng, nay xin giới thiệu đơn giản về những ý 2 và 3.

Trong khi đi đường gặp tình những người mong tìm chút công danh như văn nhơn, như võ sĩ, thậm chí kẻ bất tài vô tướng cũng không ngoài mục tiêu đó:

*Ta tuy rằng không chút tài năng,
Cũng lướt tới họa trúng khoa vô dụng*

Điều đặc biệt là những người này đều bị con quỷ vô tâm, ích kỷ ngự trị trong lòng nên không muốn giúp đỡ thiên hạ mặc dầu thấy người đó ngu ngơ cần giúp đỡ.

*Nói chi đũa không hay không biết,
Điều đi ta kéo tới kéo trụa. (1-10)*

Đàn ông đã thế, đàn bà cũng không khác gì. Hãy xem sự ngu ngơ của Thạch Hào vương được đàn bà đối xử ra sao khi anh ta xuống nơi thị tứ, không biết chợ là cái gì, tại sao người ta đến đó đông quá...

Hào Vương:
Xem việc chi cũng lạ,

*Người ta họp rất đông.
Ở người kia lại mổ hỏi cùng,
Việc chi những đàn bà xao-xác?*

Thị nhân:
*Thằng ở đâu bá-láp,
Sao không biết chợ đông!
Mặt mũi rất lạ lùng,
Hèn chi mà hỏi giá.*

Hầu Vương:
Hỏi: *Xóm chợ mà làm chi?*

Thị nhân:
*Xóm chợ đây bán tôm bán cá,
Xóm chợ phường đi bán đi buôn.
Cũng có người cầu lợi đến muôn,
Cũng có kẻ xâm hao đến vốn.*

Lại nói:
*Nói làm chi việc bán,
Về kéo trẻ nó trông!*

Vâng! Về kéo trẻ nó trông, đó là tấm lòng của người mẹ, người vợ, nhưng sự kiện những người này không bỏ ra chút ít thời giờ tối thiểu giải thích cho người chưa biết chính là do lòng ích kỷ giật dây, do sự vô cảm điều khiển khiến họ chỉ nghĩ đến những thứ thuộc về mình... Nói chung Thạch Hầu vương chỉ gặp những bá tánh tầm thường, nhưng bá tánh thời nào cũng vậy, tạo nên bức tường vô hình giữa người với người, bức tường đó được phá vỡ chút nào đó là nhờ những người tử bi, vị tha, có lòng với người khác...

Một nhân vật ngoài đời có đủ đức tánh trên là lão tiều phu mà Thạch Hầu Vương gặp khi đến Tây Bộ châu, ông này tuy nghèo nàn, công việc làm cực nhọc để sanh nhai, nặng gánh mẹ già nhưng khi ra ngoài thì vui thú thanh thoi và sẵn sàng đứng lại lâu để trả lời những câu hỏi của Thạch Hầu vương, chỉ dẫn ân cần nơi cần phải đến:

*Người vốn đã có lòng phổng bái,
Ta nữ nào còn dạ ẩn tàng.
Chốn linh đài phương thốn cao san,
Miền tà nguyệt tam tinh có động.
Có một đứng Thần Tiên đạo thống,
Danh Bò Đề đạo hiệu Tổ Sư.
Môn đồ đắc tam tứ bách dư,
Nhĩ tông thử Nam hành bất viễn.*

Nhờ sự hướng dẫn của Lão Tiều, Thạch Hầu đến được nơi mình cần đến như ta đã biết. Ta thấy rõ lòng biết ơn của Hầu vương khi bịn rịn chia tay với Lão Tiều *cùng nhau lộ thượng phân khâm*, điều này có được vì hai người cùng chí hướng tuy mỗi cá nhân mỗi hoàn cảnh, một đảng không gia đình, không thân thích nên thông dong thực hiện chí lớn của mình, một đảng vì gia cảnh đơn chiết nên quay qua giữ tròn hiếu đạo gọi là an ủi. Đời có sự bi đát trong sự kiện coi ra thiệt là bình thường!
Lời người phân thậm đáng,
Khốn vận mổ đa nan.

Vả cha đà sớm tách xuôi vàng,
Còn mẹ hỡi nấu nương nhà bạc.
Thêm nổi nhiều phen cơ khát.
Vậy nên hái củi dưỡng thân.
Trong thờ thân chưa đặng tấc phân,
Sao học đặng tiên nhân đại đạo?

Tác giả muốn nói gì khi đưa ra hình ảnh Lão Tiêu với những trao đổi tâm tình cùng người khách lạ Thạch Hầu ở chỗ này? Tôi không muốn đi tìm chính văn Tây Du Ký phổ biến đầu thế kỷ 19 ở Việt Nam để kiểm chứng xem có đoạn nói về chi tiết này hay không. Dầu sao khi viết đông dài ở chỗ này Bùi Hữu Nghĩa chắc chắn có lý do: Tạo cho người đọc một sự suy nghĩ. Đó là điểm son của người phóng tác không phải ai cũng có được...

Victorville, CA. Nov. 29-2015

Chuyện Đồi Xưa, thể hiện sự giữ lửa của tiếng nói miền Nam Kỳ Lục Tỉnh

Quyển *Chuyện Đồi Xưa* của Trương Vĩnh Ký là quyển sách bán chạy nhất và đi vào lòng dân chúng nhiều nhất trong số hàng trăm tác phẩm của nhà văn này. In tới lui nhiều lần, năm 1914 đã in tới ngàn thứ chín trong một quốc gia lúc đó dân số chưa đầy 15 triệu với đường xá lưu thông không thuận tiện, sách báo in ở Sài Gòn lưu hành ra Trung và Bắc không phải là chuyện sanh lợi... Khi chữ quốc ngữ phát triển đã vững vàng thì quyển sách này lại là món hàng được các nhà xuất bản ưa chuộng. Những lần in không đề tái bản lần thứ mấy và in với số lượng bao nhiêu thì phải nói là cơ man dầu rất ít người biết.

Tại sao quyển truyện khổ nhỏ mỏng chưa tới 100 trang, nội dung thì chẳng có gì gọi là hấp dẫn lại có sức thu hút như vậy?

Chính là nhờ ông Trương khi viết đã nhằm vào hai mục tiêu căn bản rất hợp lý. Và ông đã đạt được gần như trọn vẹn điều mình đưa ra:

1. Giáo dục về luân lý. Cho người đọc thấy những bài học tốt dùng trong cách ở đời của cả nam lẫn nữ, các ứng xử phải đạo vào trạng huống cần thiết, đề phòng kẻ xấu, chớ cả tin, chớ cho rằng mình hay giỏi vì trên đời còn nhiều kẻ giỏi hơn mình...
2. Dùng tiếng Annam (Việt Nam) ròng. Trong toàn quyển chuyện không sự kiện cố gắng làm văn chương một cách kịch cởm, mặc dầu tô điểm văn chương không hẳn là xấu, ông chỉ sử dụng tiếng Việt thường nhật, với những từ ngữ của giới bình dân (*lo đáí ra cây, tưởng đã xong đời, dòì quách, lẻo đẻo theo quáy, đút trây, trơ trơ mặt địa, đỏi xơ mép...*). Người đọc đón nhận nồng nhiệt cũng vì lẽ đó. Nó gần gũi với người đọc trong từng câu chuyện đã đành, nó còn không cách xa về ngôn từ để kén chọn độc giả như là những *tác phẩm bác học* kiểu Đoạn Trường Tân Thanh, Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, Tàn Cung Nữ Oán Bái Công, Lưu Nữ Tướng, Dương Từ Hà Mậu, Kim Thạch Kỳ Duyên, Lôi Phong Thập, Tây Du Diễn Truyện.... Nó cũng dễ bắt ta tiếp tục đọc cho tới hết quyển, trái với những tác phẩm lớp trung lưu mà những nhà làm văn học sử gọi là *tác phẩm bình dân* như Trần Đại Lang, Trinh Thử, Trê Cóc, Thoại Khanh Châu Tuấn, Lý Công, Nữ Tú Tài, Nhị Độ Mai, Phan Trần... Đó là nói về lời văn. Ở mặt sự kiện trong truyện, tác giả còn khéo léo cho thấy *sinh hoạt của dân chúng*, hầu hết là vào đầu thế kỷ 19, nên đây là nguồn tư liệu dồi dào về những chi tiết của cuộc sống dân ta mà gần như ngày nay không thể thấy được, không thể hiểu được cho tường tận do sự thay đổi của xã hội (ăn ong, ăn bánh ló, cái chày mỡ, đèn ló của ăn trộm, mỡ ống, sự làm đám, hầm bắt cạp, bắt chồn, tục mai dong, tục ở rể, thách cưới, ăn chè trưa, thầy pháp trừ tà, ăn cướp trên sông ...).

Sách viết hơn trăm năm trước, bằng tiếng dùng hằng ngày của dân miền cực Nam nên chắc chắn là khó hiểu với phần đông người đọc hiện giờ. Sự giải thích những từ này là cần thiết nên quyển sách *Chuyện Đồi Xưa* của Trương Vĩnh Ký: Người giữ lửa cho tiếng nói miền Nam có lý do để ra đời. Bản đánh máy được cẩn thận dò theo bản in năm 1914 được phóng lớn để tránh sơ sót và có thể đính chánh một vài trường hợp in sai của bản in 1914.

Trong sự chú giải chúng tôi chú trọng trên những từ *địa phương Miền Nam* vốn càng ngày càng xa lạ với người Trung, Bắc. Những cách nói địa phương của thời tác phẩm xuất hiện (1873) cũng được lý giải, nếu bỏ qua người đọc sẽ khó hiểu. Một vài cách nói nay đã thay đổi, những trường hợp chữ dùng nay đã biến mất chúng tôi cũng ghi nhận mặc dầu có vẻ như hơi xa mục đích của sự chú giải một bản văn.

Về phần nội dung thì đại khái nhân vật được nói đến gồm hai loại, Người và thú vật.

Chuyện thú vật tương đối ít, chỉ có 13 chuyện trên tổng số 74 như: Con chồn với con cọp-c1, Con cóc tía với con cọp và con khỉ-c3, Cọp bị đá-c25, Cọp mắc đuôi trong bụi dứa nước-c26, Ăn trộn và Cọp rình nhà-c27, Con chó và con gà-c31, Cọp mắc bẫy không ai thềm cứu-c53, Ruồi, muỗi chim sắc với con rùa-c54, Con cóc với chuột-c55, Hữu đồng vô mưu-c56, Mưu trí hơn là sức mạnh-c62, Con thỏ gạt con cù-c65, Cọp mắc mưu thỏ-c66, Chó sói và chồn-c71.

Với tỷ số 13/74 truyện loài vật, quá ít so với truyện con người nên ông Trương Vĩnh Ký có lý khi đặt tên quyển sách của mình là *Chuyện Đồi Xưa* mà không phải là *Chuyện Ngụ Ngôn*. Nhìn chung hầu hết là chuyện về con cọp, với chuyện con cù phụ thêm: mạnh nhưng không khôn, thường bị chúng gạt đẩy vô thế phải gánh nạn cũng như bị lợi dụng. Chắc chắn rằng ông Trương có dụng ý gì đó - Dụng ý kiểu này ta còn thấy trong Bài Hịch Con Quạ.

Xem *Bài Hịch Con Quạ*, Giải thích và chú giải, Nguyễn Văn Sâm - ngoài sự dạy khôn người đời, chẳng hạn như sức mạnh của thực dân Pháp không lợi hại bằng trí khôn của chồn, của thỏ, của người nông phu tượng trưng cho dân Việt. Điều này có thể tin được nếu ta để ý đến nhiều yếu tố khác ngoài đời của tác giả. Chúng ta phải ghi nhận rằng Trương Vĩnh Ký không có chức quyền gì trong hệ thống hành chính của Pháp ngoài những vai trò liên quan đến giáo dục, không vô Pháp tịch để được ưu đãi, hay hành động can trường của ông khi cho đăng bài *Về Năm Dỏ* trên tạp chí *Miscellannées* số 4 năm 1889 có những câu rất chống Pháp: *Từ ngày có giặc Lang Sa, Muôn dân thiên hạ nhà nhà đảo điên. Dân tình ai nấy ưu phiền, Sưu cao thuế nặng quan truyền vô đây. Ngày thì bồi lợi đông tây, Tối thì ra dò, roi dây hắt hòi...*

Truyện loài vật chiếm 13, nhưng chuyện cọp gần cả chục, lý do vì thời Trương Vĩnh Ký cọp quá nhiều ở Đồng Nai và vùng lân cận, sách *Đại Nam Nhứt Thống Chí*, *Lục Tỉnh Nam Việt* biên thuật trước đó vài chục năm ghi nhận nhiều chuyện cọp về tới sát vách chỗ dân cư.

Chuyện về người tương đối nhiều 61/74 kể đủ thứ: Người khờ khạo, người 'đi bạn' khùng, anh sợ vợ, tên nói láo gạt người, gã hà tiện tới chết không chừa, kẻ ba xạo để kiếm chút cơm, người tham ăn với con với dâu với vợ, ông thầy dốt chữ tham ăn, ông thầy pháp sợ ma, quan lại ăn hối lộ bị nói xâm chưởi xéo, con gái ham chồng làm quan lớn... Đủ hết bức tranh xã hội về mặt tiêu cực của mọi thời. Chọn mặt tiêu cực nhiều vì như ông đã nói trong phần Ý Sách *Chuyện Đồi Xưa*: '... ta bày ra để mà khen sự tốt, chê sự xấu cho người ta sửa cách ăn nết ở cho tử tế.'

Đây không phải là *Chuyện Giải Buồn*, cũng không phải là *Chuyện Tiếu Lâm*, đây là những chuyện có tính cách luân lý, khác với những chuyện của Thọ An Phạm Duy Tồn (*Tiểu Lâm An Nam*, Ích Ký, Hanoi, 1924) khác xa với những chuyện của Trần Phong Sắc và Huỳnh Khắc Thuận (*Tân Tiểu Lâm*, J. Viet, Saigon, 1918).

Tiền đây cũng xin chép lại phần quan trọng trong lời tựa quyển sách của Trần Phong Sắc: ‘Phàm chuyện Tiểu lâm, Khôi hài, là chê sự xấu, biếm kẻ lỗi, làm cho người có tịch ấy biết mất cỡ mà sửa mình, chớ không phải coi cho nhục cười mà thôi. Bởi có ấy, nên các nước đều có sách Tiểu lâm, chuyện Khôi hài. Một là sửa phong tục hai là giúp sự vui cho mấy vị trường lão, có tuổi tác không đi chơi bởi đặng thì nghe con cháu đọc chuyện ấy mà cười cho vui.’

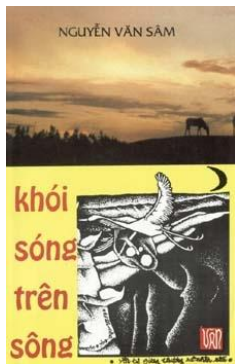
Trương Vĩnh Ký chỉ chú ý đến mặt luân lý sửa đời, Phạm Duy Tồn cũng như Trần Phong Sắc thêm yếu tố làm cho người ta nhục cười nên sự châm chọc mạnh bạo hơn, tính chất dung tục nhiều khi cũng đậm đà trong khi đó sự châm chọc bao biếm ở Trương Vĩnh Ký nhẹ nhàng và yếu tố tục không có....

Bản in này cũng nhằm đáp ứng lời yêu cầu của một vài cựu học sinh trường Petrus Ký khi họ tỏ ra tiếc rằng mình không hiểu nhiều chỗ khi đọc quyển *Chuyện Đời Xưa* hay thậm chí không tìm thấy quyển sách quý này để đọc.

Nhân kỳ in này chúng tôi cũng xin tạ ơn nhà văn hóa Vương Hồng Sển, vị thầy cũ của tôi ở trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn ngày trước, nhờ ông trân trọng giữ gìn bản in quý năm 1914 nên chúng tôi mới có cơ hội sửa đúng lại theo nguyên văn một bản tương đối là xưa cũ, mặc dầu Trương Vĩnh Ký xuất bản quyển *Chuyện Đời Xưa* này trước đó cũng mấy mươi năm (1873).

(Victorville, CA tháng 11, 2016)

Đọc “Khói Sóng Trên Sông” của Nguyễn Văn Sâm Nguyễn Vy Khanh



Tìm hiểu hành trình văn nghệ của một số nhà văn thế kỷ XX, chúng tôi thích thú khám phá Nguyễn Tuân, Xuân Diệu viết phê bình văn học đặc sắc không thua gì thơ văn của họ: Nguyễn Tuân độc đáo khi viết tổng luận về Tản Đà, Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Hồng, Nguyễn Du, cũng như Xuân Diệu khi viết về Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương.

Đó là những văn nghệ sĩ đi từ sáng tác đến thể loại phê bình, khảo cứu. Nguyễn Văn Sâm là một trường hợp ngược lại, có thể do hoàn cảnh phải sống xa quê hương, ông khởi đầu sự nghiệp với những công trình nghiên cứu nghiêm túc về văn học trước khi sáng tác, viết truyện. Các biên khảo của ông đều lấy chủ đề là văn học miền Nam (*Văn Học Nam Hà, Văn*

Chương Tranh Đấu Miền Nam, Văn Chương Nam Bộ) là những đóng góp độc đáo cho mảng văn học thường không được đánh giá đúng mức này.

Ông đã đi xa hơn hai cuốn Văn Học Miền Nam của Phạm Việt Tuyền và Đông Hồ và đã đưa vào văn học sử mảng văn học yêu nước và kháng chiến của miền Nam, phần nào “chính danh” lại cho những văn nghệ sĩ miền Nam vốn vẫn bị đảng cộng sản xử dụng cho chiêu bài “yêu nước” của họ. Về sự chuyển hướng, chính tác giả đã cho người đọc biết : “qua Mỹ viết truyện ngắn vì những thôi thúc phải nói lên sự suy nghĩ của mình về quê hương và thân phận người Việt ngay trên quê hương hay lạc loài tha hương” (1). Về sáng tác, Nguyễn Văn Sâm đã xuất bản Câu Hồ Vân Tiên (1985), Ngày Tháng Bồng Bềnh (1987). Trong bài này chúng tôi viết về tập *Khói Sóng Trên Sông* mới do tạp chí Văn xuất bản đầu năm 2000, đúng ra là một vài cảm tưởng về thể loại truyện ngắn và văn chương miền Nam, qua chữ nghĩa của Nguyễn Văn Sâm.

Tập truyện *Khói Sóng Trên Sông* gồm 14 truyện ngắn về hai chủ đề chính : quê người và quê nhà. Hãy nói chuyện quê người trước. Truyện *Khói Sóng Trên Sông* là truyện cuối được dùng

làm tựa cho cả tập, viết về đời sống nơi xứ người nhưng ở đây, cũng như các truyện ngắn khác về cùng chủ đề, hình như các nhân vật tiếp tục kéo dài nếp sống ở quê nhà nhiều hơn là những bận tâm hội nhập.

Trước khi tác giả đưa người đọc đến bên sông bồi hồi nhìn khói sóng, hai nhân vật Chuyên và Vũ đã phải trải qua sàng lọc hội nhập. Về vấn đề hội nhập, tác giả không dùng dao to búa lớn, chỉ gợi cảm qua hình ảnh, tình cảnh. Chuyện hai chị em Chuyên và Vũ ở Tiểu Sài-Gòn, còn là chân dung cuộc đồng người Việt ở Hoa-Kỳ nói chung với những nhân vật có máu lạnh tụ ... ở xứ người, sống bằng trí nhớ dù thời gian qua vẫn không ... phai pha, thường tưởng tượng, thêm thất, điểm phán. Ở quán nước Chuyên làm hầu bàn, họ là những “tục khách”: “Những khuôn mặt mang nụ cười nham nhở. Những hàm răng cẩu bợn thức ăn. Những hơi thở nồng hơi bia xú với thực phẩm chưa kịp tiêu hóa, tạo thành mùi cám heo lâu ngày, chuyển mùi. Chuyên muốn gạt phắt những chúng sinh lơ nhô chung quanh sang một bên để chạy mau về phòng mình nằm sải tay thở những hơi dài trút hết những ưu sầu, chán chường ra khỏi tâm tư” (tr. 250). Thế hệ của Chuyên lớn lên khi cuộc chiến đã chấm dứt, phải sống trong xã hội cộng sản rồi vượt biển bị hiếp đáp. : “Ngày trước lạnh lùng giết nhau trong cái dửng dưng của không hận thù, ngày nay lạnh lùng làm khổ nhau đến chết trong bầu không khí tràn đầy hận thù âm-ĩ. Các chú, các bác mau chân nhanh tay chạy vọt qua đây đâu thấy chúng tôi bị hành hạ đủ điều đâu...” (tr. 247). Chuyên lợm giọng trước những người thích tới quán để sống cái quá khứ vẽ vời và sống ảo tưởng “anh anh em em” với các cô gái đáng tuổi con cháu.

Tình yêu, cuộc sống của Chuyên, cũng như nhiều người tị nạn khác, phải sống cái bi đát ở giữa hai văn hóa, hai thế giới : Khoa ở đây, Hùng quê nhà; tình người ở quê hương vẫn vì nhiều kỷ niệm, vì khởi từ gốc rễ, thành ra dễ lờ là với tình bạn mới, Chuyên tự hỏi “tại tôi không biết điều chỉnh nhân quan để phù hợp với cuộc đời mới bon chen bên này?...” (tr. 249). Đến khi mất tình yêu ở Việt Nam, Chuyên mới nhận ra mình “chỉ là một con vật nhỏ dật dờ theo con sóng đời trôi dạt. Nhưng sao tôi nghe muôn ngàn đờ vỡ tàn khốc trong hồn, nghe hệt hững như mình không còn quá khứ, hôm qua được sanh ra và hôm nay là tôi của hiện tại, tâm hồn trống không” (tr. 256).

Trong khi tình yêu ở xứ người là những bất ngờ. Martha, người yêu của Vũ, em Chuyên, đã ngoại tình dù đang có chửa, đang “mang mẫn” - nói như Nguyễn Văn Sâm. Một hội nhập không lối thoát mà rồi cũng chẳng đưa đến đâu!

Trong những truyện khác, đề tài hội nhập được nói đến và thường là những vấn nạn, như cha mẹ già cả bệnh tật con cháu phải chăm sóc trong khi phải bon chen với đời sống mới, trong Mát Lạnh Tuổi Vàng, như những va chạm với người dị chủng có khi gây hiểu lầm, trong Ông Già Noel Có Thật, như nếp sống cá nhân và cô đơn của giới thiếu niên đưa đến những thảm cảnh bị dụ dỗ, trong Người Bí Mật Chiêm Ngưỡng,

Dù rồi cũng thành công, cũng sống còn, đi lên nữa là khác, nhưng đời sống hội nhập không khỏi có những khó khăn cho các thế hệ hãy còn nhiều liên hệ với quê hương. Bởi thế khi hoàng hôn xuống, thời điểm mà con người xa quê thường nhớ nhung, hay hướng về chân trời thân thương cũ, nhất là khi đứng trước con nước xứ người, giữa cái mơ hồ, đời mới cũ, tâm sự u uất vì nói không ai hiểu, không có ai hoặc không ai có thể hiểu. Tác giả không nhắc nhở nhưng đã dùng ý câu 8 của bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu để đưa người đọc đối đầu trước một tình cảnh sống, trước câu hỏi đầu là quê hương! “Yên ba giang thượng sử nhân sầu” như một kết cục tất yếu của hạc vàng vang bóng của ngày cũ, quá vắng, của người xưa, đi không trở lại; mây trắng mênh mông, càng mênh mông thêm nỗi buồn xa xứ!

Khi viết chuyện ở xứ người, câu văn Nguyễn Văn Sâm thường ngắn gọn, ít vần và đối, nhưng trái lại, khi tả chuyện quê nhà với những nhân vật thật “lục tỉnh” gắn liền với quê hương, thì câu văn dài dòng như có thể mới nói hết được tâm sự, mới tả hết được dáng cách con người và

góc cạnh của những khu phố, đường làng quê!

Như *Nước Trong Nguồn* là một truyện ngắn viết về số phận của một chàng thanh niên quê quặt xưng “tôi”, mặc cảm ngập trời về thân thể của mình mà lại luôn luôn thèm khát xác thịt đàn bà, cuối cùng đành chịu lấy một thiếu nữ đã có bầu với kẻ khác, qua sự sắp xếp của bà mẹ. Hương Cỏ nhắc nhớ một mùi hương sống động của quê hương qua chuyện “gái bao” của một Việt kiều “già dịch”. Âm Dương là cuộc sống khốn khổ ở quê nhà sau ngày “giải phóng”. Một quê hương rất tha thiết, bụi ngùi! Người xa quê như luôn trông về quê nhà, nơi đó có “ngôi nhà tràn ngập tình gia đình, đứng nép mình bên bờ con sông lớn ngàn đời sóng vỗ (...) tất cả đều là khói sóng trên sông cả” (tr. 263).

Quê nhà ngập trí nhớ, nên từ một điểm ký ức nào đó cũng có thể phóng ra cả một quãng đời hay mảnh đời đã qua nhưng vẫn sống động! Trong Quê Hương Minh, thế giới của thầy Năm với chiếc ghe cá đi khắp nẻo sông bến nước, của dì Tư và anh em thằng Đực. Hễ nhắc tên Chợ Đệm đã “gợi trong lòng dì cảm giác bồn chồn xao xuyến. Đường về không xa, nhưng sao bao năm nay đâu dám nghĩ tới!” (tr. 189). Thật vậy, Quê nhà là những địa danh thân thương. Trong Theo Gót Huyền Trân, người đọc như “thấy” lại Sài-Gòn, Khánh Hội, Chợ Lớn, xóm Mã Ngụy, đồng Tập Trận, ... của những người lục tỉnh lên chốn thị thành nhiều cạm bẫy, bất ngờ, của những “tây-tà, chà-và, các-chú”, của một thuở xa xưa! Một Sài-Gòn mà “bàng dân thiên hạ hướng về Sài-gòn như thể hoa quỳ hướng dương” (tr. 51). Nhân vật xưng tôi trong Biển Trời Lai Láng tâm sự: “Sài-gòn đối với tôi thân thiết đáng nhớ, xa trong thực thức nhưng tiềm thức không bao giờ xa. Bao nhiêu đó đã là quá đủ. Một vài chi tiết cụ thể về nơi này nơi nọ, người này người kia, nói cho cùng, cũng chỉ như một nhóm sao nhỏ nhoi trong vũ trụ bao la của triệu triệu dãy Ngân Hà” (tr. 158). Kể Chuyện Ngày Xưa đưa người đọc trở về Mỹ Tho và ngôi trường Nguyễn Đình Chiểu của hôm nay: “Bây giờ thì tang thương đến cả từng mảnh nhỏ của ngôi trường vì người ta không làm tròn nhân luân” (tr. 131); tang thương cho cả người cũ về thăm cảnh xưa vốn đẹp trong trí nhớ. “Lá me vàng úa bay lã tã, lượm lờ trong không gian, như xúc động bụi ngùi đưa tiễn, rớt lấm tấm trên cái đầu bạc trắng của người thầy giáo già mất quê hương và mất luôn cả kỷ niệm” (tr. 132). Kiếm tìm có khi chỉ đưa đến thất vọng!

Quê hương còn là những mùi hương, mùi thơm của hoa, của đất,... Truyện Tình Đất bắt đầu với “mùi thơm thoảng quyện mơ hồ” của bông lài; truyện chấm dứt với lời thú đậm tình: “Bao nhiêu năm nay tôi thường chiêm bao thấy mình đang ở trong căn nhà cũ. Tôi thấy mình tưới nước bông lài buổi sáng sớm mai. Tôi cảm nhận được rõ ràng mùi bông lài thơm nhẹ nhàng trong không khí, một mùi quen thuộc mà tôi không thể nào gặp được ở bất cứ chỗ nào...” (tr. 240). Sống ở quê người mà vẫn có cảm giác như đang sống ở quê nhà. Cảm giác của mộng mị trở thành ảo giác khi phải trực diện với cuộc đời trước mặt, nhưng trong trí nhớ thì ngập tràn. Nhưng quê nhà cũng là những mùi hôi của những chồn bùn lầy nước đọng của người ăn xin, của những trẻ đi lượm cá sinh ở chợ (Quê Hương Minh, tr. 178-179). Sống ở xứ người có lúc “nghe” được mùi thơm bí ẩn tỏa ra từ một Việt kiều “già dịch” như mùi hương cỏ, như “mùi hương con gái” (tr. 108). Khứu giác người xa xứ không lắm, nhưng khi hiểu nguồn gốc mùi thì hương cũng mờ thoảng lẩn! Đã vậy trong cái xã hội người Việt xa xứ có những mùi hôi của những “khuôn mặt mang nụ cười nham nhở (...) những hơi thở nồng hơi bia xú với thực phẩm chưa kịp tiêu hóa, tạo thành mùi cảm heo lâu ngày, chuyển mùi...” (tr. 250).

Quê nhà cũng còn là những tiếng động, tiếng người, của chợ Tết trong Tình Đất, ồn ào náo động đó rồi vẫn chợ cũng nhanh: “Chợ ba mươi Tết kỳ lắm, đông như họp chợ âm phủ mà chừng trời đứng bóng thì tan gần hết, lác đác còn lại còn thua chợ ngày thường nữa...” (tr. 224). Nào là những tiếng động của Sài-Gòn ngày cũng như đêm, trong Theo Gót Huyền Trân. Tóm, tiếng động, hương thơm, ... người lưu xứ thường hãy còn lưu giữ một phần hồn của cố quốc, nhất là ở thế hệ thứ nhất! Viết đến, nhắc lại, như một thảo hiếu với đất đai, nguồn cội!

Các truyện của Khói Sóng Trên Sông phần lớn có cấu trúc chặt chẽ, nhiều tình tiết, có những

kết thúc đầy bất ngờ. Cổ điển truyện ngắn, nghệ thuật văn chương, không làm dáng thời thượng cũng chẳng tân cải bất ngờ! Nhân vật thường hiền lành, đơn giản dù tâm hồn cũng rất khúc mắc - những “tôi” tật nguyên dồn nén trong Như Nước Trong Nguồn, những Cô Út trong Tình Đất, dì Út, cậu Bảy trong Tình Lạ Thiên Thu hay người con dâu hiếu hạnh trong Mát Lạnh Tuổi Vàng, v.v.

Chất Nam “lục tỉnh” của Nguyễn Văn Sâm thể hiện trong chữ dùng, trong phong cách viết, tả nhân vật và tỏ lộ tâm tình. Nguyễn Văn Sâm tự đề ra cho mình một loại “cương lĩnh” trong Bài Châm Về Viết ở đầu tập truyện: “... Cái quê hương mến yêu, chốn sanh trường thân thiết, tiếng địa phương nghe từ khi còn nằm võng ần náo trong hồn, tuông ra đúng lúc, phải chỗ...”

Nguyễn Văn Sâm có một ngôn ngữ “miệt vườn” đặc sắc. Ông xử dụng nhiều tiếng đặc “miệt vườn”, những phương ngữ làm nên cái duyên của miền Nam lục tỉnh. Ông dùng nhiều từ láy và đặc biệt ông đã cẩn thận gạch nối:

- “Trước đây thằng đó thấy tôi còn đứng dậy dĩa-lĩa chào hỏi, khúm-núm bẽn-lẽn, mà con Út cũng coi bộ sợ-sệt, bối-rối” ... “Thét rồi nó tới chà-lét quét-xám ở nhà tôi, gặp thì chỉ chào sơ sơ rồi quay ra tíu-ta tíu-tít với con Út...” (tr. 214).

- “Sồn sồn tuổi nhưng du dương giọng, bà Hương có tiếng chửi không khác là bao với tiếng hát ru em trưa nắng, mùi mẫn như bài ca dạ cổ hoài lang từ phu tướng lên đường, đã điệu còn hơn nghe mấy con nhỏ xóm dưới kéo vuốt mấy tiếng chót của một câu hò ruột lên cao ngất, nhọn lều như kim, chích nhè nhẹ nhột nhột vô tim “ (tr. 22).

Hay : “... cần lắm thì ậm-à ậm-ừ cho qua...” (tr. 24); “mang bầu lạch ạch cũng bò ra chợ, mới đẻ hôm kia cũng te te đi bán...” (tr. 56), v.v. Vừa dùng tiếng láy vừa dài dòng và màu mè như tiếng nói người miệt vườn: “ngâm nga sông dài con cá lội biệt tăm” (tr. 25). Như một mạch tư duy liên khúc. Giữa những khớp nối tư duy, cảm xúc ấy là những hình dáng con người và cảnh tượng có sức tỏa rộng, gặp gỡ và xuyên thấm vào nhau!

Ông có tài quan sát và tâm lý như phân tâm mặc cảm của nhân vật tật nguyên mà ham gái trong Như Nước Trong Nguồn: “Từ lâu rồi tôi chỉ đứng xơ-rớ trước cửa nhà thềm thường, với cảm tưởng rung động ở từng sợi gân trong thân thể, ngó theo lũ con gái nhún nha nhún nhẩy, để rồi sau đó nằm cong queo trong một góc giường nhắm mắt vẽ lại hình ảnh trong trí hết đũa này tới đũa khác. Thường thường tới đũa thứ hai thì tôi mệt lã, tim đập thình thịch như trống châu, ngủ thiếp đi lúc nào không hay, nhiều khi thức giấc bàn tay trái vẫn còn ướt mẹp đương nằm giữa hai bắp vế, thoảng hôi một mùi là lạ...” (tr. 33).

Tâm lý như khi tả người ghiền thuốc ở xứ người hết tự do như trước: “Thỉnh thoảng lắm mới có dịp tất cả mọi người cùng đi vắng, tôi được tự do rít hơi thật dài, thật sâu, ém hơi lâu trong phổi, phun ra rồi hít vô ngay lại bằng lỗ mũi. Những lúc này thì đã tận mạng”(tr. 105).

Cả trong quan sát diêm mạo con người, các nhân vật của ông hay chú ý đến các bộ ngực nở nang của phụ nữ. Một nhân vật nói về một cô gái miệt vườn: “Con Cúc trở mã cả năm nay, tay chơn tròn trịa, vú dầy đội lớp áo lên cao nghệu dòm ngang thấy trơn láng mềm mềm ra về con gái quá chừng.” (Tình Đất). Tật nguyên như nhân vật xưng “tôi” trong Như Nước Trong Nguồn mê gần hết các cô gái trong xóm cù lao: “Mấy đũa này đũa nào đũa nấy đều bị tôi “tưởng tượng” một vài lần khi ban ngày nhõng nhánh đi ngang qua nhà tôi, cười cười nói nói, cái quần lảnh đen láng o dòm không thôi đã thấy mát rượi lòng, cái áo nút bóp căng thịt, cặp mắt bén ngót như dao cạo...” (tr. 34), rồi mê Nhân, bạn của anh mình, cũng qua bộ ngực: “Ngồi trong nhà thấy nó thấp thoáng bên kia, ngực một ngực, lồ lộ thiếu điều căng xé áo nhảy ra ngoài, tôi cũng đã cảm nhận nổi vui vui tràn ngập lòng, đời thiệt thòi như được trút bớt vài phân.” (tr. 27).

Văn chương Nguyễn Văn Sâm tưởng chừng theo truyền thống viết-như-nói khởi từ trường phái Trương Vĩnh Ký, qua Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc đến Võ Kỳ Điền, Nguyễn Tấn Hưng thời hiện đại. Khởi sáng tác cùng thời với hai nhà văn sau, nhưng các truyện ngắn của Nguyễn Văn Sâm nếu đọc kỹ mới thấy ông đi xa hơn: ông viết như nghĩ và dùng ngôn ngữ nói để làm văn chương. Ông hấp dẫn người đọc bằng các chi tiết ly kỳ xen kẽ với lối nói, lối suy nghĩ của các nhân vật đa dạng nhưng tiêu biểu cho “miệt vườn”. Cái khiến Nguyễn Văn Sâm không giống các nhà văn “miệt vườn” khác, là chính trong câu văn mà muốn hiểu thì người đọc phải hiểu được mạch nổi, mạch chìm và lớp từ ngữ bộn bề, dồi dào, nhuốm trí thức của ông. Có thể xem Chờ Cho Trăng Lặn và Như Nước Trong Nguồn là hai truyện ngắn tuyệt tác tiêu biểu của Nguyễn Văn Sâm ! Nhưng trong các truyện còn lại khi viết về quê nhà, kỷ niệm, thời gian và cảm xúc tác động mạnh thành ra có khi hơi dài dòng, vận dụng đối và vận nhiều, có thể khiến người đọc nhiều khi khó theo dõi câu chuyện.

Người đọc có thể lạc đường, một lạc lối dễ thương thôi, giữa một rừng tâm tình và cảm xúc của tác giả. Kiệt Tấn cũng dài dòng nhưng ở một tầm cỡ khác, ở chỗ nhiều đối thoại và nhiều tình tiết động tác hơn và câu chuyện hay lặp lại. Hồ Trường An cũng dài dòng nhưng trong màu mè nhân tạo và miêu tả trên một nền “miệt vườn” đã sẵn!

Chúng tôi nghĩ Nguyễn Văn Sâm có chủ tâm chi tiết hình ảnh và dài dòng, du dương, câu văn nhiều nhạc tính - dài theo hơi kể chuyện, lối “nói” văn chương truyền thống trong Nam, du dương theo lối nói “vè”, vắn điệu, của ca dao, của nói thơ Vân Tiên hay mấy câu cải lương vốn thường dài hơi. Tất cả như cốt để khơi dậy nơi người đọc những cảm xúc sâu đậm, những tiếng thở dài và cả những phẫn nộ khi xem đến dòng kết truyện.

Từ *Câu Hồ Vân Tiên* qua *Khói Sóng Trên Sông*, Nguyễn Văn Sâm đã chứng tỏ có kỹ thuật văn chương, cái “tài đạo” của ông nếu có, thì cũng thuộc về nhân đạo tự nhiên như con người thì phải thế. Chờ Cho Trăng Lặn là một điển hình, tác giả viết về một mối tình đẹp trong khung cảnh văn hóa rất lục-tinh thâm nhiễm luân lý nền tảng á-đông, chuyện tình “thằng Thành” hay đến nhà con Kén nghe nói thơ Vân Tiên. Hai đứa hạp nhãn nhau, hay ra bụi môn chờ cho trăng lặn. Nhưng con Kén lấy chồng giàu mẹ cha ép gả, thằng Thành “chất chứa mối u tình nặng trĩu lòng nó, nặng nhưng vẫn còn đủ đẹp để lôi churen nó lại, không cho cất bước giang hồ tìm quen” vì nó nghĩ chỉ có nó mới có cái tình và cái hồn của con Kén, còn cậu Hai Phó Hương Quản “tuy là chồng nhưng anh có biết cái tình cái hồn của nó nằm ở đâu đâu à!” (tr. 175). Hình như Nguyễn Văn Sâm viết truyện này nhân cuộc tranh luận về thơ Vân Tiên trên tạp chí Văn Học (CA), thể loại truyện ngắn qua ngòi bút của ông hình như có sức thuyết phục hơn là những lý luận ồn ào. Thật vậy, ông tâm tình để thuyết phục hơn là dùng luân lý hay lý luận để can thiệp vào câu chuyện. Trong những truyện về đời sống hội nhập ở xứ người, ông cũng tỏ ra hệt hăng, ngập ngừng - như nhân vật của ông, trước một số tình cảnh; đó có thể cũng là tình cảnh chung của tất cả người Việt xa xứ!

Truyện ngắn của Nguyễn Văn Sâm nói chung là không khí chữ nghĩa, là tấm lòng của tác giả. Nhiều truyện ngắn trong *Khói Sóng Trên Sông* khiến người đọc an tâm phần nào về văn chương “miệt vườn” và bớt bi quan hơn nhà văn Nguyễn Mộng Giác năm nào nhận xét về hiện tượng “các nhà văn gốc Nam Bộ xuất hiện nhiều, và viết nhiều truyện ngắn phong tục “miệt vườn” như lúc này ở hải ngoại (...) bị “vướng cái lưới ‘phản ảnh’ (...) quá chú ý tới vấn đề, truyện miệt vườn đang sa vào cái tặt quá khích.

Nhiều truyện ngắn viết ở Âu châu, Bắc Mỹ năm 1992 mà người đọc có cảm tưởng đang đọc một truyện của Hồ Biểu Chánh viết trước đây (gần) một thế kỷ ! Kể cả lối tác giả xen vào câu chuyện giảng giải cho nhân vật nghe chuyện đạo lý thánh hiền, nghĩa là vướng lẩn nữa vào cái lưới “tài đạo”. Chúng tôi vẫn có cảm tưởng điều này hình như đúng cho bất cứ nhà văn gốc miền nào, và cũng đúng cho một số nhà văn “miệt vườn” hiện cận cảm hứng sáng tạo; đó là

những truyện ngắn thiếu kỹ thuật và văn chương, những “chuyện ngắn”, của những “văn chương ngắn ngủi” của thời gian, những cương, những kể hoài không hết!

Chuyện *Đời Xưa*, thể hiện sự giữ lửa của tiếng nói miền Nam Kỳ Lục Tỉnh

Quyển *Chuyện Đời Xưa* của Trương Vĩnh Ký là quyển sách bán chạy nhất và đi vào lòng dân chúng nhiều nhất trong số hàng trăm tác phẩm của nhà văn này. In tới lui nhiều lần, năm 1914 đã in tới ngàn thứ chín trong một quốc gia lúc đó dân số chưa đầy 15 triệu với đường xá lưu thông không thuận tiện, sách báo in ở Sài Gòn lưu hành ra Trung và Bắc không phải là chuyện sanh lợi... Khi chữ quốc ngữ phát triển đã vững vàng thì quyển sách này lại là món hàng được các nhà xuất bản ưa chuộng. Những lần in không đề tái bản lần thứ mấy và in với số lượng bao nhiêu thì phải nói là cơ man dầu rất ít người biết. Tại sao quyển truyện khổ nhỏ mỏng chưa tới 100 trang, nội dung thì chẳng có gì gọi là hấp dẫn lại có sức thu hút như vậy?

Chính là nhờ ông Trương khi viết đã nhằm vào hai mục tiêu căn bản rất hợp lý. Và ông đã đạt được gần như trọn vẹn điều mình đưa ra:

1. Giáo dục về luân lý. Cho người đọc thấy những bài học tốt dùng trong cách ở đời của cả nam lẫn nữ, các ứng xử phải đạo vào trạng huống cần thiết, đề phòng kẻ xấu, chớ cả tin, chớ cho rằng mình hay giỏi vì trên đời còn nhiều kẻ giỏi hơn mình...

2. Dùng tiếng Annam (Việt Nam) ròn. Trong toàn quyển chuyện không sự kiện cố gắng làm văn chương một cách kịch cỡm, mặc dầu tô điểm văn chương không hẳn là xấu, ông chỉ sử dụng tiếng Việt thường nhật, với những từ ngữ của giới bình dân (*lo đáí ra cây, tưởng đã xong đời, dôi quách, lẻo đẻo theo quấy, dứt trái, trơ trơ mặt địa, đỏi xơ mếp...*). Người đọc đón nhận nồng nhiệt cũng vì lẽ đó. Nó gần gũi với người đọc trong từng câu chuyện đã đành, nó còn không cách xa về ngôn từ để kén chọn độc giả như là những *tác phẩm bác học* kiểu Đoàn Trường Tân Thanh, Chinh Phụ Ngâm, Cung Oán Ngâm Khúc, Tàn Cung Nữ Oán Bái Công, Lưu Nữ Tướng, Dương Từ Hà Mậu, Kim Thạch Kỳ Duyên, Lôi Phong Tháp, Tây Du Diễn Truyện... Nó cũng dễ bắt ta tiếp tục đọc cho tới hết quyển, trái với những tác phẩm lớp trung lưu mà những nhà làm văn học sử gọi là *tác phẩm bình dân* như Trần Đại Lang, Trinh Thử, Trê Cóc, Thoại Khanh Châu Tuấn, Lý Công, Nữ Tú Tài, Nhị Độ Mai, Phan Trần...

Đó là nói về lời văn. Ở mặt sự kiện trong truyện, tác giả còn khéo léo cho thấy *sinh hoạt của dân chúng*, hầu hết là vào đầu thế kỷ 19, nên đây là nguồn tư liệu dồi dào về những chi tiết của cuộc sống dân ta mà gần như ngày nay không thể thấy được, không thể hiểu được cho tường tận do sự thay đổi của xã hội (ăn ong, ăn bánh ló, cái chày mỡ, đèn ló của ăn trộm, mỡ ống, sư làm đám, hầm bắt cạp, bắt chồn, tục mai dong, tục ở rể, thách cưới, ăn chè trưa ...).

Sách viết hơn trăm năm trước, bằng tiếng dùng hằng ngày của dân miền cực Nam nên chắc chắn là khó hiểu với phần đông người đọc hiện giờ. Sự giải thích những từ này là cần thiết nên quyển sách *Chuyện Đời Xưa* của Trương Vĩnh Ký: Người giữ lửa cho tiếng nói miền Nam có lý do để ra đời. Bản đánh máy được cẩn thận dò theo bản in năm 1914 được phóng lớn để tránh sơ sót và có thể đính chánh một vài trường hợp in sai của bản in 1914.

Trong sự chú giải chúng tôi chú trọng trên những *từ địa phương Miền Nam* vốn càng ngày càng xa lạ với người Trung, Bắc. Những cách nói địa phương của thời tác phẩm xuất hiện (1873) cũng được lý giải, nếu bỏ qua người đọc sẽ khó hiểu. Một vài cách nói nay đã thay đổi, những trường hợp chữ dùng nay đã biến mất chúng tôi cũng ghi nhận mặc dầu có vẻ hơi xa mục đích của sự chú giải một bản văn.

Về phần nội dung thì đại khái nhân vật được nói đến gồm hai loại, Người và thú vật.

Chuyện thú vật tương đối ít, chỉ có 13 chuyện trên tổng số 74 như: Con chồn với con cạp-c1, Con cóc tía với con cạp và con khỉ-c3, Cạp bị đá-c25, Cạp mắc đuôi trong bụi dừa nước-c26,

Ăn trộn và Cọp rình nhà-c27, Con chó và con gà-c31, Cọp mắc bẫy không ai thêm cứu-c53, Ruồi, muỗi chim sắc với con rùa-c54, Con cóc với chuột-c55, Hữu đồng vô mưu-c56, Mưu trí hơn là sức mạnh-c62, Con thỏ gạt con cừ-c65, Cọp mắc mưu thỏ-c66, Chó sói và chồn-c71.

Với tỷ số 13/74 truyện loài vật, quá ít so với truyện con người nên ông Trương Vĩnh Ký có lý khi đặt tên quyển sách của mình là *Chuyện Đời Xưa* mà không phải là *Chuyện Ngụ Ngôn*. Nhìn chung hầu hết là chuyện về con cọp, với chuyện con cừ phụ thêm: mạnh nhưng không khôn, thường bị chúng gạt đẩy vô thể phải gánh nạn cũng như bị lợi dụng. Chắc chắn rằng ông Trương có dụng ý gì đó - Dụng ý kiểu này ta còn thấy trong Bài Hịch Con Quạ.

Xem *Bài Hịch Con Quạ*, Giải thích và chú giải, Nguyễn Văn Sâm -.ngoài sự dạy khôn người đời, chẳng hạn như sức mạnh của thực dân Pháp không lợi hại bằng trí khôn của chồn, của thỏ, của người nông phu tượng trưng cho dân Việt. Điều này có thể tin được nếu ta để ý đến nhiều yếu tố khác ngoài đời của tác giả. Chúng ta phải ghi nhận rằng Trương Vĩnh Ký không có chức quyền gì trong hệ thống hành chính của Pháp ngoài những vai trò liên quan đến giáo dục, không vô Pháp tịch để được ưu đãi, hay hành động can trường của ông khi cho đăng bài *Về Nắm Đỗ* trên tạp chí *Miscellannées* số 4 năm 1889 có những câu rất chống Pháp: Từ ngày có giặc Lang Sa, Muôn dân thiên hạ nhà nhà đảo điên. Dân tình ai nấy ưu phiền, Sưu cao thuế nặng quan truyền vô đây. Ngày thì bồi lợi đồng tây, Tối thì ra dỡ, roi dây hăn hòì...

Truyện loài vật chiếm 13, nhưng chuyện cọp gần cả chục, lý do vì thời Trương Vĩnh Ký cọp quá nhiều ở Đồng Nai và vùng lân cận, sách Đại Nam Nhứt Thống Chí, Lục Tỉnh Nam Việt biên thuật trước đó vài chục năm ghi nhận nhiều chuyện cọp về tới sát vách chỗ dân cư.

Chuyện về người tương đối nhiều 61/74 kể đủ thứ: Người khờ khạo, người 'đi bạn' khùng, anh sợ vợ, tên nói láo gạt người, gã hà tiện tới chết không chừa, kẻ ba xạo để kiếm chút cơm., ông thầy dốt chữ tham ăn, ông thầy pháp sợ ma, quan lại ăn hối lộ bị nói xâm chưởi xéo, con gái ham chồng làm quan lớn.... Đủ hết bức tranh xã hội về mặt tiêu cực của mọi thời. Chọn mặt tiêu cực nhiều vì như ông đã nói trong phần Ý Sách *Chuyện Đời Xưa*: '... ta bày ra để mà khen sự tốt, chê sự xấu cho người ta sửa cách ăn nết ở cho tử tế.'

Đây không phải là *Chuyện Giải Buồn*, cũng không phải là *Chuyện Tiếu Lâm*, đây là những chuyện có tính cách luân lý, khác với những chuyện của Thọ An Phạm Duy Tôn (*Tiểu Lâm An Nam*, Ích Ký, Hanoi, 1924) khác xa với những chuyện của Trần Phong Sắc và Huỳnh Khắc Thuận. Tiện đây cũng xin chép lại phần quan trọng trong lời tựa quyển sách của Trần Phong Sắc: 'Phàm chuyện Tiếu lâm, Khôi hài, là chê sự xấu, biếm kẻ lỗi, làm cho người có tịch ấy biết mất cỡ mà sửa mình, chớ không phải coi cho nực cười mà thôi. Bởi có ấy, nên các nước đều có sách Tiếu lâm, chuyện Khôi hài. Một là sửa phong tục hai là giúp sự vui cho mấy vị trưởng lão, có tuổi tác không đi chơi bởi đặng thì nghe con cháu đọc chuyện ấy mà cười cho vui.'

Trương Vĩnh Ký chỉ chú ý đến mặt luân lý sửa đời, Phạm Duy Tôn cũng như Trần Phong Sắc thêm yếu tố làm cho người ta nực cười nên sự châm chọc mạnh bạo hơn, tính chất dung tục nhiều khi cũng đậm đà trong khi đó sự châm chọc bao biếm ở Trương Vĩnh Ký nhẹ nhàng và yếu tố tục không có...

Bản in này cũng nhằm đáp ứng lời yêu cầu của một vài cựu học sinh trường Petrus Ký khi họ tỏ ra tiếc rằng mình không hiểu nhiều chỗ khi đọc quyển *Chuyện Đời Xưa* hay thậm chí không tìm thấy quyển sách quý này để đọc. Nhân kỳ in này chúng tôi cũng xin tạ ơn nhà văn hóa Vương Hồng Sển, vị thầy cũ của tôi ở trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn ngày trước, nhờ ông trân trọng giữ gìn bản in quý năm 1914 nên chúng tôi mới có cơ hội sửa đúng lại theo nguyên văn một bản tương đối là xưa cũ, mặc dầu Trương Vĩnh Ký xuất bản quyển *Chuyện Đời Xưa* này trước đó cũng mấy mươi năm..

(Victorville, CA tháng 11, 2016)

Phụ đính

Loạn bút về Thanh Nam

Nhà văn Thanh Nam hoàn tất hành trình trên con đường văn nghệ hơn ba mươi năm trời. Thời đủ xây dựng một số công trình và tiếng tăm trong văn giới và độc giả. Trong ba mươi năm nhập cuộc với ông chỉ có văn nghệ. Những hoạt động khác đều trở nên thứ yếu. Văn nghệ là cuộc sống, là cuộc đời của Thanh Nam. Văn nghệ, khu rừng ông đến, thương thức, trồng thêm cây và cất nhà ở đó, khác với một số đồng ghé qua, thoáng qua một cái nhìn rồi trở về nhà riêng, lâu lâu trở lại để có mặt nhưng sự ràng buộc thật lỏng lẻo...

Trong nhịp sáng tác Thanh Nam từ từ đi, không vội vàng, không chênh lệch, tác phẩm xuất hiện không ào ạt, nhưng gần như năm nào cũng có. Con đường viết riêng, không thắc mắc khó khăn (Huỳnh Phan Anh, Nguyễn Thị Hoàng...) cũng không lè tè dễ dãi (Ngọc Linh, An Khê, Lê Xuyên). Thái độ trung dung của ông – hay nhu cầu đề ra của các chủ báo khiến Thanh Nam không vượt lên được trên số ít oi những cây viết nổi bật của giai đoạn Việt Nam Cộng Hòa.

Nói chung ông không có tác phẩm lớn làm đổi bước đi của lịch sử văn học hay đánh dấu một đoạn đường đặc biệt nào đó trong tiến trình văn chương Việt. Ông chỉ để lại một vài vết tích nhỏ trên con sông văn chương Việt bát ngát mà ai từng đi dọc dòng sông đó cũng đều nhận ra ngay. Đó không là những thác cao, những cù lao lớn, những hòn dài, những mảng đất bao la chẻ sông ra làm hai, làm ba, làm chín. Đó chỉ là vài mũi đất, cái voi, cái vịnh, nhưng nó có và người ta nhận ngay ra những doi vịnh Thanh Nam.

Tôi không muốn đặt vấn đề địa vị nhà văn cao thấp ở đây. Sự đánh giá bất kỳ nhà văn nào cũng đều không tránh khỏi được sự chủ quan và trong tình trạng đặc biệt của viết lách hải ngoại, sự xếp đặt vị trí này nọ là chuyện khôi hài. Điều quan trọng là tác giả có đóng góp hay không vào kho tàng văn chương Việt. Với thời gian, mỗi người một vài tác phẩm, dân tộc chúng ta có nền văn học riêng. Chiếu trên, chiếu dưới, đỉnh cao, ngọn núi chỉ là những lời trơ trẽn, chỉ có giá trị rao hàng. Vì vậy tôi chỉ muốn nhân dịp này phóng bút nói những điều thật chủ quan về Thanh Nam.

Cách đây một phần tư thế kỷ, trong một bài viết cho tờ báo sinh viên của trường, tờ Văn Khoa (hay Đối Thoại?) do con ông chủ nhà sách Việt Hương, anh Phạm Trường Thiên chủ trương, viết về tình hình văn chương Việt Nam trong năm 1961 tôi có nhắc đến sự thành công của Thanh Nam trong "*Buồn Ga Nhỏ*" sau khi nhận xét rằng "*Người Viễn Khách Thứ Mười*" của Nghiêm Xuân Hồng cũng xuất hiện năm đó là tác phẩm trội nhất trong năm.

Với tôi lúc đó *Buồn Ga Nhỏ* đặc biệt đã nói lên được một tâm trạng, một mối tình. Tâm trạng thiếu phụ chấp nhận đời mình đứng lại như một sân ga. Người đến, người đi, tàu dừng, tàu chạy, riêng mình ở lại chờ sự tàn phá của thời gian, không ai buồn chú ý. Vì sao? – Hoàn cảnh. Một người chồng già, tầm thường, vô học, không có một điểm nhỏ điều kiện nào để vươn lên. Tâm trạng đó lại đau đớn hơn, lại được làm cho sắc nét hơn khi người xưa trở lại hé cho thấy một mối tình, một sự tiếc rẻ. Văn trong truyện thật đơn sơ, sự kiện mô tả thật giản dị nhưng hình ảnh đã tạo được xúc động trong tôi lúc đó, đến giờ đọc lại vẫn còn cảm giác, ấn tượng tương tự.

Tôi ưa đặt vấn đề phía sau của tác phẩm? Tôi muốn truyện ngắn phải chuyên chở một nội dung? Tôi để lòng mình trôi theo thân phận của nhân vật? Không rõ. Chỉ biết *Buồn Ga Nhỏ* đã đem đến cho tôi trạng thái lâng lâng, cái lâng lâng kéo dài hơn hai mươi lăm năm và chắc chắn sẽ còn kéo dài nữa sau này nếu có dịp đọc lại.

Về sau *Vai Phụ* cũng gầy vào cung bậc đó trong tôi. Thân phận kẻ không tên bất hạnh trong cuộc đời, sẵn sàng đem tấm lòng mình, tài năng mình dàn trải ra cho người đời nhưng không ai nhận, người đời chỉ đi theo những bóng đèn sáng đã được chấp nhận, ngoảnh mặt lại với những tài năng mới mà vì hoàn cảnh chưa có khả năng phát huy. Truyện viết ra từ năm 1959 nhưng sau này tôi mới được đọc và tự hỏi nếu trước đây được đọc, tôi có chăng sự xúc cảm đó về số phận của “con người bất hạnh cô đơn”, một con người luôn luôn đứng trong bóng tối, luôn luôn giữ “*Vai Phụ*”?

Thanh Nam chỉ đến với tôi bằng hai truyện ngắn đó (Nhiều nhà văn khác cũng ảnh hưởng lên tâm hồn tôi bằng một vài truyện ngắn mà thôi. Bình Nguyên Lộc: Lò Chén Chòm Sao, Nhốt Gió, Ba Con Cáo, Rừng Mắm; Hồ Hữu Tường: Con Thần Lăn Chọn Nghiệp; Thạch Lam: Sợi Tóc. Phạm Duy Tồn: Câu Chuyện Một Tối Tân Hôn...Nhiều người chỉ là một câu ngắn: Thanh Tịnh: Ngày Khai Trường...). Hai truyện, quá ít nhưng đủ để tôi thấy Thanh Nam có đủ khả năng đặt vấn đề thân phận con người bị lọt vào trong hoàn cảnh hẩm hiu. Các truyện dài của Thanh Nam trái lại qua lòng tôi không để lại dấu vết, đi qua như những bữa cơm bình thường hằng ngày, về sau có nhớ cũng không thể nói cảm nghĩ mình bữa đó.

Có lẽ vì văn trong truyện dài của Thanh Nam, kỹ thuật dựng truyện của ông và không khí trong truyện tương tự với bạn bè ông lúc đó: Văn Quang, Hoàng Hải Thủy... (và cả Viên Linh?).

Tôi chỉ nhớ Thanh Nam có vài bài thơ rải rác đó đây. Những bài thơ tình, đủ để gọi là thi sĩ nhưng chưa vượt lên được trên đỉnh cao nghệ thuật, với những bản sắc riêng như Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Vũ Hoàng Chương, hay đặc biệt như Trần Dạ Từ, Nguyễn Đức Sơn, Bùi Giáng, Phạm Thiên Thư.

Trong dịp ra mắt tập thơ của Thanh Nam (do Mai Thảo đại diện) cùng với tập truyện *Tan Theo Ngày Nắng Vội* của Du Tử Lê ở Houston hai năm trước đây, được mời phát biểu trước độc giả, tôi đã nói đại khái *Đất Khách* là tâm trạng của chúng ta, những người ly hương suốt đời hoài vọng về khung trời cũ, suốt đời cảm nhận chúng ta đã đánh mất quê hương. Ở xứ người thành công hay thất bại một cảm thức đau đớn cũng luôn dày xéo hồn ta, nhắc nhở rằng ta đang ở ngoài quê hương, ở trọ, sống nhờ, ghé chơi, và ước mong được trở về quê cũ, một quê cũ nghìn trùng xa mà trong sâu thẳm của tâm thức, ta lờ mờ thấy rằng khó đạt...

Thanh Nam với một bài thơ thôi, với vài hình ảnh thật gợi xúc động đã giúp ta kéo dài thời gian trở về ngày cũ, đem không gian nghìn trùng của quê nhà về cho ta nơi *Đất Khách*. Ông sống với quá khứ, với Saigon, *ông phủ nhận thời gian và không gian bây giờ*, ông diễn tả hộ ta tâm sự *tự cố hương*, ông trình bày với đời *hoài cảm vọng minh nguyệt* giùm cho thế hệ ly hương thứ nhất bằng những từ ngữ chững chạc, đứng đắn, với một thái độ thật trầm tĩnh, nghiêm túc, rất phù hợp với thơ.

Những ngày đánh vật với bệnh trạng ở Seattle, Thanh Nam vẫn thiết tha cùng văn nghệ như thuở nào. Ông viết hồi ký. Ông kể những kỷ niệm về nhà văn kháng chiến chống Pháp của giai đoạn 45-50, ông nói về Lý Văn Sâm, Vũ Anh Khanh... Hình như ông đã lờ mờ muốn đặt vấn đề đem đến một sự công bằng cho những nhà văn không may viết và sống trong một hoàn cảnh vô cùng đặc biệt về chính trị và văn học này.

Ở phạm vi bài này tôi không thể đi sâu vào vấn đề đó. Đại khái các nhà văn kháng chiến chống Pháp đã bị người CS loại ra khỏi các cuốn sách viết về văn học đấu tranh mà họ gọi là văn học cách mạng Việt Nam vì những người này không được chỉ thị khi viết mà tự động viết từ một ý thức tự phát. Trong khi đó sách vở miền Nam cũng rất ít nói đến, do sự thiếu thốn tài liệu và ngại ngùng những hiểu lầm. Trong suốt hai chục năm của nền Cộng Hòa, chúng ta chỉ có mấy cuốn của Thế Phong và tôi, Nguyễn Văn Sâm. Qua thời gian vấn đề tài liệu càng trầm trọng hơn và nếu tình trạng này kéo dài, vài mươi năm nữa chắc sẽ không ai biết gì về những người đã đánh Pháp bằng ngòi bút, bằng suy luận, bằng tư tưởng như Hồ Hữu Tường, Thẩm Thệ Hà (đã mất), Sơn Khanh, Thê Húc (hiện ở một tiểu bang miền Bắc), Nguyễn Đạt Thịnh (ở Hawaii). Đặng Thị Thanh Phương (tức nhà văn nữ Thanh Phương ở Pháp) và bọn CS sẽ mặc tình nói rằng lúc đó chỉ có những nhà văn CS mới dám đặt vấn đề chống thực dân Pháp, chỉ có nhà văn CS mới yêu nước!

Sẵn đây cũng nên nói thêm để chứng tỏ sự trầm trọng của vấn đề tài liệu.

1. Bài phỏng vấn nhà văn Xuân Vũ của Nguyễn Mộng Giác đăng trên Văn Học số 4 ngày 5/86, Xuân Vũ có câu “Vũ Anh Khanh của *Nửa Bỏ Xương Khô*, *Trắc Bá Diệp* và những bài thơ nổi tiếng khác...” Thật ra Vũ Anh Khanh không có viết bài thơ nào tên *Trắc Bá Diệp*, *Nửa Bỏ Xương Khô* là tên truyện dài trong đó, ở quyển 2, Vũ Anh Khanh đã vụng về tuyên truyền cho chế độ CS – Sau này ông đã trả cái giá sai lầm của mình bằng cái chết khi toan vượt sông Bến Hải vào năm 1957 – và *Cây Ná Trắc* (không phải *Trắc Bá Diệp*) là tên tập truyện ngắn ca tụng sự Kháng chiến không có một chút hơi hướm nào của CS trong đó. Cũng nên nhắc lại Vũ Anh Khanh đã cống hiến cho chúng ta bài thơ *Tha La* (đã được phổ nhạc từ lâu) nổi tiếng như *Màu Tím Hoa Sim* hay *Đôi Mắt Người Sơn Tây* ở Bắc cùng giai đoạn.

2. Báo Làng Văn số tháng 5/86 trong bài phỏng vấn Cựu Thủ Tướng Nguyễn Văn Lộc, tức nhà văn Sơn Khanh người phỏng vấn cho biết Sơn Khanh có viết cuốn *Toàn Binh* (1950). Thật ra *Tàn Binh* (không phải *Toàn Binh*) là một cuốn tiểu thuyết rất khá của Sơn Khanh diễn tả tâm trạng của một người vì hoàn cảnh, bỏ chiến đấu trở về thành nhưng không lúc nào nguôi được mặc cảm đã không làm tròn bổn phận với tổ quốc...

Trở về chuyện Thanh Nam, điều làm tôi chú ý và suy nghĩ, đó là tình thương vô bờ của đa số bạn văn đối với ông. Khi ông nằm xuống, rất nhiều người viết về ông, về tình bạn, về kỷ niệm, về lòng mến tiếc. Mới đây bài của Phan Lạc Tiếp cũng rất xúc động, mấy câu thơ của Vĩnh Lộc (Quãng đường tri kỷ thoáng qua. Trạm buồn ga nhỏ còn ta ngậm ngùi) cũng rất...ngậm ngùi. Tại sao? Không hẳn vì Thanh Nam đã cầm bút. Hồng Liên Lê Xuân Giáo mới mất, Xuân Hiến đã từ trần sao không được một sự bày tỏ thân tình rộng rãi như vậy?

Phải chăng nhờ một thứ tình bằng hữu tốt đẹp như Thanh Nam đối với bạn bè văn giới? Phải chăng vì tư cách của ông trong suốt cuộc đời? Phải chăng vì tính phóng khoáng của *nhà thơ*, khi đánh canh bạc đời?

Chỉ có thể giải thích và đưa ra lời đáp từ các thân hữu của Thanh Nam, kẻ viết bài này rất tiếc trong suốt đời mình chưa bao giờ được hân hạnh gặp ông. Đó là một sự thiệt thòi, một điều quá uổng bởi vì được gặp, được tiếp chuyện với nhà văn mà tác phẩm của họ đã tạo được ấn tượng sâu đậm trong lòng mình lúc còn trẻ là một điều rất đáng thú vị.

Biết đâu sự gặp gỡ đó tôi có thể thêm vào bài loạn bút này vài dật sử về ông.

(Vài tháng sau ngày Thanh Nam từ trần)

Anh Lê Hữu Mục (1925-2017)



Anh Mục lớn hơn tôi quá một con giáp. Khoảng cách đó, với số tuổi của chúng tôi ngày nay, không quan trọng lắm, nhưng ngày xưa lúc tôi mới bắt đầu học Tú Tài I (1957-58) thì là vấn đề lớn. Tôi nhìn anh còn hơn cả bậc thầy mình. Anh lúc đó đã có giảng khoa ở Đại Học Huế, đã có sách về *Nhất Linh*, về *Tự Lực Văn Đoàn* rất có giá trị mà chính tôi đã nghiền ngẫm để đi thi. Khi tôi mới bước vào ngưỡng cửa của trường Đại Học Văn Khoa thì anh Mục đã có những công trình làm ngẩn ngơ người đọc là bản dịch rất nhuần nhuyễn hai quyển truyện ký viết bằng chữ Hán của người xưa là *Lĩnh Nam Chích Quái* và *Việt Điện U Linh Tập*. Hai tập truyện xưa này anh dịch đã rất tài tình, chính xác và rõ ràng lại thêm tài hoa trong cách hành văn. Phần quan trọng bậc nhất là phần dẫn nhập ở đầu sách, giới thiệu toàn bộ nội dung để người đọc nắm bắt được những gì tác giả chuyển giao cho người đọc. Tôi rất khâm phục hai công trình sáng giá này của anh.

Khi tôi mới chập chững bước vào việc tìm hiểu chữ Nôm thì anh Mục đã có bản phiên âm quyển *Huân Dịch Thập Điều* xuất bản do Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa của cư sĩ Mai Thọ Truyền. Quyển sách này cũng vậy, anh Mục chú thích tận tường và đây là một tác phẩm đầu được phiên âm lần đầu tiên, nhưng cho tới ngày nay tôi cũng chưa thấy một chữ nào đáng bàn cãi, khác với những bản phiên âm tuồng hát bội cũng của Phủ Quốc Vụ Khanh mà lỗi phiên âm sai phải nói là cả lỗi hay nặng nề hơn: như sao trên trời!

Trong việc học hành nghiên cứu, anh Mục lúc nào cũng đi trước tôi một đoạn đường dài, chắc chắn bằng kiến thức và bằng tác phẩm chứ không phải đoạn đường dài của thời gian... tôi gọi anh bằng anh vì anh muốn vậy, và tôi giữ cách gọi này hơn bốn chục năm nay. Tiếng anh như là tiếng tôn vinh một bậc đàn anh của mình, với sự quý trọng chứ không phải là tiếng gọi bằng anh của sự xưng hô giao tiếp bình thường trong xã hội.

Cảm tình đó tôi có được là do những tác phẩm của anh: nghiêm túc, sâu rộng, đĩnh đạc... Trong giao tiếp với tính cách bạn bè, hay với tư cách của người nghiên cứu đi sau, nhiều người phàn nàn anh Mục về sự khép kín trong việc trao đổi tài liệu, trách anh thường làm việc một mình, được hỏi về chi tiết nào đó trong lãnh vực nghiên cứu của anh anh ít khi trả lời... tôi tuyệt nhiên không có sự phàn nàn đó. Tôi cho rằng mỗi người đã chọn thái độ sống và phương thức làm việc của mình rồi, người nghiên cứu mà khép kín trong sự giao tiếp trao đổi là vì những lý do riêng của kinh nghiệm tự thân. Ta không thể lấy cách sống của mình mà bắt người khác sống như ta được.

Cơ cấu giáo dục Đại Học của VNCH thời 1954-1972 đã ngăn chặn bước tiến thủ của anh Mục về phương diện cấp bằng cũng như ngạch trật. Từ lúc có bằng Cử Nhân, giữa thập niên 50, đến khi anh có thể thi Tiến Sĩ phải mất hơn hai mươi năm. Con đường quá dài và vô lý của kẻ sanh không nhằm thời. Những người có trách nhiệm ở Đại Học thời đó không mở chương trình Tiến Sĩ vì lý do này lý do khác. Khi mở thì cũng mở nửa chừng, Tiến Sĩ Đệ Tam Cấp chứ không phải là Tiến Sĩ Quốc Gia. Nghĩa là rồi sẽ phải thi thêm lần nữa!

Và tôi được thi cùng lượt với anh nhờ sữ xả cản đó: khóa đầu tiên của Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, 1973, dành cho những người đang giảng dạy ở Đại Học Văn Khoa mà chưa có bằng Tiến Sĩ (vì không được đi ngoại quốc, lúc đó người có bằng Tiến Sĩ là những vị may mắn được đi ngoại quốc du học và trở về với bằng Tiến Sĩ, Đệ Tam Cấp hay Tiến Sĩ Quốc Gia, học ít nhất là bằng Cao học.)

Kỳ thi cuối khóa Năm Thứ Nhất Tiến Sĩ, ban Văn Chương Việt Nam, xác nhận rằng các thí sinh đủ điều kiện để trình Luận án Tiến Sĩ, Anh Mục đỗ đầu, Nguyễn Văn Sâm hạng nhì. Kế đó theo thứ tự là Phạm Việt Tuyền (gần đây ở Pháp), Nguyễn Thiên Thụ (hiện đang ở Canada) Phạm Văn Đăng (đã mất trên đường biển) ... và sau đó còn hai người nữa mà tôi quên tên vì qua lâu ngày và là những vị mà tôi ít cùng sinh hoạt... Hạng nhì sau anh Mục, nhưng tôi biết chắc chắn rằng mình chỉ đáng là học trò của anh về nhiều mặt. Có khi các lú học trò đầu tiên của anh còn giỏi hơn mình.

Khi bàn chuyện với các vị giáo sư phụ trách kỳ thi này, vốn cũng là đồng nghiệp nhiều năm dạy chung một trường, tôi được xác nhận điều đó: *Mục nghiên cứu lâu rồi nên có cái nhìn liên ngành, trong vấn đề phải trình bày Mục cũng đào sâu. Sự thông thạo Hán văn, Pháp văn giúp Mục hơn nhiều, hơn xa những người cùng khóa.* Sau này anh Mục thường tự hào nhắc lại ở nhiều nơi rằng mình đỗ đầu kỳ thi Tiến Sĩ Văn Khoa, khóa độc nhất của Việt Nam Cộng Hòa, tôi cho rằng sự tự hào đó là chính đáng. Vì thời thế, chớ đáng lý ra anh đã đi xa hơn nhiều về mặt khoa bảng, sự khoa bảng được yểm trợ giá trị bằng những công trình đa dạng, đa năng mà anh đã cống hiến cho người chung quanh suốt cả đời mình.

Anh Mục dạy chánh thức ở trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, phụ trách thêm một phần nhỏ ở trường Đại học Văn Khoa Sài Gòn, trường chánh của tôi. Chúng tôi thân nhau vì gặp thường xuyên và cùng có biệt nhãn về sự nghiệp của văn gia Huỳnh Tịnh Của. Thỉnh thoảng hai đứa đem sách của Huỳnh Tịnh Của ra thảo luận bàn bạc, nhiều đoạn đặc ý anh Mục thường cười lớn như trẻ con trong khi tiếng cười bình thường của anh đã là như lệnh vỡ. Giống nhau điểm đó, còn các điểm khác về mặt nghiên cứu anh Mục khác xa với tôi. Khi tôi bỏ tâm huyết và thời gian để viết về các nhà văn Tranh Đấu Chống Pháp của giai đoạn 1945-1954, anh Mục nói tôi làm chuyện vô ích vì các nhà văn đó còn quá mới và giá trị của họ chưa được thời gian thẩm định. Tôi cười tiếp nhận mà không biện bạch, chỉ nghĩ rằng mình là người thẩm định và xác nhận giá trị của những nhà văn này trước hơn ai hết, thế thôi. Điều đó có gì sai trái đâu, mọi chuyện đều phải có lúc ban đầu. Cũng như kỳ thi Tiến Sĩ đầu tiên ở nước ta là kỳ thi Thái Học Sinh mà người đậu kỳ đó là Nguyễn Trãi. Nếu hỏi *những giám khảo chấm kỳ thi Thái Học Sinh đầu tiên lấy tư cách gì để chấm kỳ thi này* thì tôi chịu. Chỉ nói rằng mọi chuyện đều cần có cái ban đầu.

Khi tôi cho in lần đầu tiên quyển Văn Học Nam Hà, (1970) cũng chính anh Mục nói *tôi viết được, nhưng mà phải viết kỹ lưỡng hơn nữa*, quyển sách có chiều dày nhưng như là còn sơ lược. Tôi hỏi sơ lược chỗ nào, anh chỉ cho từng chỗ, tôi sẽ bổ sung khi có thể. Anh Mục chỉ cười. 'Toa phải tự tìm hiểu, moa đâu phải thầy của toa đâu..' Rồi anh nghiêm chỉnh hơn. 'Toa có thể đi xa trên đường nghiên cứu, nhưng phải cẩn thận, viết mau, viết sai thì chết, không thể sửa được.'

Tôi biết ơn sự cảnh báo phải cẩn thận của anh. Và tôi ghi tâm mấy chữ nghiên cứu phải cẩn thận, viết mau, viết sai thì chết. Tôi phục cái đức tính đó của anh, chỉ cho đàn em biết được điều cơ bản của việc nghiên cứu. Tôi cũng biết anh đi theo phương châm đó trong những nghiên cứu về văn học của anh. Chúng ta không thể dừng dừng liệng đại đũa vào thị trường sách vở những quyển sách đầy sai lầm do sự tất trách. Chôn vùi tên tuổi mình là chuyện nhỏ, nhưng đầu độc người khác bằng những kiến thức sai lạc và những lý luận khiên cưỡng là chuyện không thể tha thứ được. Sách vở còn đó, 30, 50, hay cả trăm năm sau. Nhưng, với tôi, sự cẩn trọng phải có giới hạn, không thể cẩn thận quá đáng để rồi không biết đến bao giờ mới dám cho in tác phẩm của mình. Đến khi về già nếu có muốn in thì tiền bạc cũng như tinh lực không còn bao nhiêu để lo tròn việc in ấn.

Sau đại nạn 75, nhiều giáo chức đại học như hai chúng tôi đều mất trường, mất lớp. Tôi thường ngâm nga cho anh nghe câu thơ tán thán rất là ưng ý này sinh khi đạp xe cọc cạch đi

ngang trường cũ: *Trường này nào phải trường ta/ Liệu mà sửa soạn về nhà đi buôn*. Tôi không biết đi buôn, nhưng đã chìm sâu vào sự trống vắng tuyệt cùng, xa cách nghìn trùng với sách vở bằng phần. Trong khi đó, mỗi khi gặp người chuyên môn về chữ Nôm nổi tiếng từ Miền Bắc vào như GS Nguyễn Tài Cẩn, hoặc sau này gặp ở Paris như nhà nghiên cứu Tạ Trọng Hiệp, tôi phần lớn nghe chính từ cửa miệng họ lời thán phục và kính nể bác/cụ Lê Hữu Mục. Có người còn nói với giọng tri ân rằng những chữ này chữ kia tôi đọc được là nhờ bác/cụ Mục. Tạo được cái uy tín đó, có được sự tri ân đó sờ học và sự suy luận của anh Mục chắc chắn là đã có sức thuyết phục thật nhiều.

Nhiều lần nói chuyện với anh, tôi rút ra mấy quan điểm tôi cho là cần thiết cho người lặn lội trong môi trường chữ Nôm, do anh Mục khám phá được như là kinh nghiệm thực tiễn:

1. *Chữ Nôm có tích cách lịch đại*: Chữ Nôm được viết ra mỗi thời mỗi khác. Khi đọc bản Nôm phải chú ý đến thời đại xuất hiện của nó. Mỗi thời đại có qui luật cấu tạo riêng. Cho những chữ Nôm vào cái khuôn thời đại của nó thì ta dễ đọc hơn dầu là chữ đó ta chưa từng gặp và nó cũng chẳng có mặt trong bất cứ từ điển nào. Lời anh nhấn mạnh: Cụ Hoàng Xuân H. không để ý đến qui luật thời đại mà chỉ để ý đến miền xuất hiện. Miền, chẳng hạn Nghệ An, Hà Tĩnh là một yếu tố không gian, nhưng yếu tố thời gian còn quan trọng hơn, không thể bỏ qua.
2. *Không nên lạm dụng ý cho rằng chữ nọ chữ kia khắc sai*: Khi khảo sát một tác phẩm, phải cẩn thận, tốt nhất là giới hạn lại cái câu: Chữ này viết sai, phải là thế này. Chắc bản khắc đã lầm, chắc người sao chép đã lộn. Anh Mục nhấn mạnh nhiều lần với tôi: Không gì dễ dàng bằng nói người xưa sai. Họ không cãi được mà người đời nay không bao nhiêu người có thể biện hộ giùm cho họ. Đó mới là điều nguy hiểm vì phần nhiều ta chưa xét đến hết mọi mặt, kết luận chữ đó sai chính thật là ta sai. Cụ Đào Duy A. mắc lỗi này dầu rằng sờ học của cụ thiệt là uyên bác, chúng ta rất khó sánh được!
3. *Nên chú ý đến cổ ngữ, cổ âm...*: Xét thơ xưa, thơ Nguyễn Trãi, thơ Hồng Đức, thơ Nguyễn Bình Khiêm, thơ Vương Tường... phải chú ý đến giọng đọc xưa, lối nói xưa, từ xưa. Cố gắng quên mình là người bây giờ với cách nói, cách suy nghĩ bây giờ của thế kỷ 20, 21, mà đặt mình vào thời cách đây năm sáu thế kỷ, nhứt là để ý đến những nhóm chữ Hán mà người xưa cố gắng dịch ra tiếng Việt. Không hiểu từ mà họ dịch thì ta không thể nào hiểu được chữ Nôm đó, anh muốn nói đến bản *Phật Thuyết Phụ Mẫu Báo Ân Kinh, Tân biên Truyền Kỳ Mạn Lục...*
4. ...Còn nhiều điều nữa tôi lỡ bỡm nhớ quên trong những lần nói chuyện với nhau qua điện thoại hay trong lúc lái xe nhưng tôi có thể tóm tắt là: Đi vào lãnh vực chữ Nôm thì đừng bao giờ tự hào cho rằng chữ nọ chữ kia mình đọc là đúng, lúc nào có ai gợi ý cách đọc khác thì phải suy đi nghĩ lại nhiều lần... Và nhứt là phải yêu tha thiết cái văn hóa được thể hiện bằng chữ Nôm, quý cái thứ chữ đã bị gạt bên lề thời gian...

Tôi học được nhiều kinh nghiệm phiên âm của anh Mục. Tôi biết anh làm việc cần cù mỗi ngày. Tôi thông cảm với thái độ của anh khi những lần mình gọi điện thoại cho anh, phải khổ sở nghe anh say mê nói về công việc mình đang làm, nói như là anh đang thuyết giảng mấy giờ liền trước một cử tọa đông đảo. Tôi biết nếu anh cho in hết những công trình anh đã làm về Nôm, về văn học thì có thể tới hơn năm mươi đầu sách. Đó là kết quả của một đời người cặm cụi, đơn độc, say mê và không biết ngưng nghĩ để giải quyết những bài toán khó (1) về nguồn gốc chữ Nôm, (2) về cách đọc một số chữ ai ai cũng bí, (3) về trường hợp thơ Nguyễn Trãi sao có xen lẫn một hàng sáu chữ ở mỗi bài...

Tôi phục sức làm việc của anh, tôi thương anh nhiều lắm khi anh nói: “Moi đã chết rồi đây toa, lần đó là chết thiệt rồi đó. Người ta định đem xuống nhà xác rồi. Không biết làm sao mà moa sống lại.”

Một câu trả lời lóe lên trong đầu tôi: Cho anh sống lại để anh giải quyết những *món nợ tự mang* về chữ Nôm, về văn học, để anh nêu tấm gương người làm việc không ngưng nghỉ đầu tuổi đời đã quá tám mươi...

Riêng tôi, tôi cảm ơn anh đã nhiều lần khuyên nên dùng thời giờ viết truyện ngắn với bản sắc và văn phong mà tôi đã vạch ra cho mình, và *cách viết đem triết học vào trong văn chương của tôi*, cũng cảm ơn anh đã coi tôi như người bạn vong niên có nhiều vấn đề trao đổi, nhất là về những tác phẩm của Huỳnh Tịnh Của mà anh biết rằng tôi rất ưa thích.

Bài viết này nguyên là bài viết cách nay 10 năm dành riêng cho quyển *tuyển tập về GS Lê Hữu Mục* do nhiều người hâm mộ anh viết khi anh còn sống còn rất hân hái và minh mẫn (đã in ở California), nay được tin anh mới ra đi thiệt sự, tôi chợt thốt lên trong trí mấy tiếng: *Ô hô! Ai tai* (Than ôi! Buồn thay!)

Những năm cuối đời anh Mục thường nói đi nói lại khi tôi gọi thăm nơi anh an dưỡng tuổi già: Bây giờ moi quên hết mọi chuyện rồi toa, mỗi ngày moi đánh piano cho anh em ở đây thường thức. Vui lắm và thấy tinh thần thoải mái lắm. Hỏi anh về công trình nghiên cứu Quốc Âm Thi Tập của Nguyễn Trãi mà anh bỏ ra 3 thập niên cần cù nghiên ngẫm anh trả lời như thiên giả: 'Đừng hỏi mây bận tâm nhớ quên những gì. Mây sẽ không trả lời được. Moi bây giờ thấy lòng mình là mây!'

Vâng, con người đạt đến độ buông thả rớt ráo thì lòng mình LÀ MÂY chứ không phải NHƯ MÂY. Lòng trống không tuyệt đối, không vướng bận bịu về chuyện trần thế nữa. Sống ngày nào là như nhiên, là vô tâm đến tuyệt cùng ngày đó. Chỉ sống được trạng thái này khi thấy rằng mình đã trả xong nợ với đời, với xã hội, tự kết luận rằng mình đã đến lúc ra đi. Ra đi ngay bây giờ hay một hai năm nữa là vấn đề của thể xác, không phải là vấn đề của chính con người tại thế là cái ta đương hiện hữu này nữa.

Ôi! Bao người đạt được cái tâm là mây đó!

Tôi thấy mình thua xa anh diệu vợ, anh Lê Hữu Mục ạ!

Port Arthur, TX, Aug. 01, 2007

Một chút Văn Khoa Sài Gòn năm 60

Sau một vòng dạo đường sách, con đường nay được coi như bộ mặt văn hóa của Sài Gòn, với nam thanh nữ tú, với du khách thanh lịch, với người có nhiều ái lực với văn chương... chúng tôi vào quán cà phê ngồi vừa nói chuyện về những quyển sách xưa nay mà cả hai cùng thích vừa ngắm hoạt cảnh sau cửa kiếng. *Người chơi sách trẻ đi cùng* chợt hỏi giọng rụt rè:

'Bác có quen với nữ văn sĩ Nguyễn thị Hoàng không, cháu nghĩ là cô Hoàng đồng thời với bác'.

Câu hỏi làm quá khứ hiện về trong trí với khu Đại Học Văn Khoa chật hẹp ở *góc đường Nguyễn Trung Trực và Gia Long* một thời tuổi trẻ chúng tôi. Thời chưa có xuống đường ồ ạt của tuổi trẻ tự dẫn thân hay bị giật dây, chưa có những biến động chánh trị thay chúa đổi ngôi như chong chóng, người sinh viên chúng tôi chăm chú vào việc trau dồi kiến thức để tạo lập hành trang cho chính mình trước khi thiệt sự bước chạ vào đời. Thời của những vô tư với tiếng súng đi đùng thiệt xa ngoài kia, mơ hồ sương khói. Thời người sinh viên chưa lo lắng về tấm Giấy Gọi Nhập Ngũ của Chuẩn Tướng Bùi Đình Đạm sau này khi chiến tranh đã lên cao điểm.

Tôi trả lời thiệt tình:

'*Đồng thời* thì đúng nhưng quen biết thân tình thì chưa được cơ duyên.'

Ánh mắt dò hỏi của người bạn trẻ chiếu thẳng lên tôi rồi quay qua chỗ khác liền. Anh có vẻ ngạc nhiên về lời thú nhận của tôi. Trầm ngâm một lúc hèn lâu tôi mới nói như tâm sự:

'Nữ sĩ cùng trạng tuổi, cùng một lớp ở trường năm ấy nhưng lúc đó như có một sự cách biệt

lớn giữa nhóm nam sinh viên ‘*nhà quê*’ chúng tôi với nhóm các cô ‘*rất sang trọng*’ ấy.’

Nói tới đây tôi chợt nhớ đến ba nhóm nữ sinh viên chơi thân với nhau, mỗi nhóm chiếm lĩnh một vị trí trong giảng đường 1 ngoài sau cầu thang, ngó qua khu đất trống sau này biến thành Thư Viện Quốc Gia mà nay là Thư Viện Tổng Hợp của thành phố Sài Gòn. Thuở ấy, không biết từ bao giờ, chúng tôi có qui ước bất thành văn là hễ có quyển tập, túi xách nào đặt lên bàn có nghĩa là ghế đó đã có người. Và không ai tranh cãi dẫu cho nhiều khi ghế xí phần đó không ai vào ngồi. Thông lệ mỗi nhóm nữ thường cất ra hai cô đi rất sớm xí chỗ trước. Với ba nhóm của các cô, bọn nam sinh viên chúng tôi dẫu đi sớm cách mấy cũng thường đành chịu ngồi phía sau. Xa thầy, giảng đường bao la, nghe bài giảng tiếng được tiếng mất cũng đành chịu, chẳng lẽ xen vào giữa những tà áo dài đầy màu sắc ấy. ‘Coi sao được’. Chúng tôi bảo với nhau như vậy và chấp nhận ngồi phía sau, bất lợi về mặt thân lượm kiến thức nhưng được cái là có dịp chiêm ngưỡng những cái ót trắng đẹp, những lọn tóc lò xo cồng cỷ, những mái tóc thè cắt ngang rất thẳng hay những tà áo hở chút vai gằn cổ... để trí tưởng tượng có dịp vân du phiêu bồng...

Tôi nói hơi chi tiết để người bạn trẻ hiểu:

‘Năm 1954, đất nước bị chia hai. Nỗi đau buồn vì vận nước ai cũng có, nhưng rồi chánh quyền trách nhiệm phần đất của mình phải bắt tay thực hiện những gì cần thiết để tạo thành một quốc gia. Trường Đại Học Văn Khoa trước đó miền Nam chưa có, được thiết lập từ một bộ phận giáo sư ít ỏi bỏ miền Bắc vào Nam. Sau một thời gian chấn chỉnh, khai giảng năm đầu tiên 1955-1956, với một vị Hán học thâm niên làm khoa trưởng. Mấy năm sau đó, niên học 1960-1961 mà chúng tôi hân hạnh tham dự, trường tương đối đã đi vào nền nếp với vài ba vị tiền bối được cấp văn bằng cử nhân là văn bằng cao nhất lúc đó như *Lữ Hồ Nguyễn Minh Hiền*, *Phạm Thế Ngũ*, *Lê Hữu Mục*, *Trịnh Văn Thanh*... và một người là Thích Nhất Hạnh sau này.

Giáo sư khoa trưởng thời 1960 là cụ Nguyễn Huy Bảo, một người theo Tây học. Cụ không đồng ý loại bỏ hẳn ảnh hưởng của Pháp nên tổ chức năm thứ nhất Văn Khoa gồm hai hệ: Dự bị Việt dành cho sinh viên học chương trình Việt dưới trung học và Dự bị Pháp, dành cho sinh viên trước đây theo chương trình Pháp, gọi là lớp Propédeutique française. Nói thì nói vậy, nhưng ai muốn ghi danh hệ nào cũng được, tùy theo ý thích của mình. Năm thứ nhất chia như thế nhưng sinh viên sau khi học xong thì theo hệ thống chứng chỉ, chọn những chứng chỉ nào mình nghĩ là phù hợp để hoàn tất văn bằng cử nhân sau bốn chứng chỉ. Lúc này hai hệ đã hòa lẫn nhau vì nhiều chứng chỉ có cả giáo sư Việt và Pháp, nhất là các chứng chỉ thuộc nhóm Địa lý, Lịch sử và Triết học.

‘Hình như là cô Ngô Đình Lệ Thủy học Dự Bị Pháp năm đó. Bác có nhớ gì về cô ấy không?’

Tôi trầm ngâm khi nhớ đến sự bất hạnh cuối đời của người thiếu nữ duyên dáng này:

‘Lệ Thủy học Dự Bị nhưng sau này kìa, hình như là niên khóa 62-63. Vì có hai lớp Dự Bị nên các sinh viên gọi là cùng học năm thứ nhất nhưng cách biệt lắm. Dân Dự Bị Pháp hào hoa sang trọng, nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp lưu loát, giọng Pháp chuẩn vì họ học ngôn ngữ này từ nhỏ, sử dụng tiếng Pháp hằng ngày với dàn giáo sư hầu hết từ Pháp qua. Họ ghi tên nhưng với tâm trạng tạm thời để chờ ngày đi du học Pháp, Anh. Dân Dự bị Việt thì *nhà quê* hơn, ít thời thượng và nói tiếng Việt. Tương lai của họ là ở trên đất nước này nhưng vì trở ngại ngôn ngữ nên các trào lưu văn học và triết học Âu Châu chỉ biết sơ sài. Tôi thuộc lớp nhà quê này mà là nhà quê bậc hai vì mình ngó giữa đám đông các bạn thuộc gia đình tương đối giàu, ăn mặc đúng kiểu: Giày da bóng, quần jean bằng vải nhưng mới, lúc đó chưa có mode xé rách đầu gối hay cắt cụt tối đa như bây giờ, áo Montagut mỗi ngày một màu trang nhã, sơ mi dài tay, manchette double có gài nút đất tiền... Họ nói chuyện văn chương triết lý cao xa từ những quyển sách mới xuất bản, ít người biết, được gửi thẳng từ Pháp về qua nhà sách Việt Bằng ở đường Lê Lợi... Họ ăn uống ở nhà hàng Thanh Bạch, La Cave hay ngồi ghé cao cẳng

trong khu cinéma Lê Lợi thường thức cà phê phin, ăn bánh mì chiên xít Maggi nhập cảng, hoặc cầm tay đào dạo passage Eden, khu phố Charner (sau này là passage Tax), ngồi nhà hàng La Pagode, Givral, Pole Nord tán gẫu trong những giờ không có lớp...'

'Và cô Ngô Đình Lệ Thủy?'

'Đó là một cô gái tương đối đẹp. Nhu mì, mềm mỏng. Lúc nào cô cũng có ba bốn người hộ vệ, họ không dữ dằn hay vô phép gì nhưng luôn luôn ngó chừng với cặp mắt nhà nghề lưu ý ai đến quá gần ái nữ của ông cố vấn họ Ngô Đình. Thường bọn nhà quê chúng tôi kháo nhau hôm nay có Lệ Thủy đi học và đến nhìn. Bao giờ cô ấy bị ai đó nhìn nhiều thì đều mím cười gật đầu chào thân thiện rất Tây phương để người đó biết ý mà tiến tới làm quen hay lảng xa.'

Người bạn trẻ ranh mãnh với nụ cười nửa miệng:

'Bác có được chào thân thiện?'

'Dĩ nhiên là có, vài ba lần vì tò mò, nhưng đến gần để làm quen thì không. Minh vốn nhất làm quen với bất kỳ ai, vả lại cũng sợ cô ấy xỏ tiếng Tây mình ú ớ mặc dầu các bạn đều quả quyết rằng với người không quen cô ta đều nói tiếng Việt.'

'Hai hệ thống giáo dục làm phân cách một thế hệ thanh niên cùng thời đại... Người bạn trẻ của tôi trầm ngâm một lúc rồi đưa ra nhận xét.

'Không ai muốn có hai hệ thống giáo dục trong một nước. Ngày đó có hiện tượng tréo ngoe này vì hệ thống giáo dục thời Pháp thuộc đương hiện diện cần thời gian để được thay thế sau khi nước nhà độc lập, thời gian đó chưa thực sự dứt điểm.'

'Vậy mà bây giờ chúng ta đương có hai hệ thống!' Tiếng người trẻ tuổi thoát ra mau như tên bắn nhưng với giọng buồn như tiếng than.

Tôi trầm ngâm một lúc lâu, uống nhiều hớp nước mới nhỏ nhẹ:

'Do sự phân cách quá xa giữa các đại gia giàu xụ dính dáng đến chế độ và lớp dân đen cùng đình nghèo khổ kiếm từ ngàn, nuôi con được đi học là may!' Tôi lơ đãng ngó ra ngoài rồi chuyển hướng câu chuyện:

'Hình như chúng ta đi lệch đề tài lúc ban đầu. Em hỏi về nữ văn sĩ Nguyễn Thị Hoàng?'

Người thanh nên gật đầu bên lên.

Tôi tiếp moi từ ký ức xa xôi của hơn nửa thế kỷ lâu ngày nằm yên trong não bộ.



Nguyễn Thị Hoàng

'Nếu Văn Khoa được nhắc đến nhiều vì có Ngô Đình Lệ Thủy sau này thì trước đó hai niên khóa đã có Nguyễn Thị Hoàng. Dĩ nhiên là trong cái nhìn chủ quan của tôi và vài ba người bạn tôi lúc đó. Chị ấy có cái đẹp mặn mà, sang trọng. Chúng tôi thấy nét quý phái của chị trong từng cử chỉ nghiêm trang hay trong nụ cười thân thiện. Cùng học một lớp nhưng hầu hết bọn tôi đều coi chị như một người đàn chị trong dáng đi điệu đứng hay cách nói chuyện với bạn bè nam cũng như nữ. Tất niên năm đó, nhớ không lầm, thì chị đứng lên ứng khẩu bài nói chuyện bằng tiếng Anh rất lưu loát. Giáo sư Mc Kenzy, người Tân Tây Lan dạy môn Anh Văn cho năm Dự Bị Việt chúng tôi đã đeo theo nói chuyện với chị hàng giờ liền.

Trong nhóm bạn của chị Hoàng có vài chị cũng đẹp và giỏi Anh ngữ, họ đối đáp với thầy mà tôi tưởng là họ thuộc nhóm theo hệ Dự Bị Anh. Các chị ấy hầu hết sau này đều tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm ban Anh văn hay cử nhân Anh văn dễ dàng. Có một chị rất thành đạt tôi gặp ở

Houston, Texas. Mấy chị khác hầu hết lập gia đình với những người có chức phận nên ít xuất hiện, họ không trở thành người của đám đông.'

'Thầy giáo nói chuyện quá lâu với sinh viên có bị tai tiếng cho hai phía như thời nay?'
'Có bạn thời đó như anh Nguyễn Tăng Uyên sau này dạy ở trường Sư Phạm Cộng Đồng Long An, quả quyết với tôi là GS. Mc Kenzy say mê một bóng hồng trong nhóm, tôi xin không nói ra là ai. Chuyện xa xưa rồi, xác nhận rõ ràng chẳng ích lợi gì. Khoảng cách thầy trò chưa đầy 10 tuổi là yếu tố để gánh những tiếng xì xầm. Một người bạn khá thân của tôi lúc ấy là anh Trương Kim Chung (đã mất) lại quả quyết có chị Bích T. thích ông Mc Kenzy. Hai năm sau gặp lại, anh vẫn xác nhận điều đó, tuy rằng hai người trong cuộc chẳng tiến xa gì hơn, ông thầy Anh văn của chúng tôi về nước liền sau niên học ấy...'

Tôi thấy mình không nên đi quá chi tiết cá nhân:
'Tại sao em hỏi về nhà văn Nguyễn Thị Hoàng?'

'Em muốn xin vài chữ ký cho bộ sưu tập tác phẩm có chữ ký của những nhà văn tên tuổi Sài Gòn độ trước. Chữ ký của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng rất khó tìm, kể cả sách từ trong tủ của cụ Vương Hồng Sển hay của GS Nguyễn Văn Trung.'

'Chị Hoàng rời trường sớm để trở thành một hiện tượng văn nghệ thời đó...'
'Vòng Tay Học Trò đăng trong tạp chí Bách Khoa xôn xao một thời...'

'Tôi nghĩ rằng nhà văn Nguyễn Thị Hoàng đã phát pháo cho phong trào các nhà văn nữ viết mạnh, dám nói những điều thầm kín mà các cây bút trẻ trước đây khi muốn viết cũng phải ngập ngừng. Những Trùng Dương, Nhã Ca, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Túy Hồng, Trần Thị NH., Âu thị Phục An và cả Lệ Hằng có thể nói là đã tin tưởng hơn những gì mình sắp viết sau khi Vòng Tay Học Trò ra đời.'

'Ngay cả Chu Tử với những đề tài liên quan nhiều đến phụ nữ trẻ cũng là chịu ảnh hưởng xa gần của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng.'

'Bác nghĩ sao về trường hợp Lê Xuyên với những nhân vật nhí nhảnh và nói năng liêu mạng như Phần và mấy cô gái khác trong những tác phẩm của ông (?)'

'Nhà văn nam chịu ảnh hưởng cách khác, nhà văn nữ chịu ảnh hưởng cách khác. Nam chú trọng đến *'hành vi buông thả'*, tới *'lời nói bán trời'* của các cô gái, nữ chú trọng đến *'nội tâm'* của người hành động và *'những biện minh cho hành động của mình'*. Dầu thế nào đi nữa họ cũng cảm thấy sao sao ấy khi cho nhân vật mình có những hành vi đi quá hơn cái bình thường của thời đại. Sao sao ấy là sự trói buộc, là những cấm kỵ theo quan niệm đạo đức của xã hội đương thời. Nhìn chung người phụ nữ trong văn chương thời thập niên 60 đã được cởi trói về mặt tính dục qua sự phát pháo của nữ sĩ Nguyễn Thị Hoàng, dầu là còn giới hạn, chưa tung hé tất tật như Hồ Xuân Hương ngày trước hay như hai ba nhà văn nữ nổi tiếng viết bạo dơ dáy quá đáng ở hải ngoại hay trong nước gần đây.'

'Chắc là những người này muốn đi đường tắt vào văn học.'

Tôi cười nói rằng em phê như vậy là quá đáng, khi phê bình không được hạ nhục người ta.

Người đối thoại trầm ngâm trong bối rối. Tôi hớp từng ngụm nhỏ ly cà phê đen trước mặt, nhớ đến những vị thầy của thời xưa đã góp phần đào tạo trí thức cho chúng tôi. Cụ Sa Minh Tạ Thúc Khải dạy Hán văn quá cao vì chú trọng đến nguyên nguyên cả bài thơ. Cha Larre, dạy Hán Văn quá thấp vì muốn cho học trò có căn bản ngay từ bước đầu, cụ Vương Hồng Sển suốt

năm dạy không thấy có một chương trình cụ thể nhưng đã đem cho họ trò những kiến thức đặc biệt không dễ gì có. Tôi nghĩ đến cụ Sên mà ngỡ ngợ, không nhớ rõ cụ dạy chúng tôi năm Dự Bị hay năm chúng chỉ Văn Chương Quốc Âm. Tôi cũng nhớ đến bà GS. Quách Thanh Tâm và phụ khảo Nguyễn Thị Bình Minh kể tung người hứng môn địa lý nhân văn rất khác lạ đem lại thích thú cho người học. Cụ Nguyễn Đăng Thục, thầy Nguyễn Khắc Hoạch đã giảng với sự sâu xa và đầy hứng thú đã mê hoặc một số sinh viên sau này đi vào con đường nghiên cứu của các thầy... Tất cả đều có thể đã quá vắng, sáu mươi năm học trò còn chịu không nổi cái búa của thời gian huống chi là thầy lớn hơn trò tròn tròn ba chục tuổi.'

'Bác có không vừa lòng ai trong số các giáo sư thời đó?'

'Chúng tôi thời đó rất trọng thầy. Ai mình cũng thấy xứng đáng là nhà mô phạm, xứng đáng là người hướng dẫn tâm hồn. Cho tới bây giờ sự kính trọng đó vẫn còn, mặc dầu có trường hợp sau này chánh kiến khác nhau như vị thầy đã thoát ly theo MTGPMN hay vị thầy quá ủng hộ chế độ mới và nhận được nhiều ân sủng. Chỉ có điều là sinh viên Văn Khoa là những người thích đọc sách. Trong hai năm chót của trung học họ đã thủ đắc một số lớn kiến thức sách vở, trong năm Dự Bị họ lại có thời giờ nghiền ngẫm một số lớn tác phẩm danh tiếng đương thời nên nếu vị giáo sư nào ít chuẩn bị bài dạy hay chỉ lập lại theo sách xưa mà không có ý kiến gì đặc biệt hoặc vô lớp chỉ đọc bài, không giảng thêm, thường bị sinh viên có cái nhìn hơi khang khác, khang khác nhưng không có nghĩa là không kính trọng.'

Lớp tôi thời đó, sau này vài ba năm nổi về mặt truyện ngắn truyện dài thì có Nguyễn Thị Hoàng, Nguyễn Xuân Hoàng, Huỳnh Phan Anh... là những người tôi biết, về mặt thi ca thì là các nhà thơ Tạ Ký, Hữu Phương, Hải Phương, Trần Văn Nam... Những người thành danh trên đường nghiên cứu nhận định thì có Đặng Tiễn, Bửu Ý bên Dự Bị Pháp, Nguyễn Thiên Thụy, Trần Nhật Tân bên Dự Bị Việt. Đó là chưa kể hơn 80% sinh viên năm đó sau này trở thành những nhà giáo, có người rất nổi tiếng dạy hay dạy giỏi kể không thể hết. Điều đó cho em thấy nền giáo dục trước đây đã đào tạo ra rất nhiều những con người có năng lực đích thực.

Người trẻ trước mặt lại hỏi bằng mắt kèm theo nụ cười hóm hỉnh. Tôi làm như không biết, chuyển đề tài:

'Tôi muốn hỏi em: Với kinh nghiệm của người sưu tầm sách, em thấy sách của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng có giá trị không và tại sao?'

'Sách của cô ấy được giới sưu tập ưa chuộng vì trình bày đẹp, văn vừa quá mượt mà lãng mạn vừa mang khí vị trí thức, hai điều dường như khó tương hợp.'

Tôi trầm ngâm. Tài là ở chỗ đó. Mượt mà đến mê hoặc. Trí thức tới đáng ngưỡng mộ. Khi tác phẩm của chị tràn ngập thị trường, mặc dầu đã tốt nghiệp cử nhân, tôi đọc vẫn thích thú vì mình học hỏi được nhiều điều về nội tâm bí ẩn và phức tạp của người phụ nữ. Đọc văn chị tôi thấy tâm hồn mình mới ra. Những truyện ngắn viết nhân chuyến đi Nhật Bản của chị có thể coi như những tùy bút tuyệt vời. Tôi thật sự bị cuốn hút trong *vòng tay* ma mị đó, theo tôi Nguyễn thị Hoàng là một hiện tượng độc đáo của văn học miền Nam thập niên 60.'

Tôi gật đầu xác định khi thấy người bạn trẻ thích thú về nhận định của chính mình:

'Nhà văn không phải muốn tạo nên dấu ấn của thời đại mà được. Dấu ấn đó được tạo thành bằng bản sắc cộng với những suy nghĩ đi trước thời đại và được thực hiện bằng quyết tâm chắc nịch.'

Bên ngoài nhà hàng, Đường Sách càng lúc càng vui. Nhiều người xoắn chun, dang tay chụp hình. Nhiều phụ nữ áo quần thời thượng đang tạo dáng đứng ngồi, tạo nụ cười tươi mát huyền hoặc trước máy ảnh. Quầy sách bên kia đường hình như có chuyện xin chữ ký khi vài ba khách bước ra tươi cười coi tới coi lui trang đầu một quyển sách cầm tay.

Tôi bỗng có ý ước ao được nói chuyện mặt đối mặt với người học cùng thời với mình cách nay hơn nửa thế kỷ khi thấy rằng lớp trẻ bây giờ dầu hoàn cảnh xã hội đã khác xa với sáu mươi năm trước vẫn có cái nhìn công bằng về toàn bộ tác phẩm của chị. Móc điện thoại ra gọi con số mà một người quen đã trao cho, tôi chờ nghe tiếng chuông reo trong hồi hộp. Thời gian và không gian tạo sự phân cách chẳng? Con số lạ sẽ làm chị e dè không bắt máy?

Và tôi rất vui mừng khi nghe giọng nói thân thiện của chị, cái giọng Huế pha Nha Trang dịu dàng như hồi nào dầu tôi chưa sử dụng tới *lá bùa* là người bạn học cùng thời, nhưng câu chuyện về một thời Văn Khoa xưa cũ từ mấy mươi năm trước thì cứ như mạch trào giữa hai người bạn đã từng tắm chung một dòng sông tuổi trẻ, từng loanh quanh giữa sân trường Đại học hồi nửa thế kỷ qua mà họ chưa bao giờ được dịp đối thoại nhau, dù chỉ một lần.



Gác máy lâu rồi tôi vẫn còn thấy ám bàn tay, lại thêm một yếu tố đáng cho ta mẩn mộ, nhà văn nữ có chơn tài này qua bao nhiêu bầm dập do bất công của đời và dư luận rồi hơi vẫn không đánh ngã được chị, ít ra khi nhắc đến Nguyễn Thị Hoàng trong dòng văn học thời đó, người ta vẫn còn nhớ đến người phụ nữ mảnh mai như liễu rủ mà không yếu đuối ngã rạp trong sóng gió cuộc đời.

tranh Chóe - Nguyễn Hải Chí 1973

(Sài Gòn 03, 2018)

Phụ đính II

Ao Bà Om cạn nước...

Năm My học lớp Mười thì Trị, bạn với anh Tư, tấn công tình cảm rất rạt. Trị nói ba bốn năm nay đầu dè cái thằng cù lần đen đúa như vậy mà có em gái đẹp mê hồn. Nghe thì vui trong bụng nhưng ngoài mặt tỉnh queo làm thính. Nói gì được khi con trai gặp lần đầu mà tán tỉnh tới bên còn hơn trực tiếp rủ rước đèn công viên ngay.

Sau vài lần kiếm cớ la cà ở nhà My, Trị nói mình đã bỏ phí tuổi thanh xuân bốn năm nay không được quanh quẩn hầu hạ em gái bạn. Nói vậy mà nói được! Bốn năm trước thì My có về con gái đâu nà. Áo dài xuống đuột thôi. Gương phẳng. Chưa biết điệu đà. Chải đầu còn làm qua loa cho có nữa là! Xin phép xuống bếp lúi húi với nồi cá thu má đã kho xong xuôi và nêm thêm nồi canh chua cũng đã sẵn sàng dọn khi khách ra về. Nhà chật chội chỉ có hai phòng, phòng đàn bà thì mẹ My đương nghỉ mệt, phòng đàn ông thì anh Tư đương mở nhạc um xùm bát nhã, nhà bếp là nơi có thể lánh mặt đỡ khổ trong chốc lát.

Vậy mà mưa dầm thấm đất, My trở thành người tình của Trị khi bắt đầu lên lớp 12. Và những buổi tới nhà bạn mượn tập, mượn bài, học tổ... được My thường xuyên xin phép mẹ dùng đi dạo khắp xứ Trà Ôn chật hẹp. Quận huyện gì mà bằng cái bụm tay, lần nào đi cũng sợ người quen thấy mặt, hai đứa thường trốn trong những vườn trái cây. Thét rồi như là người thân thích của chủ vườn. Kể cả mấy con chó cũng theo quanh quẩn làm quen. Nghỉ Tết, Trị chở My về

thành phố Trà Vinh viếng chùa Ông Mẹt, đi thăm di tích Lưu Cù 2, cùng nhau tần mẩn ngắm nghĩa từng chi tiết đền thờ đặc biệt này mà Trị cất nghĩa là một trong những di tích hiếm hoi sót lại của văn hóa Óc Eo. Nghe chưa có chữ học sinh chưa qua Trung học, sống lẩn quẩn trong quận như My, biết gì về văn hóa Óc Eo đâu.

Lần đó Trị rủ My đi ao Bà Om. Ao Bà Om đó, Đà Lạt của đồng bằng Cửu Long đó, nước ao cao lấp liếm bờ cát. Cảnh trí xinh đẹp. Bầy vịt trời nhóm này đàn khác xà xuống nhón nhờ trên nước. Khách du hồ lắng lặng đứng yên thường thức cảnh, không ai tỏ ý muốn bắt loại chim trời đáng yêu này. My lột giày ra xách tay, tung tăng trên đồi cát và thường đứng tạo dáng dựa mấy rễ cây có hình thể kỳ dị, thăm cảm ơn tạo hóa dày công tạo nên cảnh trí ưa nhìn.

Trị dựng xe vô một cây sao nói với My sau khi liếc mắt hãnh diện về những cặp khác:

‘My biết không, tới mùa Hè sen hồng súng đỏ nở đầy hồ, đây là chỗ để con người biến mình thành Thần Tiên một ngày.’

‘Một ngày thôi?’

‘Phải! Ngày nào hưởng vẻ đẹp ở đây, ngày đó là Thần Tiên!’

My đồng đành, chu mỏ: ‘Còn đêm?’

‘Tới lễ hội Ok Om Bok, người Khmer làm lễ, thả đèn trôi trên mặt nước, ao đầy đèn thì ai được thưởng thức cũng thành Thần Tiên hết.’

My thấy trong những yếu tố mình kết Trị là đây, có tính nhân văn, thỉnh thoảng thêm chất thơ trong lời nói.

Trị nắm tay My, rủ đi sâu vô bờ bên kia, nói đứng dưới gốc cây có cái hốc lớn đùn coi bộ thô tục, con gái mất duyên đi. Bấy giờ My mới để ý. Đổ mặt. My đi theo sức đẩy của cánh tay Trị dìu sau lưng.

‘My biết không, Ao này còn có tên là Ao Vuông vì gần như vuông vức, dài gần nửa cây số, ngang cũng phải tới hơn ba trăm thước. Chút nữa vô chùa Ăng – Angkorajaborey –, Trị sẽ đọc cho My nghe câu ca dao này hay lắm về Ao Vuông. Phải đọc trong chùa Ăng mới có ý nghĩa vì chùa được xây hơn mười thế kỷ rồi, linh lắm. Người ta thường vào đây khi có điều quan trọng cần giải quyết.’

Lần đầu vô hẳn trong chùa Khmer, My choáng ngợp trước cảnh trí khác thường, kiến trúc nào đối với My cũng như công trình cả ngàn ngày của một tập thể thợ chuyên ngành chăm chú tỉ mỉ. Vô giá đã đành mà còn là biểu tượng của sức sống tiềm tàng và nghệ thuật Phật giáo diệu kỳ.

Dẫn My tới trước một tượng thân mặt mày dữ tợn, Trị nói nghiêm trang:

‘Thần này chứng kiến lời hứa, hứa trước thần thì phải giữ lời.’

Trực giác con gái đương xuân My thấy hình như Trị sắp hứa yêu mình lâu dài đồng thời đòi mình điều gì đó trả lại. Chờ đợi bằng cách đảo mắt qua các điêu khắc khác và những trang trí giăng giăng trên đầu. Tiếng Trị trầm nhỏ, kéo dài như ngâm thơ:

Chừng nào cạn nước Ao Vuông/ Nhập chìm Long Trì mới buông lời thề.

‘Hứa khác thề chỗ nào?’

‘Thề là hứa trang trọng hơn, có sự chứng kiến của người khuất mặt.’

Giả vờ không hiểu, My hỏi: ‘Trị hứa gì với thân?’

‘Không! Hứa với My, hứa yêu My suốt đời!’

Biết sẽ nghe câu này từ lâu, sự xúc động cũng đến với My. Chỉ trả lời bằng cách tự động nắm tay Trị rủ về vì trời coi cũng đã trưa.

Rồi lần nào đó Trị chở My đi bên đò Long Đức nói rằng qua cù lao Long Trì chơi cho biết. Hai đứa linh xình làng xàng sao mà trời xụp tối không kịp trở tay. Bông bần rữ gần kín hết lá bần, đẹp mê hồn. Từ nhỏ tới lớn My đâu biết bông bần ra sao đâu. Những đàn đom đóm lượn lờ trên mấy nhánh bần gie ra sông tạo nên cảnh mờ ảo lung linh trong bóng đen của trời chập tối. Gợi cảm. Trong lòng lo sợ về trẻ sẽ bị rầy lớn, vậy mà cảnh cũng thu hút My đứng ngó đờ đẫn.

Trị choàng ngang hông My đọc câu ca dao rất hợp cảnh:

Bần gie đom đóm đậu sáng ngời. Rồi anh lặng thinh lấy thuốc ra hút. My rất khó chịu với làn khói thuốc không phải lúc nên bực mình đòi về. Búng tàn thuốc xuống sông, Trị ngó My, đọc tiếp, giọng ranh mãnh: ‘Lỡ duyên tại bậu trách trời sao đang.’

My hiểu như Trị đòi được sớm cho yêu thiệt, trao cho anh trái cấm chớ không yêu chạy, yêu nháp như bấy lâu nay. My cười cười:

‘Thôi về, em sợ đom đóm, ánh sáng chớp chớp như ma trôi.’

Trên đường về My không ôm Trị xiết chặt như mọi khi, cũng không nói gì, chỉ trả lời nhạt gừng khi cần thiết. Trị hỏi tại sao bỗng nhiên lại có vẻ buồn, My nói trơn tru là sợ cha mẹ rầy đi về khuya khoắc ông bà không yên dạ.

Đèn đường thi đua với đèn nhà sáng lên càng lúc càng nhiều. Xe máy chạy rọi đèn chói mắt. Về đêm mấy ông bà lái xe chạy bạt mạng, coi như mình da đồng xương sắt.

Gần tới chỗ Trị thường lệ bỏ My xuống anh đề nghị hai đứa cùng về nhà một lượt, thú nhận với cha mẹ em rằng mình yêu nhau và hẹn ngày cha mẹ Trị qua nhà nói chuyện. My gạt ngang lạnh lùng: ‘Lỡ duyên tại ai thì con gái cũng thiệt thòi, trách trời trách đất gì thì cũng rồi.’ My xuống xe thiệt mau khi chưa hết lán bánh. Trị xót xa ngó người yêu như xin lỗi, chẳng kịp nói gì thì My đã chào từ già bước đi.

Cả hai tháng My tránh mặt Trị với lý do mắc học bài cho kỳ thi sắp tới. Mỗi lần Trị tới nhà My đều trả lời đơn giản rồi bỏ vô phòng ngồi suy nghĩ mông lung.

Rồi thì một ngày kia Trị tìm dịp nói với My rằng anh được cử đi ngoại quốc học một năm về thụ tinh trong ống nghiệm và kỹ thuật nuôi giữ phôi ngoài môi trường tự nhiên. Trị xác nhận ngành này không hợp với mình, sang đó sẽ tìm cách bẻ kèo chuyển ngành khác. Mắc gì phải theo ngành không ở trong thang giá trị làm người mà mình đặt ra. My nghe tới đây thì thấy Trị đáng yêu tính bớt giận làm lành thì nghe Trị nói lâu nay My giận sảng My thấy mình nên làm khó

thêm. Thế là anh chàng ra đi không có My tiễn đưa, anh Tư My đi đưa tiễn bạn về ốm ở rằng thiếu gì người đẹp trong bệnh viện đưa nó ra phi trường.

My cười như méo nhưng lòng dửng dưng. Chừng nào ao Bà Om cạn My mới sợ.

Cả hai tháng nay nghe thiên hạ nói ao Bà Om cạn khô tới đây. Phần sâu nhứt còn chút bùn sền sệt, phần cạn gần bờ thì cỏ đã xanh rì mà Đạm Tiên. My không tin ao bị thấm quá như vậy. Năm nay hạn hán, ừ, nhưng chắc không tệ hại đến đó. Đồng bằng Cửu Long xưa tiếp nhận nguồn nước khổng lồ từ thượng nguồn, nay thượng nguồn xây đập quá thừa, hạ nguồn có cạn chút đỉnh nhưng không thể khô! Ao Bà Om có thể thu hẹp nhưng không thể cạn!

Rồi My cũng tới ao để chứng nghiệm sự thất vọng vô bờ. Ao cạn thiệt tình. Trơ đá. Chiếc xuồng hời đó hai đứa tưởng tượng là thuyền lan chèo quế đưa My vu quy bây giờ nằm trơ vơ. Gãy đổ. Ngó tới cây dầu rễ cao hơn mặt đất có cái hang hơi thô My muốn bật khóc.

Lời thề được buông rơi rồi sao? Cả hai tháng nay không thấy điện về, một cái email cũng không ngờ! My ngồi bẹp trên gò cát, kệ mắt tò mò của trẻ con cũng như của mấy cặp tình nhân nhí. Họ tung tăng hồn nhiên và My nát lòng. Vớt một bụm cát lên tay, My xoè ngón ra theo dõi luồng cát rớt xuống, nhuyễn như tơ, linh động như dòng nước. Hứa như cát trôi kẽ tay! Tình như nước khô cạn!

Trời chiều, mặt trời xuống thấp lần, biển mất sau chơn trời, đèn quán nghèo bán dứa và mấy thứ nước uống bình dân bên kia đường đã bật lên. My đứng dậy, phủi cát trên quần áo, ngó lại cái ao cạn như ruộng khô và chiếc xuồng bể lần nữa. Rười rượi buồn. Ở mà Trị nói cạn nước ao Om, chìm cù lao Long Trị, bây giờ chỉ mới có một điều. Chưa sợ!

Trên đường về Trà Ôn, My thấy hứng khởi. Thề chỉ để xác định một lời hứa. Thề cũng cố lòng tin người nghe, tình cần chung thủy của cả hai đứa. Những xác quyết này nọ kèm theo lời thề như xe cán, như bà bán, như cạn nước ao Vuông chỉ là yếu tố tạo tin, không phải lòng chung thủy. Không có sự liên lạc giữa hai chủng loại khác biệt là cạn nước ao Vuông và buông rơi lời thề! Không tin! Không tin! Tin là mù quáng lệ thuộc lời thề và coi nhẹ tình yêu. Ao đầy hay ao cạn chỉ là chuyện của Ao, không phải của lòng Trị. My bật cười với mình. My, mi làm luật sư cho chàng hay mi tự an ủi đánh lừa nỗi thất vọng của mình vậy?

Về tới nhà. Mẹ nói con gái đi sao không mang theo điện thoại, thằng Trị gọi điện về nhà không có con để trả lời.

Không cần hỏi xem Trị nói gì, My biết ngay rằng Ao Bà Om cạn và buông lời thề là hai thứ chẳng ăn nhập gì với nhau hết. My hiểu tại sao có sự trễ nãi này và nhận chân rằng tình yêu của mình chỉ mới thiệt sự bắt đầu từ hôm nay. Đẩy xe lên dốc nhà, My hạnh phúc nheo mắt với mẹ trong sự ngạc nhiên của bà trước khi nhảy chun sáo vô phòng. Ao Bà Om, ta yêu mày vô cùng! Cạn cũng yêu như thường!

(Sàigòn, March, 8, 2016, một tuần sau ngày đi Trà Vinh.)

Con đĩa hai vôi

Chú Tám cầm tấm giấy đi lãnh đồ mà nước mắt rưng rưng. Vợ chồng Chú từ ngày *đổi đời* tới giờ cứ trông đứng trông ngồi tin tức của đứa con gái độc nhứt của mình. Mình già rồi, biết sống

nay chết mai gì, mà sao sống cơ cực quá. Mình như mặt trời xế bóng mà con cái thì biển biệt tăm hơi. Cầu mong cho nó còn sống nó gửi thơ địa để mình mừng, để coi bây cháu ngoại bây giờ ra sao. Nếu nó có dư giả gửi địa chút đỉnh thì cũng tốt, bằng nó chưa khá, mà có lòng tưởng tới mình thì gửi thơ cho biết tin tức không cũng được. Chú luôn luôn nói với Thiêm như vậy, rồi ngày lại ngày hai vợ chồng ngóng thơ con. Mà ác ôn, Cô Hai, con chú gần hai năm sau mới có điện tín về, gồm vồn vẹn chỉ có hai câu: "*Cháu gửi lời thăm chú thiêm được bình yên. Tụi cháu luôn luôn nhớ chú thiêm.*" Dưới có ký tên thời con gái của cô Hai: Lê. Gặp Ông Bảy Năm Trên, chưa kịp chào hỏi, chú Tám đã khoe mặc dầu trong cách nói chú làm ra vẻ trách móc thờ than: "Anh Bảy coi con Lê tui nó ác hông? Ai đòi ra đi bỏ cha mẹ không tin tức gì hết mấy năm trời, bây giờ gửi thơ địa cũng hà tiện chữ. Viết có hai câu mà lại kêu bằng chú nữa." Rồi chú chép miệng: Nó sợ cái gì kỳ cục vậy hổng biết! Con cái người ta thơ từ tin tức rần rần, nó thì không ơ. Mình muốn biết tin tức của nó mà nó làm cái mừng này thì cũng như không.

Ông Bảy hỏi lại, coi bộ ông cũng mừng lây:

-Bộ con Lê nó gửi thơ về thiệt hả? Vậy tốt quá trời rồi.

Rồi ông nói luôn không để chú Tám kịp trả lời:

-Mà nó bây giờ ở đâu vậy. Bên Mỹ hả? Anh phục tài tui chưa? Hồi đó tui quả quyết nó đi Mỹ mà hổng tin tui, anh cứ bán tín bán nghi. Hồi đó tui nói như vậy cũng có lý do, hổng lẽ tui nó chết mất xác cả hai vợ chồng với mấy đứa con?

Chú Tám phân trần:

- Thì ai biết đâu nè! Sau vụ ngàn cân treo sợi tóc đó mà mình hổng thấy tăm hơi gì tui nó hết, thì nghĩ một là tui nó chết hai là nó đi tản rồi mà không kịp báo cho mình. Anh nhớ không, hồi đó *cách mạng* pháo kích căn cứ nó nát như mà. Tui nghi tui nó bị chết mất xác, anh nghi tui nó đi Mỹ cũng hợp lý thôi. Hổng lẽ anh trừ ẻo con tui. Còn tui ngày nào cũng van vái cho anh nói đúng. Bây giờ nó ở Mỹ, điện tín gửi từ bên đó địa nè.

Chú Tám đưa cái điện tín ra để làm chứng. Tám điện tín đã nhàu nát vì chú móc ra móc vô nhiều lần. Ông Bảy liếc sơ qua rồi gật gù:

-Nó viết như vậy là nó khôn dàn trời rồi, nó sợ liên lụy cho anh đó. Đòi bây giờ cẩn thận là phải. Lỡ một cái là chết. Con nhỏ tính kỹ thiệt.

Ông Bảy khen không tiếc lời. Chú Tám nghe con được khen khoái trong bụng, vỗ vai ông Bảy:

-Thôi dầu hèn gì cũng thể. Chiều nay anh qua nhà tui. Mình lai rai ba sợi với *đế quốc* doanh chơi. Chút nữa tui về bẻ sẵn một mớ me dốt để đưa cay. Cha, cây me sau nhà năm nay đậu quá, hôm rày tui nói dèm với bà hoài mà bà làm thinh, bây giờ mình có cố rồi: *nhậu đế mừng đoàn tụ.*

Ông Bảy Năm Trên chặt ngang không vị nể:

-Đoàn tụ khi gì, mới có thơ chớ bộ nó địa đây sao mà nói đoàn tụ.

Chú Bảy không giận trái lại còn vui vẻ:

-Thì mình nói bậy vậy mà, thấy thơ cũng như thấy người.

Rồi chú triết lý:

-Chết mới hết chứ còn sống là còn gặp. Trái đất tròn mà!

Chiều hôm đó ông Bảy Năm Trên được dịp khê khà ly rượu đế quốc doanh đưa cay với me dốt để kể chuyện năm trên về thời con gái của cô Lê với chú Bảy, làm như chú Bảy không phải là cha của cô Lê. Kể chuyện đã đời, ông Bảy ngậm thơ ngang xương:

Chồng gần không lấy, lại lấy chồng xa

Mai sau cha yếu mẹ già

Chén cơm ai đỡ, chén trà ai bưng?

Rồi ông chép miệng:

-Hồi đó tới giờ tui ít thấy ông bà mình nói trạt, mà từ hồi kẻ khôn đi học, thằng ngu dạy đời tới giờ sao tui thấy nhiều chuyện ngược đời quá. Lấy chồng xa vậy mà cha mẹ được nhờ. Nay gởi thơ mai gởi đồ. Cơm nước chè cháo gì cũng có. Còn lấy chồng gần thì hi hi...

Một lúc sau ông nói thêm:

-Thằng cha Mỹ Phước chủ nhà thuốc Tây đằng chợ gả con cho *khỉ rừng xanh*. Con lấy chồng gần mà có giúp đỡ gì được nó đâu. Vẫn bị đánh tư sản như thường, nhà bị đuổi lên đuổi xuống nên nhờ thằng con rề. Nó lên mặt đàn trời. Ai đời nó nói với ông già vợ mà nó nói trống không. Con mình thì nó ngủ, mình thì nó khi dễ. Thằng chả tức cảnh hông. Lâu lâu nó còn nọ tiền sau khi bòn rút đã đời tiền của con gái thằng chả. Đúng như ông bà mình nói *vừa bị cướp ngày, vừa bị cướp đêm*.

Chú Tám vừa nhắm nhĩ vừa gật gù đồng ý. Chú thỏa mãn quá trời. Con mình thì biệt tằm biệt tích vậy mà có thứ quá, mình được nhờ, mà không bị mang tiếng gì hết. Như vậy là có phước đàn trời rồi còn gì. Hồng hơn mấy thằng cha tính non tính già, đem con dâng cho tui nó còn bị dằn vặt, bòn rút? Rồi chú tự thưởng mình thêm một ly nữa. *Rượu đế quốc doanh* bậy bạ vậy mà khi vui uống cũng bắt đáo để! Cẩn võ nửa trái me dốt thì còn sướng hơn làm vương làm tướng. Chú còn đang miên mang tận hưởng khoái lạc thì ông Bảy đập mạnh võ vai:

-Như vậy anh là người có hạng trong xóm mình đó nhé. Năm ngoái thằng trưởng phòng công an phường với thằng tổ trưởng an ninh còn hăm he mấy người có con di tản ra nước ngoài chớ năm nay thì hết rồi. Bây giờ nhà nước cần những người như anh đó anh Tám. Tui nói rồi để anh coi. Hồng chừng rồi đây anh được giấy ban khen cho mà coi.

Chú Tám thiết tha không hiểu kịp lời ông Bảy Năm Trên nên hỏi lại:

-Bộ anh nói giả ngộ sao chớ, tui có biết cách mạng cách miết gì đâu mà anh nói vậy! Đánh Tây thì tui mới hự hợ có vài ba năm gì đó rồi thấy mấy chả chèn ép quá trời tui bỏ địa đây tới giờ. Đánh Mỹ thì tui còn bù trất hơn nữa, có theo mấy chả hồi nào đâu, đã vậy mà con Lê....

Nói tới đây chú Tám nín ngang, ý chừng chú muốn nói con Lê với chồng con đang ở Mỹ nhưng chú sợ vạ miệng nên thôi.

-Ấy, tui nói rồi anh coi hồng trúng phóc anh lấy cây anh đập lên trên đầu tui.

Ông Bảy Năm Trên xác nhận:

-Nhà nước bây giờ sau chiến tranh nên nghèo, lại bị tui phản động quấy phá trong nước không còn cho tiến lên xã hội chủ nghĩa. Phía Bắc thì bị bọn bá truyền Trung Quốc hăm he, phía Nam thì bọn tay sai bạo quyền phát động chiến tranh tiêu hao nên cần tiền ngoại tệ. Đâu có ngoại tệ để canh tân. Những người như con Lê gởi tiền bạc, hàng hóa về không phải giúp nước thì là gì. Mà không có anh thì sao nó gởi? Hỏi hồng phải anh có công sao? Không cấp bằng khen anh thì cấp cho ai?

Chú Tám nghe có lý nên gật gù:

-Anh nói tui mới thấy. Vậy mà thằng tổ trưởng an ninh cứ nói mấy thằng già tui mình không còn lao động sản xuất được chỉ là tui ăn bám. Tui nó ăn bám thì có. Lớ quớ tui thà chịu nghèo biểu con đừng gởi đồ địa thì Nhà Nước trợ mỗ. Tui nói dặng anh thấy phải không?

Tuy nói vậy, cái nghèo vẫn khiến chú Tám chờ đợi hàng ngày quà của con gái gởi về. Từ đó một vài tháng chú nhận được một lá thơ của con. Mỗi lần như vậy chú thêm vui mừng hết cỡ, hết khoe người này lại khoe người kia. Và hôm nay chú nhận được giấy báo nhận quà. Trong giấy ghi rõ chú lên Tân Sơn Nhứt đúng tám giờ sáng để lãnh, và phải cầm theo sổ hộ khẩu.

Thiếu Tám phân vân hơi trông:

-Hồng biết con Lê gởi gì địa đây? Vái trời nó khôn vong gởi mình mấy thứ bán được kha khá tiền để mình xoay sở, chớ đừng gởi bánh trái, mắc công đi lãnh hồng lợi ích gì.

Chú Tám rầy vợ:

-Bà sao nói năng hồng nghe lọt lỗ tai chút nào hết. Chuyện này mà cũng vái cái gì. Đồ tới đây rồi đang nằm chình ình ở Tân Sơn Nhứt mà bà mới vái thì bộ ông Trời ông đỗi được sao. Mà

tui biết con Lê nó hồng đến nỗi ngốc để gởi địa mấy thứ đồ mắc dịch mắc ôn đâu. Tui nói rồi bà coi có trúng phóc không cho biết! Nó ở xứ văn minh chứ đâu phải xứ mặt rệp như mình vậy! Thiểm Tám mỉm cười chịu đựng. Thiểm quá quen thuộc với cái tính làm ông hoàng ông tráng với vợ của chồng từ ngày mới cưới tới giờ.

* * *

Chú Tám xuống xe lam lúc trời mới còn tung bưng sáng. Cảnh vật chung quanh vẫn còn ngái ngủ sau một đêm dài. Mấy năm trước chú có đi qua đây; chợ trời Lăng Cha Cả nhộn nhịp người mua kẻ bán, xập hàng tùm lum tà la mà bây giờ coi trống trơn, lạnh lẽo làm chú khớp ngang, phân vân không hiểu mình tới trúng chỗ không. Chú hỏi người tài xế xe lam công vô chỗ lãnh đồ từ ngoại quốc gởi về.

-Bây giờ còn sớm, bác lại đăng đầu hẻm kia.

Anh vừa chỉ vừa cười:

-Chỗ đó trước đây là đường vào động của mấy chú GI ngo ngoác, chỗ có mấy đũa nhỏ đi ra, đi vô đó đứng đợi, tới giờ sẽ có xe vô trông lãnh.

Chú Tám lững thững đi về phía có ánh đèn nơi anh tài xế xe lam chỉ. Mấy đũa nhỏ chạy ra mời nín một cách thân thiện:

-Ông Hai ngồi đây đi ông Hai. Ăn miếng mì thịt nghe?

-Bác ngồi nghỉ đây, uống cà phê đi bác. Chưa tới giờ đâu!

Vài người đã tới trước giờ tò mò nhìn chú. Chú hỏi băng quơ không để ý tới lời mời mọc:

-Hồng biết chừng nào mới được vô hé?

Một bà nhanh nhẩu:

-Độ tám giờ thì có xe nhà nước cho vô, mỗi người góp ngàn rưởi tiền tổn phí xăng nhớt.

Chú Tám nghĩ thầm:

-Bộ đây vô trông xa lắm sao cà? Từ Gò Đen lên đây mấy trận xe lam mới hết năm ngàn. Ở đây vô trông nhà nước ăn ngàn rưởi thì chắc Tân Sơn Nhứt này rộng lắm. Ừ mà phải rộng như vậy mới đủ chỗ chứa đồ gởi về. Biết bao nhiêu người đi. Họ gởi đồ địa, nếu chỗ nhỏ lấy đâu mà chứa?

Nhưng tánh tiếc tiền làm chú đặt câu hỏi:

-Mà bạn ra có tốn tiền hông?

Chú chỉ thắc mắc về tiền phải trả chứ không thắc mắc về tiền có thể trả. Tiền ăn uống là tiền có thể không cần xài. Chú nghĩ thầm: Mình ráng nhịn lát nữa địa ăn cho ngon.

Có tiếng một đũa nhỏ nào đó chầu mỏ vô giọng đều cáng.

-Hồng tốn cũng được nếu ông già chịu khó đi bộ, cha hà tiện hoài. Mỗi lần lãnh được cả chục ngàn đồng, có vài đồng mà cũng tiếc!

Chú Tám giận cảnh hồng nhưng chú làm thinh. Mình có nói gì đâu mà nó dẫn vật mình vậy cà? Lại còn kêu bằng ông già này ông già nọ. Bộ mình không đáng tuổi cha nó sao? Rồi chú lảng ra chỗ khác để lại sau lưng những tiếng léo nhéo của mấy đũa nhỏ mất dạy:

-Hừ! Hà tiện gắt máu. Bữa nào cũng gặp mấy ông già này mở hàng thì mắc phong lông hết trọn. Xui hôm qua tới giờ còn xui. Chắc phải đốt phong lông mới được!

Chầu chục tới bốn giờ chiều Chú Tám mới được kêu tới nhận hàng. Chú đang đói bụng dữ tợn. Từ sáng tới giờ có gì dẫn bụng đâu. Chờ hoài chờ hủy. Củ khoai mì ăn trước khi lên đường đã tiêu đâu mất rồi, làm cho chú thấy sự chờ đợi là cả một cực hình. Chú nhớ tới lời ông Bảy Năm Trên: Ở nước xã hội chủ nghĩa mình phải xếp hàng cả ngày. Đừng mất bình tĩnh, phải kiên nhẫn. Khi nghe đến tên mình chú đâm lo. Hộp quà bọc xộn được đẩy ra trước mặt chú, nó đẹp đẽ, sạch sẽ nhưng có dấu mở ra và dán lại ở bên hông. Chú phân vân. Ai mở ra trước vậy cà? Mình tính đem địa vợ chồng cùng mở ra để cùng đoán coi con Lê nó gởi gì địa. Cho bà mừng vậy mà. Vợ chồng già lâu lâu chỉ nhờ có chuyện này để hủ hỉ với nhau.

Tiếng người cán bộ, giọng Bắc, lạnh lùng trống không:

-Ký tên vào đây xác nhận đã nhận đủ và không có gì thắc mắc khiếu nại!

Chú Tám cầm cây viết lên tính ký bồng chú hỏi.

-Gói này của tui hả? Mà ai mở ra trước vậy?

Tên cán bộ trả lời quẹo đẹo:

-Nhà nước! Bộ không muốn cho nhà nước xét hả? Biết đâu tui nó nhân mình cho gởi quà về cho vào đây những món hàng phân động, chống phá cách mạng, tuyên truyền sách động hay văn hoá đồi trụy.

Rồi hấn đánh đờn thực tế hơn:

- Thắc mắc hử? Ký vào chỗ này. Đi về chờ giải quyết sau. Chừng nào ở đây giải quyết xong sẽ có giấy báo trở lại nhận hàng.

Chú Tám không dè câu hỏi của mình coi chơi chơi vậy mà đưa đến cái khó khăn chú không lường trước được, có thể không nhận được quà hay có thể mang tội tày trời nào chắc, chú bèn *thả bàn toán Tàu* trong đầu. Chú giả là:

-Đâu có! Tui hỏi cho biết đây mà! Đâu.. ký ở đâu?

Tên cán bộ vẫn không đổi thái độ:

-Chỗ này. Nhưng phải đóng thuế đã. Thuế bảy trăm tám mươi nhăm đồng. Tiền thuế chín mét hàng hai trăm bảy mươi đồng, mười hộp kem Hoa Lan hai trăm, hai gói bột ngọt bốn chục, ba hộp sâm cao ly trăm rưỡi. Cộng với tiền thuế thuốc linh tinh và tiền tồn kho sáu mươi nhăm, vị chi là sáu trăm sáu mươi nhăm đồng. Có đem theo tiền không?

Chú Tám như rút từ cung trăng xuống, chú chặc lưỡi:

-Chết hôn. Lúc đi mình cẩn thận đưa tiền bà giữ, mình chỉ cầm có mười ngàn đủ tiền xe cộ bây giờ tiền đâu mà đóng thuế. Chú nặn trán suy nghĩ và thất vọng. Giấy bảo lãnh chỉ biểu đem theo sổ hộ khẩu, đâu có nói đến tiền bạc thuế má gì đâu. Chú đứng tần ngần mặt thộn ra.

Tên cán Bộ hỏi, giọng bực bội:

-Không có tiền hả. Khi nào có tiền trở lại. Phải đóng thuế mới lãnh hàng ra được.

Rồi hấn đẩy gói hàng ra một bên, sửa soạn kêu tên người khác.

Chú Tám nhìn gói quà mà lòng đau như xé. Nó đó mà mình không nhận được. Đúng như ông bà mình nói: Cơm đưa tới miệng còn chưa chắc được ăn. Nghe kêu tên mình mừng thấy ông bà ông vải mà bây giờ phải xách đít về không hồng biết chừng nào mới lãnh được. Chú đứng như trời trồng, nhìn chằm chằm cái tên và địa chỉ của mình trên gói hàng. Đúng là chữ của con Lê rồi. Bỗng nhiên Chú muốn ứa nước mắt sống.

Tiếng tên cán Bộ kêu tên người khác rồi người khác làm Chú đau lòng hơn. Họ ké tiếp nhau lán Chú xa dần. Chú không còn biết đói bụng là gì. Mắt Chú như bị gói quà thôi miên. Giờ đây nó đang từ từ cách rời xa Chú như lúc nhỏ Chú chơi thả tàu ở ao, tàu bị nước đánh ra xa Chú chỉ biết nhìn mà không biết làm gì khác hơn. Lúc đó Chú ước ao phải chi có ông tiên nào đi qua hóa phép cho tàu Chú trở vô bờ lại. Bây giờ Chú lớn rồi, Chú không còn ước ao có ông tiên nữa, nhưng cũng chỉ biết đứng nhìn thôi. Chú chớp chớp nước mắt để nước mắt khỏi trào ra. Lê ơi, con có biết cảnh này?

Có ai vỗ nhẹ vào lưng Chú:

-Chào Bác, Bác đi nhận hàng từ ngoại quốc gởi về hả?

Chú Tám không trả lời, Chú khinh khỉnh quay đi. Thằng hỏi dị hợm! Ai vô đây chơi được? Ai ở không mà vô đây chơi?

Người thanh niên không giận vì thái độ giận cá chém thớt của Chú, tiếp tục thân thiện:

-Cháu cũng đi lãnh quà mà chưa tới tên. Chú bị chuyện gì trục trặc vậy?

-Họ biểu đóng thuế, mà tui không có đem theo tiền.

-Vậy hả? Mắc công quá há. Cháu cũng bị cảnh đó 6 tháng trước. Họ biểu về đọi giấy báo lại lần nữa. Chờ 6 tháng nay mới nhận được giấy báo lãnh hai ngày hôm qua. Họ bỏ hồ sơ mình xuống cuối.

Chú Tám làm mặt lạnh:

-Bộ giống như đi mua hàng hợp tác xã vậy hả? Họ kêu tên mình không có ở đó, họ để hộ khẩu xuống dưới chót. Bộ ở đây cũng làm như vậy hả?

Người thanh niên cười vui vẻ:

-Dạ Bác nói đúng? Ở đâu cũng làm vậy mà thôi. Nhiều quá họ đâu có thì giờ làm giấy đi làm giấy lại hoài.

Rồi anh ta hỏi nhỏ:

-Mà Bác bị đóng thuế bao nhiêu?

-Tui nhớ không rõ, đâu hơn bảy trăm đồng mới, hông biết bao nhiêu đồng tiền mình. Tiền mới cũ tui lộn xộn lắm, tính không ra.

-Mà Bác có nghe Bác được gởi gì về?

Chú Tám buồn buồn:

-Nghe đâu như có 9 thước hàng và 10 hộp kem Hoa-Lan. Tui hông biết kem Hoa-Lan là kem gì. Hông biết phải cà lem hông. Mà chắc hông phải đâu. Chảy hết còn gì?

Người thanh niên bật cười:

-Đó là kem thoa mặt cho đàn bà. Nó là đồ mỹ phẩm. Thứ này đóng thuế nặng nhưng bán ra chỉ có 2, 3 đồng thôi. Ai gởi cho Bác mà kỳ vậy? Sao Bác không biểu họ gửi thứ gì về ít bị đóng thuế mà bán ra được khá khá tiền phải có lợi hơn không?

-Vậy hả? Tui đâu có biết. Mà tui với bà đâu có cần thứ kem đó làm gì? Bà già rồi. Hồi nào giờ Bà đâu có xúc kem xúc kiết gì đâu.

Rồi Chú từ giã:

-Thôi Cậu ở lại, tui đi. Chờ sớm mai tới giờ đói bụng muốn rã ruột mà phải đi tay không.

Người thanh niên chặn Chú lại nói nhỏ:

-Cháu thấy Bác tội nghiệp cũng muốn giúp, nhưng mà số tiền nhiều quá, gần bốn trăm ngàn lận. Mà Bác ở đâu?

-Tui ở Gò Đen. Xin giấy phép đi đường cũng hết một buổi. Chỉ đi được có một ngày.

-Cháu ở Nhà Bè lận. Phải chi ở gần cháu đưa Bác mượn đỡ rồi một hai hôm xuống thăm Bác nhận lại sau. Mình phải giúp đỡ nhau khi khó khăn túng ngặt. Nhưng mà...

Anh ta chắc lưỡi, làm bộ suy nghĩ rồi đáp ứng:

-Cháu đề nghị như vậy Bác nghe có phải không rồi quyết định sau. Cháu đưa tiền Bác đóng thuế. Bác trả cháu bằng 5 thước hàng và mười hộp kem Hoa Lan. Bác cho cháu một vài món thuốc tây. Cũng như cháu bán đồ dùm Bác vậy mà. Bác hông biết chứ đem ra chợ trời tụi nó mua rẻ mặt mà nhiều khi con bị gạt lấy mất đồ nữa. Tụi làm ăn ở chợ trời hông tin nổi đâu.

Chú Bảy suy nghĩ thật nhanh: Mình còn lại 4 thước vải, kem thì mình hông cần rồi, thuốc tây thì mình đâu biết thuốc gì trị bệnh gì. Thôi chịu đại cho rồi. Nói qua nói lại hết thì giờ. Hông biết chừng nào mới được kêu trở lại lần nữa. Mỗi lần đi là mỗi lần khó.

* * *

Thiểm Tám mặt mày tươi rói ra mừng chồng!

-Dữ thần hông, đi lâu quá trời. Chờ muốn rục xương sống từ lúc 5 giờ sáng tới giờ.

Rồi Thiểm ước thầm trong bụng:

-Ừng ai nó gởi đồ đi nhiều nhiều để vợ chồng già qua khỏi cơn túng ngặt này.

Thiểm vừa đỡ gói đồ trên tay người chồng vừa nhìn Chú Tám áy náy:

-Ông đi sao lâu vậy? Có mệt lắm hông? Cơm nước gì chưa?

Chú Tám không thèm trả lời, Chú quạu quọ bước vô nhà nhìn xéo về cái lồng bàn đập mâm cơm. Đói muốn rã ruột mà còn gặp chuyện buồn. Đồ con gái gởi về bị chúng lấy hết phân nữa vì tiền thuế. Không biết thuế gì mà mắc dần trời, gần bốn trăm ngàn đồng bạc. Thiếm Tám leo đéo đi theo chồng. Chú Tám nói mà không quay lại:

-Đó Bà mở ra coi. Tui mệt quá rồi.

Thiếm Tám vừa cười mím mím vừa lắc gỏi hàng. Bổng Thiếm kêu giựt ngược:

-Ông ơi, sao lồng leo vậy nè?

Thiếm Tám trả lời luôn:

-Bộ họ ăn bớt hả?

Chú Tám biết chuyện này rồi, Chú bực mình quay lại chưa kịp trả lời thì có tiếng khàn khàn của tên trưởng phòng công an xã trước cửa:

-Có Chú Tám Thiếm Tám ở nhà không?

Chú Tám nói thầm thì với vợ:

-Không biết có chuyện gì mà thằng này nó kiếm mình giờ này?

Mấy thằng công an mà kiếm thì chắc là không có chuyện tốt lành gì.

Chú nói lớn:

-Dạ có!

Hắn đơn đả:

-À Chú Tám về tới rồi à!

Rồi hắn bước vào nhà không cần đợi mời. Mang tiếng trưởng phòng công an như hắn mà phải lên tiếng trước khi vào nhà là nhẹ thể quá rồi. Hắn liếc mắt lên gỏi quà nói giọng tấn ơn:

-Hôm qua Chú xin phép xin đi thành phố Hồ Chí Minh, thông cảm lắm mới cấp giấy phép sớm. Bà con mình mà. Chớ người khác thì phải đợi cả tuần. Lúc này công việc nhiều quá mà nhân viên thì bận công tác đột xuất hoài.

Chú Tám và Thiếm Tám trao đổi cái nhìn với nhau. Chú chỉ biết vuốt đuôi trong khi chờ đợi nó muốn gì.

-Dạ tui xin cảm ơn ông trưởng phòng.

Tên công an ngồi xuống cạnh đó, không kịp mời. Tự nhiên như thanh niên Hà Nội. Hắn nói giọng chậm rãi vừa cố làm thân, vừa nói giọng của kẻ cầm quyền ra lệnh.

-Lát nữa 7 giờ rưỡi, mời Chú đi họp tổ. Bữa nay có một đồng chí trên quận xuống thuyết trình đề tài rất hấp dẫn: *Đế Quốc Mỹ là con đũa hai vôi*. Xin Chú đến đúng giờ. Tôi cũng có ở đó nữa.

Chú Tám cố nén cái thở dài, nói nhỏ xụi lơ:

-Dạ, ăn cơm xong tui sẽ đến.

Hắn làm bộ đứng dậy.

-Thôi tui về để Bác soi cơm. Mà gỏi hàng đây à? Bác có thể mở ra xem tí được không? Hàng bên Mỹ không tốt và bền bằng hàng của Liên Xô ta, tuy vậy nó có cái mã bề ngoài đẹp đẽ. Tui muốn xem để chúng ta cùng chia vui vậy mà. Mình ở trong một xã như ở trong một gia đình lớn.

Chú Tám ngần ngừ, đưa mắt hỏi ý kiến vợ. Thiếm Tám làm bộ không thấy cứ tiếp tục đùng đính sửa soạn lại hai đôi đũa trong mâm cơm. Hắn nói tiếp:

-Tụi Mỹ nó đều lắm. Mình đánh với nó hơn hai chục năm nó mới chịu rút đi mà vẫn chưa chịu bỏ cuộc, vẫn tìm cách phá hoại cách mạng. Tụi nó gởi tài liệu chống phá cách mạng về mãi à! Tụi tui ở đảng cơ quan nhờ quần chúng giác ngộ chỉ điểm đã phát hiện nhiều lần rồi.

Vợ chồng Chú Tám xanh mặt, thằng này muốn gì ở đây mà giờ giọng doạ nạt nói xa nói gần.

Nếu người khác thì để đối phó. Chú tuy thiệt thà, nhưng cũng đủ miệng lưỡi để đối phó, đảng này nó là xếp công an chỗ mình, đời thiệt éo le. Lúc mình làm cách mạng thì nó chắc còn mũi dĩa lùm tùm, ở trường dòng đồng tắm nước mưa. Mình đã thấm thía cái cách mạng đó

nên *rã hùn* không chơi nữa. Bây giờ nó hơn danh bảo vệ cái cách mạng mình chối bỏ để dòm hành, bắt chẹt mình... Chú không thềm dấu diếm tiếng thờ dài, quay lại nói với vợ:

-Đâu Bà nó mở ra coi con nó gọi gì dì, sẵn có ông trưởng phòng đây đến chia vui với mình. Tui ăn qua loa ba hột cơm tối rồi còn đi họp.

Thiêm Tám trả lời hạp hực, một thái độ ít thấy từ ngày cưới nhau đến giờ.

-Thì ông mở hông được sao, phải tui mới được?

Hắn ngó Thiêm rồi quay lại ngó Chú, chắc hắn giận lắm nhưng cố nén. Hắn châm điều thuốc Phù Đổng, hút một hơi dài để dần cơn giận và lấy lại vẻ tự nhiên.

Để không khí khỏi ngột ngạt, Chú Tám giả lá phân bua:

-Ông trưởng phòng thấy đó, nhiều khi bả chướng vô lý hết sức, tui chịu đựng mấy chục năm nay rồi lặn.

Hắn đỡ lời:

-Có lẽ Thiêm muốn dành cho Chú danh dự mở quà vì Chú có công lao đi nhận lãnh về. Vậy cũng tốt thôi. Ta tranh thủ thời gian để còn đi họp. Buổi họp tối nay quan trọng lắm ta không thể trễ được.

Gói hàng được mở ra, ba cái đầu chụm lại. Nhìn xuống đáy hộp khi tất cả mọi thứ đều được lấy ra đặt lên bàn: xấp vải mỏng đánh, mấy gói thuốc thông thường, 2 gói bột ngọt, 2 gói thuốc dán, mấy chai dầu xanh, một bao rau câu, 2 gói sâm Cao Ly, một lá thư, 2 hộp kem Hoa Lan.

Hắn cầm hộp đựng quà lên xăm soi:

-Cái hộp này chẳng có gì đặc biệt, chắc chẳng có gì dấu trong đó. Hai hộp kem này tui đem về cơ quan nghiên cứu. Đời bây giờ giá đắt tưng tưng lắm. Gì cũng có thể ngụy trang được hết.

Nhiều khi họ dấu dưới đáy hộp đồ quốc cấm hay chuyển về đây hóa chất bí mật ngụy trang dưới hình thức mỹ phẩm. Khi nào nghiên cứu xong, cơ quan sẽ gọi giấy mời Chú đến lãnh về.

Thiêm Tám bực mình nói cho hả tức:

-Tôi chắc chắn không có gì bất hợp pháp. Sau khi nghiên cứu xong, ông trưởng phòng cứ liệng vô thùng rác, đừng tính chuyện gọi lại làm gì cho mất công mất linh. Lần sau tui biểu nó gọi món gì có thể nhìn thấu qua được để khỏi nhọc lòng ông trưởng phòng.

Hắn cố tình không hiểu:

-Vứt chi cho phí của giờ, ta có thể cho vào hộp trở lại nếu khi lấy ra ta chứa trong cái gì sạch sạch. Thứ này để đàn bà thoa mặt rất tốt. Hắn vừa nói vừa cho hai hộp kem vào túi quần xúng xính của hắn. Ta phải tận dụng phé thải và phát huy sáng kiến, đó là lời chỉ dẫn sáng suốt của Đảng và nhà nước.

Chú Tám nói điều ơn nghĩa:

-Thôi coi như vợ chồng tôi biểu bà nhà. Bà nhà tui cũng không cần thứ quý quái đó làm gì. Chú nhìn về phía vợ thật mau vừa kịp bắt gặp tia sáng bất mãn trong ánh mắt bà vợ. Chú làm bộ ngày ngà Thiêm:

-Thôi Bà đem cất mấy thứ linh kinh này đi, lấy chỗ rót nước mời ông trưởng phòng. Rồi dọn cơm tui ăn để còn đi họp.

* * *

Tên cán bộ trên bàn thuyết trình viên nói thật hăng say. Hắn vung tay bên này, quơ tay bên kia bọt mồm vung vãi tùm lum tà la hai bên mép:

-Bác Hồ thật sáng suốt khi ví để Quốc Mỹ với con đĩa hai vôi. Thật không còn hình ảnh ví von nào đúng hơn. Đĩa hai vôi hút máu người bằng cả hai đầu. Để Quốc Mỹ hút máu nhân dân thế giới cũng bằng hai vôi. Một vôi nó bóc lột nhân dân trong nước. Nó làm cho nhân dân Mỹ ngày càng nghèo đói. Một vôi nó hút máu các dân tộc nhược tiểu khiến cho các dân tộc này ngày càng đói khổ, cơ cực, tài nguyên ngày càng khô kiệt. Bác Hồ vô vàn kính yêu của nhân dân ta đã nhận định rất cao siêu và chí lý rằng...

Mặc cho tên thuyết trình viên nói nhăng nói cuội, trên trời dưới đất. Dưới này Chú Tám tâm sự với ông Bảy Năm Trên:

-Từ cha sanh mẹ đẻ tới giờ tui mới nghe con đĩa hai vòi. Hồi trước tới giờ tui chỉ nghe đĩa con, đĩa mẹ, đĩa mén, đĩa trâu chó có nghe chuyện con đĩa hai vòi đâu. Bây giờ tui mới hiểu nghĩa con đĩa hai vòi là tui cầm quyền. Tui ở Mỹ bị đĩa hai vòi hút máu quá nên nghèo không thể gởi đồ đĩa cho mình nhiều hơn. Ở xứ mình trước khi nhận quà từ ngoại quốc gởi về mình bị vòi đĩa thuế hút máu. Sau khi đi tới nhà còn bị vòi công an hút thêm lần nữa.

Rồi Chú cười:

-Sau khi bị con đĩa hai vòi hút máu, gói đồ của con Lê, ốm nhóm, ốm nhách, nhẹ hều nhẹ hểnh. Ông Bảy Năm Trên thêm:

-Chưa hết đâu, thằng mà anh nói giúp đỡ anh ở Tân Sơn Nhất cũng là một vòi đĩa thôi. Vòi mới mọc ra sau này. Vòi ăn theo. Nó chịu ăn với tui trong đó để bắt chẹt anh đó chó. Lúc này ai mà ở *không* vô đó làm chuyện bao đồng. Chúng ta, nhân dân Việt Nam mình bây giờ không bị nạn con đĩa hai vòi mà con đĩa cả chục vòi, cả trăm vòi lặn. Bác Hồ của tui nó là thánh cũng không thể nào tưởng tượng được con đĩa cộng sản một trăm vòi đang hút máu nhân dân Việt Nam.

Rồi ông hỏi nhỏ:

-Anh nói thằng đó lấy hết mười hộp kem Hoa Lan sao lại còn hai hộp cho thằng công an bỏ hay vậy?

Chú Tám cười gượng gạo, rồi nói bằng một giọng thật cảm động:

-Tui năn nỉ nó lấy một hộp sâm cao Ly chừa hai hộp kem lại để bả thử bô coi sao.

Mấy tháng sau này bả lao động xã hội chủ nghĩa nhiều quá nên da mặt xần xùi đen đúa quá. Ngưng một lúc lâu Chú nói như tâm sự:

-Mà hồi đó tới giờ tui có mua được cho bả một thứ mỹ phẩm nào đâu. Mỹ phẩm sang nhưt của bả là xà bông Cô-Ba, bô kết với dầu dừa thôi.

Ông Bảy Năm Trên vỗ đùi cái chách vừa nói chừng lên bàn thuyết trình vừa kể tai Chú Tám nói nhỏ:

-Tôi hiểu rồi, ông bạn già muốn cho chỉ ở nhà, trắng da dài tóc chứ gì?

Rồi Ông nói một câu khó hiểu:

-Nhưng trước khi muốn cho bả trắng da dài tóc thì anh phải chặt đầu mấy con đĩa đi.

Ông nói phần cuối câu thật lớn.

Mấy người lối xóm ngồi gần nhìn hai ông bạn già, ngơ ngác.

Giữ tròn lời hứa

1.

'Ngày mai em lên thành phố làm phụ bếp cho tiệm ăn của dì Sáu. Anh ở đây đừng lộn xộn với cô nào nha. Họ ông ọ, trêu người quá làm em sợ.'

'Đừng sợ! Anh hứa.'

'Mấy con nhỏ đứ đờn trong cái quán cà phê võng kia phải tránh xa nha.'

'Ừ! *Tánh xa!*'

'Tránh xa suốt đời nha. Họ ma quái lắm, vướng vô là chết đó.'

'Hứa là *tánh xa* tới chết.'

'Ừ, phải tự nghiêm khắc với mình mới thành người được.'

'Dạ như Chị Hai người ta nhưng mà hứa sẽ *tung* thành!'

Nhỏ Liên đưa tay vuốt má bạn, đứng lên:

'Thôi em vô, ngồi đây khuya quá ông bà nự điếc tai lắm.'

Người thanh niên trẻ nói theo: ‘Em vô *tổng* đi. Nè xách bịch *tái* cây vô *tổng* cho hai bác. *Tái* cây tươi mai nên ăn được rồi. Để lâu mất ngon.’

Anh ta vẫn ngồi trong bóng tối nhìn bạn gái mình đi về phía ánh đèn. Chép miệng, suy nghĩ.

2.

Tiếng động ầm ầm chói tai nhức óc của hàng chục máy cạp đất có công suất mạnh đương đào cát ngoài cái cồn giữa sông khiến bà Tư thấy lưng bùng nổ tai. Khó chịu, muốn vô nhà trong cho mau, bà nghiêng nồi gạo, lấy tay quậy gạo hai vòng, thay nước, múc hai lon nước ngọt chứa trong lu, cũng vội vàng như khi vo, đổ vô nồi, bắc lên bếp rồi vừa lau tay vừa ngó mông ra giữa sông. Cặp mắt già nheo nheo đậu trên cảnh sanh hoạt bất thường ngoài xa kia của mấy con quái vật khiến cả xóm ba tháng nay mất ngủ và lo âu, bà buồn bã thở ra thườn thợt. Mấy cái cần cổ sắt dài mà tận cùng là cái miệng có hàm răng với hàng chục chiếc răng lớn bằng bắp chuối của người khỏe mạnh cạp xúc từ bưng cát lớn, quay nửa vòng, đổ lên sàn xà lan chiếc nào chiếc nấy cát chất đống cao như núi mà máy cạp vẫn chăm chỉ cạp múc, không về gì muốn ngừng nghỉ. Gió chiều thổi mát mặt nhưng bà Tư không thấy mát lòng. Sự bực bội đánh tan những cảm giác thoải mái của thân thể do thiên nhiên đem tới khiến cử chỉ bà như là dùng dằng của người làm mày làm mặt. Đằng kia cách mấy căn nhà và cách đám dừa cao nghều ông Tư trông hơn chục năm nay hai cái loa phờng châu mở phát ra tiếng ca réo rất một bản vọng cổ mùi mẫn cũng không làm bà vui hơn chút nào.

Bỗng cảm thấy đất dưới chơn mình run run nhẹ theo nhịp sóng vỗ từng chập đầu đó ở gò đất bên hè khiến bà chóng mặt như cảnh trước mặt quay quay. Ông Tư ló đầu ra nhà sau hỏi vợ: ‘Bà nó có thấy đất rung rung không? Sao tôi không thấy yên tâm chút nào hết. Sẽ có đất sụp thôi. Kỳ quá, như là cái lo đau đầu lâu nay chất chứa trong bụng giờ muốn trào ra.’

Bà ngó ông áy náy:

‘Thì đó! Tụi nó cạp cát ngoài cồn miết nên động đất trong này. Rồi đây không biết chuyện gì sẽ xảy ra nữa. Chán chết! Làng Phước An nguyên một khúc đường bị nhận chìm xuống nước năm ngoái rồi!’ Người đàn bà chảm câu bằng tiếng *ừ hự* chán chường theo thói quen cổ hủ. ‘Nghe nói hồi đó có ba người chết lặn. Mười mấy căn nhà biến mất. Thiên hạ lồi xóm ngụ một đêm sáng ngày thấy chỗ đó trống không. Mất tiêu!’

Bà Tư ló mắt ngó chồng như ngạc nhiên. Ông gật gật đầu theo kiểu người biết rành chuyện thiên hạ.

‘Ừ mất tiêu. Biệt dạng! Như Tề Thiên Đại Thánh hô biến một tiếng thì mấy cái núi thành bình địa, thầy trò bốn người đi qua dễ dàng khác thể lấy đồ trong túi.’

Bà Tư kéo cái khăn vắt ngang cổ lên chùi nước miếng khóe miệng, cười vui:

‘Ông giả ngộ hoài. Tề Thiên nào mà làm như vậy. Thầy Tam Tạng phải chịu cực khổ mới được. Đi thỉnh kinh để thành chánh quả mà sướng quá ai lại chẳng đi.’

‘Vậy đó! Bây giờ thiên hạ có phe đảng sướng hơn nhiều mà cũng thành chánh quả cả lũ. Họ hô biến chục tỷ này trăm tỷ kia mà vẫn được ngồi trên đầu trên cổ thiên hạ lia chia. Coi thằng cha Phó Trưởng công an xã thì biết. Bò bịch tùm lum, nhà cao cửa rộng mà có ai động tới lông chơn đầu.’

Người vợ lật đật nắm cánh tay chồng như kèm lại lời phát biểu không cần thiết. Mắt bà ngó thẳng vô mặt chồng như năn nỉ, đổi đề tài:

‘Thôi mà! Ở mà sao con Liên gần cả năm nay không thấy về ha! Tôi nhớ nó nhiều rồi đa. Cái con đi sao đi biệt! Nó đâu biết mình nhớ nó hự hời.’

Ngoài kia vọng vô tiếng chửi bới tục tằn lẫn trong tiếng cười của công nhân tàu xúc khi tranh giành chỗ có cát ngon ở cái cồn nổi giữa sông. Tiếng máy rồ mạnh như những con thú tiền sử giận dữ gầm ghe. Trên bờ vài ba hàng quán ‘đột xuất’ mọc lên ăn theo với vài ba cô áo quần hở hang nhờn nhờn qua lại. Vài ba chiếc xuồng tam bản cạp vô tàu cát bán hời bả máy ly cà phê, dăm ba điều thuốc khiến khúc sông rộn rịp như chợ nhỏ buổi sáng.

'Mẹ họ. Chúng cạp kiêu này, mấy chục chiếc tụ lại đây một lần tháng này qua tháng khác sông còn nào mà chịu nổi. Hồi Tết nước ròng tụ trẻ còn rủ nhau ra còn đá banh, bây giờ thì *còn lòi* xuống còn có chút hứu, bằng bụm tay, rồi sẽ chìm xuống nước thành *còn lùn*, *còn lùn* thôi.' Bà Tư ngoe ngoảy bước lên nhà trên ngó mông lung ra đường, ngầy ngà:

'Ông sao già rồi mà không nên nét. Luôn luôn tưng díp để nói bậy bạ trầy trúa. Giữ mồm giữ miệng nha. Con nít nghe được nó cười cho thúí đầu.'

Vốn tánh hiền và khéo nhẹn, ông Tư cười giá lả, bông lơn:

'Thôi qua không nói kiêu đó nữa, bậu đừng giận. Coi kìa, mỗ bậu chu như cá lia thia ngộp nước coi ngộ hết biết!'

Ông Tư kéo ghế ngồi tréo ngoảy trước mái hiên ngắm cảnh vật. Phong cảnh đã thay đổi nhiều từ mấy năm nay. Đường đất gồ ghề sỏi nào ngay cũng đã được thay bằng đường trải đá, có những cột đèn đêm tối cũng soi tỏ được một khúc đường. Mấy thửa ruộng trước mặt thì mùa này coi bộ thiếu nước nên khô rang nứt nẻ. Mẹ họ, mấy năm trước còn thấy nước xâm xấp, tát cũng kiếm được cả rổ cá non, bây giờ thì chịu phép.

Phía sau nhà, ngoài còn, tiếng xúc cạp cát vẫn vang vang. Ba đứa trẻ chừng 14, 15 mang đồ nghề bắt cá đi ngang ngó ông già Tư cười cười.

Mình đã nói với tụi nó nhiều lần là bắt cá ở cái lỗ hàm ếch đó rất nguy hiểm mà lần nào chúng cũng trề môi cười ngạo. Hình như trong đó có nhiều cá nên tụi nhỏ hết lớp này lại có lớp khác chui vô không sợ chết. Chắc là tiếng ồn của máy móc với máy cạp cát làm động ổ nên cá tôm chạy vô đó núp trốn. Tụi nhỏ ham cá chun vô, chết như không mà có ớn đầu. Thằng Khỏe con của Phó Trưởng Công an xã lại có trong nhóm này. Nhà nó đâu có nghèo mà nhập vô bọn đó... 'Tụi bây bắt cá ở đâu cũng được. Đừng có chun vô cái hang hàm ếch đó nha. Nó sục xuống thì bà hú cả lũ đó.'

Không có tiếng trả lời. Chỉ có những vẻ mặt ngang ngược coi thường. Thằng Khỏe đi thụt lùi, giơ cao cái giỏ, le lưỡi nhái ông già rồi cười lớn.

Mình già rồi. Nói hết linh. Thời buổi này tụi nhóc đâu kể số gì tới mấy người già.

Ông Tư ngó theo chúng một hồi nữa rồi quay qua như nghe ngóng những đối đáp của đám thợ dưới sông và mấy cô quần áo nghèo nàn trên bờ. Ông chỉ đứng dậy xách ghế vô nhà khi bắt gặp khước mắt hình phi tiêu chết người của bà vợ già.

'Chịu vô nhà rồi hả. Không coi mấy gà móng đỏ nói chuyện trầy trúa nữa sao?'

'Mấy cháu nó nghèo bán buôn bậy bạ đắp đổi qua ngày, coi ngó để biết nhân tình thế thái, gì mà ngày quá thể!'

'Chối hay ha!'

'Xưa chối để khỏi bị bà hành. Bây giờ thì 'vô tư'! Súng ống liệng bỏ từ 30 tháng 4, đạn dưng đâu mà ngó mà ham. Hoạn Thơ uống dấm khi khát là bà!'

Thấy mình quá lời, ông Tư chạy tới nắm tay vợ dắt vô nhà, miệng nói: Nhớ con Liên quá.

Thằng Trai nhập vô bọn thợ cạp cát không biết còn giữ sự đàng hoàng tới bao lâu. Cám dỗ quá chừng chừng, họa là thánh mới tránh khỏi.

Ngoài kia tiếng máy xúc vẫn ồn ào, điếc tai...

3.

'Anh *Tai* ơi, lên đây vui vẻ đi! Đâu cần gì phải làm hoài. Hưởng đời chớ. Bệnh sao cũ?'

Tư Trai ngó lên khi nghe tiếng kêu tên bụi đời của mình lạnh lạnh vang lên. Nó cúi xuống đồng cạp tiếp tục công việc, giả như không nghe.

Người con gái trên bờ kêu giựt một giựt hai:

'Anh *Tai* lên đây mở hàng coi. Ế nhẹ nè. Cho thiếu. Cuối tuần chừng lãnh lương trả cũng được.' Nó mắc cỡ cứ làm lì tiếp tục công việc mình. Tiếng trên bờ lại vọng xuống chen lẫn trong tiếng cười:

'Cho ghi sổ đó.'

Nó bậm môi đi qua bên phía kia xà lan để khỏi nghe nhưng tiếng chọc ghẹo làm nó vừa mắc cỡ vừa bực bội. Nó nhớ tới người tình. Nhờ Liên đi lâu thiệt nhưng thường gọi điện về nói này nọ nhớ thương, dặn dò. Nó nhớ tới câu nói trong thẹn thùng của người tình: ‘Em về rồi muốn gì cũng được, muốn gì cũng cho.’

Nó lấy xuồng. Cố tình hốt thiệt nhiều vô xuồng những đồng cát chảy tràn ra gần mé rìa xà lan. Nặng để thờ, để khỏi bị tai trước mấy lời rủ rê dơ dáy, đại hình.

Hai ba người cùng làm việc trên xà lan đi về phía nó, cười cười:

‘Tụi nó ngạo mày nói ngọng kia.’

Nó ngó người bạn như van lơn đừng ghẹo nó thêm. Bỗng họ áp lại đẩy Tư Trai xuồng sông, cười:

‘Đi vui về đi mày. Tụi tao mơ cũng không được mời kiêu đó. Ăn bánh trước trả tiền sau. Mấy đời được may mắn như vậy. Đừng chín hấu mại hơi nữa.’

Nó lội mấy sải đã tới bờ, lóp ngóp níu đám cỏ leo lên khi thấy chỗ bờ hơi cao.

Bạn bè vỗ tay. Và mấy người con gái móng đỏ xúm nhau kéo nó lên bờ. Nó vùng vẫy nhưng cũng bị đẩy vô một cái chòi che tạm bợ bằng những tấm phên thưa dán giấy hai bên ơ hờ, để lộ ra vài lỗ nhỏ bằng ngón tay.

Bốn bàn tay nhện níu chặt thẳng Trai đè xuồng. Nó bủn rủn. Nằm im vì không biết phải làm thế nào cho đúng, cuối cùng thì nó van xin nho nhỏ: ‘Mấy chị tha cho em. Em đã hứa với con bồ em. Không được là không được mà! Con Liên mấy chị biết đó. Nó sẽ khóc chết được khi biết vụ này.’

Trả lời là những tiếng cười dòn của bầy con gái trong phim Tây Du khi Bát Giới lạc vô động nhèn nhện.

Im lặng một lát hơi lâu. Tiếng thở dài buồn của thằng Trai nghe rõ hơn khi tấm cửa phên được kéo lên trong tiếng cười khúc khích của hai cô gái trẻ.

Thằng Trai nằm sải lai trên giường, mắt mờ thao láo ngó nóc mừng. Nó suy nghĩ tới bạn tình, nhớ ánh mắt lúng liếng của Liên khi từ già. Trầm ngâm một lúc nó mở dây kéo túi trên lấy ra ống thuốc cảm, đồ hết vô miệng. Ai rồi cũng chết. Chết chỉ là kết thúc cuộc đời này để sang qua một thế giới khác. Nó nhắm mắt nằm im như an ủi mình trong giây phút đó. Ít ra cũng giữ được lời hứa trang trọng với người thương mình.

Thằng Trai còn kịp nghe tiếng ầm thiệt lớn đằng phía cái hầm hầm ếch. Đát sụp đồ trôi ra sông, phần nhà sau của ông bà Tư biến mất trong dòng nước đục ngầu.

Trên thành phố, con Liên bỗng nhiên rùng mình rồi ứa nước mắt như có cơn bão cát tấp vô.

Kể chuyện ngày xưa

Năm 63 sau ngày thay ngôi đổi chúa, Sài Gòn trùm ngập trong không khí hăng say của một thành phố bỗng nhiên thấy mình vươn thân lớn lên đến tuyệt cùng của sự áp dụng lý thuyết dân chủ. Người khổng lồ Sài Gòn dầu tiềm tàng sức mạnh vạn năng và trăm tay vạn mắt nhưng ngõ ngàng bối rối không biết làm thế nào tiêu pha hết các xung lực bên trong cơ thể. Nhân sự và năng lượng dự trữ quá nhiều. Khuynh hướng và lý thuyết cũng không phải ít. Phía này các tướng lãnh trẻ, sạch rục rịch đảo chánh lần nữa để đem lại ổn định cho quốc gia. Phía kia các khuôn mặt dân sự sáng giá từng vào tù ra khám, họp bàn sách lược mới về cứu nước và dựng nước thay thế cho sách lược cũ vốn mới nghiên cứu và ban hành trước đó không lâu. Sài Gòn đầy rẫy lãnh tụ sinh viên với khả thể hô hào tụ họp được hơn mười ngàn khuôn mặt trẻ dễ dàng chiếm đường phố suốt ngày. Sài Gòn phong phú các bậc trưởng lão tôn giáo chỉ hiểu dụ một câu có thể làm náo loạn sinh hoạt thường nhật của thủ đô cả tuần kể đó. Sài Gòn ngập tràn tin tức bất bớ, trả thù trong bóng tối. Sài Gòn với vô vàn cuộc thưởng chức phong quan không theo

hệ thống luật lệ hằng hữu. Đã hết rồi thời luật pháp cần có của một đô thị trên đà phát triển trong giai đoạn chiến tranh quy ước. Sinh hoạt êm ả của ngày xưa không còn thấy đâu nữa. Dân chúng Sài Gòn đắm chìm trong ưu tư bất trắc của ngày mai với viễn ảnh thực phẩm khan hiếm, đầu cơ và các bản nhạc hùng đặc trưng của chính lý, đảo chánh cùng với hiến ước, hiến chương, ước pháp.

Tôi phơi phới ngồi phía sau cốp chiếc xe lô Minh Chánh nhìn thiên hạ ngược xuôi. Tất cả nếu không biểu lộ nét chán chường thời thế thì mang vết hằn của năm tháng lo âu. Sao nữ ra đi bỏ thành phố thân yêu không thương tiếc? — Hơn hai mươi năm chung tình rồi còn gì. Em Sài Gòn biến chất chớ không phải tôi tình phụ bỏ bê. Trong phong ba của bom đạn Đồng Minh cuối thế chiến, tôi chỉ theo cha mẹ về quê vùng Chợ Đệm nấu nướng một thời gian ngắn rồi lại lục tục trở lên Sài Gòn sống đời thơ ấu cho đến lúc bước những bước rụt rè chánh thức vào đời như một người trưởng thành. Tôi từng đứng nhìn không mỗi mắt đàn kiến người đưa đám tang anh học sinh họ Trần, đám tang lớn nhứt thế kỷ cho một thanh niên trẻ tuổi nằm xuống vì tiếng nói đối kháng chế độ thực dân. Tôi từng theo chân đoàn người thật dài và yên lặng tiễn đưa nhà văn độc nhất đang sống ở Miền Nam của văn đoàn Tự Lực, nằm xuống để phản đối không cho người khác xử án mình. Tôi đi tìm một thành phố hiền hòa nào đó, trốn tránh sự ngột ngạt của những dao động lúc nào cũng có thể xảy ra cho thủ đô thần tượng. Vị Giáo Sư ngành Triết dạy môn Đạo Đức tại trường Đại Học tôi đang theo, lúc đó phụ trách ngành Trung Học, thể theo lời yêu cầu phụ giúp của người bạn thân vừa tham chánh trong một chánh phủ gọi là của dân nghèo, ký giấy cho tôi được về dạy giờ tại ngôi trường mang tên vị văn hào mù lòa nhưng tượng trưng cho hào khí của miền Nam khả ái. Tôi chưa có một hình ảnh gì rõ rệt về ngôi trường mình sắp đến. Tất cả đều là những cảm giác mù mờ dựa trên các dữ kiện thiếu cơ sở. Không thể nào trường này cụu trào hơn ngôi trường tôi từng theo mười năm trước, mang tên nhà văn bác-ngữ-học danh tiếng cuối thế kỷ vừa qua. Không thể nào trường này tọa lạc trên vùng đất khang trang như ngôi trường của tôi. Không thể nào trường có phong vị học hành như ngôi trường đã cho tôi niềm hãnh diện trong thời niên thiếu... Không thể, và biết bao nhiêu cái không thể khác hiện ra trong trí.

Các ý nghĩ đó thay đổi khi tôi đến trước ngôi trường nhiệm sở. Cổng sắt to lớn, uy nghi. Cột cổng bằng xi măng, bề thế. Ngôi nhà chức vụ của ông Giám Học như căn biệt thự nhỏ, xinh xinh. Trường rộng rãi, nguyên cái sân thôi cũng đã to hơn toàn thể khu đất của nhiều trường ở Sài Gòn. Kiến trúc trường cổ kính theo hình chữ U, dải lầu ngang tôi còn nhìn thấy lan can và nhiều thanh sắt uốn nắn hay chạm hoa văn đặc biệt của mô thức kiến trúc kiểu Pháp đầu thế kỷ. Trường nằm lọt trong lòng một khu vừa thị tứ vừa thơ mộng. Con đường me phía trước sao mà vừa rộng thênh thang vừa đẹp đẽ đến kỳ thú, gợi tình. Chắc hàng me đã trơ gan cùng tuế nguyệt hàng bảy tám chục năm nay. Thân me to lớn, cành lá xum xuê, tạo nên con đường me bay ngay thơ mộng trong ký ức tôi ngay từ lần đầu tiên được biết. Cảm giác đó vẫn còn giữ cho đến ngày hôm nay đầu đoạn đường đời đã bước vài bước sang chặng cuối. Con đường Ngô Quyền bên hông trải dài bằng dải nhà sang trọng, biết bao nhiêu căn lầu kiến trúc đẹp đẽ, kín cổng cao tường, nói lên sự hiện diện của mình chỉ bằng mùi bông sứ bông trang thơm ngát. Con đường phía sau là khu chợ, nơi mà sau này là chỗ thầy trò chúng tôi nhiều tối ra ngồi trước tô bò viên và ly rượu thuốc Vĩnh Tồn Tâm nhìn sinh hoạt buổi chiều ồn ào của tỉnh lỵ mà bàn chuyện đội đá vá trời. Hình ảnh ngôi trường trong trí khác với hình ảnh thật sự bên ngoài đã thay đổi tình cảm của một thầy giáo mới vào đời là tôi. Tôi cười làm quen với những cậu học sinh áo trắng quần dài xanh, huy hiệu bằng vải thêu chữ xanh may luôn trên áo. Qua họ tôi nhìn thấy hình ảnh mình năm ba năm trước, tự hào với đàn em các lớp nhỏ nhưng chính mình lại ngỡ ngàng với quá nhiều ngã đường kỳ bí trước mặt của những ngành nghề. Những cái gặt đầu chào ngõ ngang đồng thời chứa đựng một sự kính trọng cùng thân thiện đến ám lòng. Tôi đi về phía văn phòng. Dải lầu bên trái đối với cổng lớn, dựa lưng vào đường Ngô Quyền. Một vị giáo sư đứng tuổi, người rắn chắc, thấp, dáng thể tháo gia, tóc hớt cao, sau này tôi mới

biết là thầy Tổng Giám Thị có cùng tên với mình, kêu hai học sinh bê bối mà nãy giờ ông đang giảng luân lý, đứng qua một bên, đón tôi lại, hỏi rồi niềm nở chỉ văn phòng hiệu trưởng. Tôi cảm thấy ấm áp nhờ sự chào đón đầu tiên đó.

Ngay từ phút này tôi biết rằng Sài Gòn đã thật sự vắng mặt trong tôi, từ đây mình là một phần tử không thể tách rời của ngôi trường tại vùng đất của mạn hồng đào thơm ngọt. Đời mình rồi sẽ gắn bó với nó nếu những trở ngại đừng quá lớn lao.

Phút trình diện thân mật và dễ dàng hơn tôi nghĩ. Nhìn ra ông Hiệu Trưởng, tôi gọi ông bằng Thầy và nói rằng mình xuất thân từ ngôi trường nhiệm sở tiền nhiệm của ông. Ông xưng Thầy và gọi tôi bằng con, tiếng con thân thiết khiến tôi cảm động thật sự dầu mình đang ở trong tuổi tự cho đã lớn và phải kềm chế những xúc cảm không hợp với phái tính. Ông nói sơ qua về sinh hoạt của trường, khuyên tôi nên học thêm năm chót để hoàn tất học trình cần thiết của một giáo sư trung học. Ông nói về bổn phận của người thầy ở đây và bổn phận đối với chính mình khi tôi có dịp về Sài Gòn. Giọng nói của ông ấm áp, từ tốn, tỏa ra sự thân yêu đùm bọc trong từng lời một của một người đi trước lo lắng cho với lớp trẻ đi sau. Tôi cảm thấy được che chở ở nhiệm sở đầu tiên trong đời qua lời khuyên nhủ chân thành của ông. Giờ phút nhậm chức sao mà giống như những phút tâm tình của hai người với tương giao sư đệ!

Theo lời chỉ dẫn của thầy Hiệu Trưởng, tôi vào văn phòng Giám Học để xin được xếp thời khóa biểu. Thật sự tôi là thành viên của ngôi trường từ đó. Đây là những ngày đầu của năm 64. Thăng Đất thường bối rối khi tôi kêu lên hỏi bài. Cả lớp ồn ào khi thấy nó khó nhọc lách mình giữa khoảng cách quá hẹp của cái ghế dài và bàn viết. Cử chỉ cùng điệu bộ của nó không phù hợp với một học sinh Đệ Ngũ chút nào. Đó là thân hình của một người trưởng thành, to lớn, mạnh khoẻ. Nó cao hơn tôi nguyên một cái đầu mà lại cố tình đứng xáp vô tôi để bạn bè thấy ngay được sự cách biệt hình dáng của hai thầy trò. Tôi lùi lại, bước lên bục giảng, nó biết thân không dám bước theo lên. Bây giờ nó vừa khoanh tay hếch mặt lên trời vừa ưỡng ngực hít thở óp bụng làm Thần Đèn lực lưỡng trong tuồng Ấn Độ Ali Baba. Cả lớp cười nghiêng ngửa, có đứa được dịp đấm thành thích vào thẳng bạn kế bên. Lớp học thật sự mất vẻ nghiêm trang cần có. Tôi bối rối thiệt tình. Đã ra thân dạy giờ mà không nắm vững được lớp thì chuyện gì sẽ xảy ra. Tôi làm mặt nghiêm, lấy thước bẻ gãy xuống bàn kịt kịt rồi ra luật rằng từ bây giờ trò Đất muốn làm gì cứ việc làm nhưng trò cười sẽ bị phạt. Chưa biết hình phạt là gì nhưng nghe tiếng phạt đứa nào cũng nín im. Tội nghiệp thằng Đất, nó kèn kàng nhưng vẫn là một đứa học trò vừa qua khỏi Tiểu học không bao lâu, kiến thức mọi môn đều kém. Thế mà tôi lại bắt nó trả lời những câu hỏi hơi quá sức, ngay cả đứa học trò thông minh nhứt của tôi, con của một nhà văn chuyên tả cảnh sinh hoạt đồng quê Tr. Gi. được tiếng là có cơ hội đọc khá nhiều sách, cũng không trả lời được.

Sự giải thích của tôi về hình ảnh quá hoàn hảo của anh chàng Vân Tiên khoan khoan ngồi đó chớ ra bằng phản ứng do cảm thức thất bại của tác giả trong đời sống bình thường cũng là một giải thích quá tầm thâm hoạch đối với thằng Đất và nhiều học sinh khác. Vậy là nó lãnh đủ những hờn giận của một thầy giáo chưa có kinh nghiệm và chưa phân định được chuyện học hành và cảm xúc không kềm chế của một người thầy. Thằng Đất tiu nghỉu khi xách tập về với một cặp số không màu đỏ và lằn gạch dưới đậm dài như ngọn roi mây quất vào lòng. Lớp học êm thật êm, tôi nghe cả tiếng một con ruồi vo vo đặng cuối lớp. Tôi nhận được tiếng thở dài của những đứa học trò nhỏ hiền. Những cái nhìn lấm lét làm chùn lòng tôi. Miệng cất nghĩa bài nhưng hồn tôi như đi trên than hồng của sự hối hận, nghe tiếng mình sao mà vô vị, bất xứng và đáng ghét.

Chú hỏi sau này tôi có xin lỗi hay nói phải quấy với thằng Đất cho nó mát dạ không hả? Cái bậy này dẫn tới cái bậy kia chú ơi. Tôi lờ đi với lý do mình là thầy, chỉ tỏ ra sẵn sàng hơn, ngọt ngào với nó hơn chớ tuyệt nhiên không nói gì đến cơn giận nắng mưa vô lý của mình. Cho tới

bây giờ gần bốn chục năm qua, tôi vẫn còn mừng tượng về mặt cười cười trong khổ sở và bấp tay cuộn cuộn của nó khi tôi đánh quẹt lọ vô đó vì những câu nó trả lời không hợp ý mình. Chú biết không, thằng dễ thương vậy mà năm sau phải bỏ học ngang, chưa kịp thi cả bằng Trung Học Đệ Nhứt Cấp. Bạn bè của Đất cho tôi biết nó vô Dân Vệ ở xã nhà để được gần gũi gia đình. Đòi bận rộn quay mòng trong cơn lốc thời gian và cuộc sống bon chen khiến tôi quên bưng nó, không biết về sao Đất như thế nào nữa. Chiến tranh thời này đã nuốt chửng vô vàn thanh niên, không biết người học trò đặc biệt đó của tôi thoát khỏi chằng nanh vuốt của con quái vật gọi là cuộc chiến?

Chú muốn nghe nữa? Toàn chuyện buồn không à! Chuyện vui bay thoát mất tiêu trong tâm trí, chuyện buồn man mác mới tồn tại trong hồn ta chú không biết điều này sao? Lúc đó tôi tạm trọ trong nhà họ. Nhà lầu ba tầng ở đường Ngô Quyền, chủ nhà là một bà bác độ chừng hơn năm mươi, quả phụ của một thầy giáo. Nhà rân rác lắm, trước kia nghe đâu có mở tiệm cầm đồ, thầy giáo mất, bà bác cho học sinh ở trọ để vui cửa vui nhà. Bà sắp xếp cho tôi ăn riêng theo khẩu phần và giá biểu của giáo sư. Độ một thời gian, sau khi đã quen với đám học trò cùng nhà, thấy các em ăn uống kham khổ tôi nghĩ rằng ăn chung với tụi nó tốt hơn. Kết cuộc là nhiều bữa tôi đói, phải ra chợ ăn thêm vì sức học trò ăn quá mạnh, loáng một cái trên mâm đã không còn gì. Cũng nhờ ăn chung mà tôi chơi thân với những đứa học trò lớp Đệ Nhứt, khoảng cách giữa thầy trò chỉ vài ba tuổi thôi. Chúng rành sáu câu mọi chuyện xảy ra trong vùng. Chúng nhứt quỷ nhì ma, biết nhà nào có con gái xuân thì, biết trái cây bà bác cúng rồi để đâu, biết thức ăn nào còn để dành lại. Một bữa kia vào lúc bảy giờ tối vắng vắng đưa tới nhà trọ tiếng kèn đám ma tò te từ xóm bà giám thị Đẹp. Tôi đưa mắt hỏi thằng Thượng, nó trả lời trong tiếng thở dài, thầy Th. đó. 'ng bị bán sẻ trên đường về trường. Rồi nó kể tiếp, ông đi tác chiến đâu chừng được một năm, mới có giấy biệt phái về lại nhiệm sở cũ, vừa bàn giao đại đội đi về thì bị. Tài xế cũng không biết, chỉ thấy ông gục đầu qua một bên rất lâu, tưởng là ông ngủ. Tội nghiệp cô Th. còn rất trẻ, con của cô thầy đâu chừng hai tuổi thôi.

Tôi rùng mình, trong túi tôi hai ngày nay có tờ giấy kêu trình diện Bộ Quốc Phòng do Chuẩn Tướng Giám Đốc Nha Động Viên họ Bùi ký. Tôi chưa biết phải đối phó cách nào với lệnh gọi. Tờ giấy bây giờ nghe như đương vương mấy ngón tay móng dài ra cào cào bấp về tôi nói rằng mình có mặt. Đêm hôm đó và liên tiếp hai ba ngày sau tiếng kèn u uất kia là nỗi ám ảnh không rời. Tôi chưa từng biết Th., đám tang anh tôi cũng không đi dự, thế mà lòng nghe xót xa cho anh, cho những người cùng trang lứa. Chắc anh khi cầm tờ giấy biệt phái đã xây biết bao nhiêu mộng, đã vẽ ra nhiều chuyện mình phải làm cho tương lai. Thù vô tử nhưng đây là lần đầu tiên tôi nghe chi tiết về cái chết của một đồng nghiệp bất hạnh. Tiếng kèn và tấm giấy gọi nhập ngũ đã tạo cho tôi nhiều ác mộng. Tội nghiệp cho người hay nghĩ đến chuyện có thể xảy ra cho mình trong tương lai? Không có thì giờ phân tích lòng mình, tôi chỉ biết rằng mình sợ trò chơi binh nghiệp ngay từ khi nghe chuyện bất tường xảy ra vào Giờ Thứ Hai Mười Lăm của Th. Chú muốn nghe nữa? — Được. Tôi có một đứa học trò ư cùng tôi bàn luận chuyện văn chương thi phú. Đệ Ngũ thôi, nhưng nó thuộc thơ văn nhiều hơn tôi tưởng. Lắm lúc nhận xét của nó quá khích đến lạ lùng. Thằng Thiện bữa họ đưa tôi tập thơ Từ Ấy in trong vùng Giải Phóng ở Bến Tre. Tập thơ khổ nhỏ, in đẹp, giấy trắng tốt. Tôi cầm mà tay run run. Không phải đùa, lớn chuyện rồi đây. Thằng Thiện theo bên này hay bên kia mình đều kẹt cứng. Khuyến bỏ hay khuyến giữ tập thơ đều khó, đều có thể có phản ứng ngược. Tôi hỏi ở đâu em có, nó trả lời là của anh em, anh ấy lớn hơn em một tuổi, thi vô Đệ Thất không đậu, ở nhà. Bây giờ anh ấy theo phe bên kia. Vùng xôi đậu mười bốn mười lăm là phải theo họ hay chạy ra thành phố. Anh chọn ở lại vì em còn mẹ già và hai em gái nhỏ. Thành thạo tới ảnh còn được về nhà thăm má em giúp bữa củi, đắp mương, đào ao, đập lúa. Đi lính Cộng Hòa không biết bao giờ mới được thăm gia đình.

Tôi nói nhưng mà Thiện đừng cầm tập thơ đó khơi khơi như vậy, nguy hiểm cho em. Nó là một thứ quốc cấm. Thà em hiểu, em chọn phe thì có lý, đảng này em chỉ thích thơ và tò mò muốn biết nội dung trong đó. Cái hại không bù với cái lợi trong trường hợp này. Thành Thiện thở dài, xếp tập thơ lại, đút túi. Từ đó nó không bàn gì đến chuyện thơ phú với tôi nữa. Tôi quên đi Từ Ấy, chỉ nhớ đến chuyện hai anh em Thiện. Rồi đây sẽ có lúc hai đứa cầm súng bắn nhau mà mọi sự bắt đầu bằng chuyện thi đậu hay thi rớt vào Đệ Thất của trường tôi đang theo dạy. Ước gì trường tôi có đủ chỗ học cho tất cả học sinh vào Đệ Thất. Ước gì đất nước chúng ta không có những vùng xôi đậu. Chú hỏi về sau hả? Thành Thiện tôi gặp lại ở Sài Gòn sau đó, đang theo học trường Chiến Tranh Chánh Trị. Nó nhắc đến những đứa học trò cùng trọ với chúng tôi bây giờ hầu hết đã thành nhân chi mỹ bằng một giọng thiết vui. Tội em gặp nhau là nhắc tới thầy hoài, nhắc tới sư tổ nữa. Tôi chận ngang, nói rằng mình hãnh diện khi thấy các em thành tài, đất nước mình nghèo, quê hương mình chìm trong đại nạn chiến tranh nhưng trường học đã làm tròn nhiệm vụ đào tạo, và học sinh đã sống xứng đáng đời học sinh. Chú biết không, không gì thiệt thòi cho trẻ em bằng cấp sách đến trường mà không tin những gì thầy cô giảng. Không gì dễ làm hư trẻ em bằng sự đối nghịch giữa trường học và trường đời. Chú có thể chê thế hệ tôi có nhiều cái bê bối nhưng chú không thể chê tình thầy trò và sự giáo dục mà các em đón nhận của thời này...

Tôi từ giả nhà trọ để khỏi đi sâu vào những chuyện khó xử về sau, chuyển tới ở chung trong chuồng cu phía sau trường với người thầy cũ mà học trò tôi thường gọi là sư tổ. Như đã nói với chú, chiều chiều tôi cùng với một anh bạn giáo sư gốc võ sĩ cùng hộ tống thầy mình ra ngồi sau chợ, nhâm nhi ly rượu thuốc để quên đời và bàn chuyện lớn. Tôi thật sự làm quen với các đồng nghiệp là lúc này. Anh Lê, Toán Lý, cờ hạng cao, anh Quách, vua cờ, Giám học Lâm vui tánh, anh Đại, Sử Địa, bạn học với tôi, anh Sáng râu, triết gia, tuyên bố không thèm cưới vợ. Anh Phẩm Bá, Pháp văn, nhiều tham vọng, anh Tam, Triết, vận động hăng hái để có Đại Học Tiền Giang, anh Nghĩa Trung, Vạn Vật đang chuyển sang Luật... Còn biết bao nhiêu người khác nữa không thể kể hết như các anh Mai, Thứ, Kiến, Long, Nhơn, Thế V... Tất cả đều dễ thương với bạn bè và hết lòng với đám môn sinh, lúc nào cũng muốn học trò mình thành đạt, đem lại rạng rỡ cho trường. Sau này trong dòng đời xuôi ngược, có dịp gặp lại họ hay không tôi đều có hình ảnh tốt về những con người tận tụy đó, những con người một lòng đem đời mình đắp xây cho thế hệ sau. Giờ đây tất cả đã tan tác bốn phương, người chết, người bệnh, người nghèo, người lưu lạc nhưng tôi biết chắc rằng ngày xưa họ đã làm quá hơn nhiệm vụ của mình mà không đòi hỏi một sự báo đền nào...

Xin đọc cho chú một ý thơ mới hiện ra trong trí già này. Không phải do sáng tác mà là phóng dịch từ một bài hài cú của Kishu, nhà thơ thiền danh tiếng của Nhật Bản:

Bốn mươi năm đây đó,
Về lại trước trường xưa,
Tôi chưa từng đi một bước nào.

Phải, bằng tám lòng, người ta gắng bó với xứ sở, quê hương hay một địa phương nào đó. Trở về lại nơi chốn kỷ niệm xưa là tiếp nối ngay với thời điểm lúc mình bỏ ra đi. Khoảng thời gian tôi không có mặt ở trường này bây giờ đây bị xoá tan hoàn toàn trong trí nhớ như là chưa bao giờ hiện hữu. Tỉnh giấc kê vàng đó chú. Tôi thấy mình trở lại những tháng ngày trẻ trung đứng trước đám học sinh, chăm chú nghe thầy giảng mặc dầu trong trí họ mới vài phút trước còn đầy những ưu tư về nghèo túng, quân trường, tình phụ, áp lực của vùng xôi đậu mà họ đang ở.... Chú thấy đó, tôi sẵn sàng mở rộng nội tâm mình ra rắp vào hiện trường nhưng khung cảnh không sẵn sàng. Nét thay đổi vật chất về hình thể ngôi trường, sự dừng dưng của học trò không biết tôi là ai, cái nhìn dò xét của người điều hành khi tôi xin phép được một mình đi vòng vòng phía bên trong.... đều là chuyện thường, chuyện nhỏ, không đáng kể. Điều tôi không chịu được là thấy người ta đua nhau lấn chiếm, đành đoạn giành giật đoạt xé từng mảnh thịt xương

của ngôi trường. Căn nhà Giám Học không còn nữa, nhiều phần đất chung quanh đã bị tước lột, bán lại sang qua không biết bao tay người. Chú thấy đó, hàng rào sắt chung quanh trường tượng trưng cho sự bảo vệ học sinh đối với xã hội đảo điên đã bị bưng lên đem đâu mất. Người ta thi nhau đổ rác, phóng ueste phía sau nhà mình, có biết đâu phía đó quay về các lớp học. Đau đốn nhất là diễn trường cho những sinh hoạt phi giáo dục lại xảy ra tại chỗ này. Tất cả đều có từ *ôm* đi sau. Chú có thấy thiệt là vô lý hay không trong khi thầy cô giảng bài học trò chỉ cần nhìn ra cửa sổ sẽ thấy, sẽ tưởng tượng được rõ ràng cảnh kẻ vai cọt vé? Vị vĩ nhân mà trường mang tên có nói câu này rất tuyệt '*Thà đui mà giữ đạo nhà*'. Đạo nhà đây không gì khác hơn là nhân luân đó chú. Bây giờ thì tang thương đến cả từng mảnh nhỏ của ngôi trường vì người ta không làm tròn nhân luân. Chú thấy các thông cáo đóng hàng chục thứ tiền dán trên bảng kia không? Trẻ con làm sao còn tin tưởng được những gì người lớn nói?

Mà thôi, kể chuyện cổ tích với chú bao nhiêu đó đã đủ, trách móc rồi cũng dư lời, nói nhiều thêm nước mắt lại đoanh tròn. Già rồi không ai muốn điều đó, trẻ con chung quanh chúng cười cho. *Lão đại hồi* luôn luôn là phút bề bàng. *Mục đồng tá vấn* vẫn là cảnh đau lòng đứt ruột. Tôi nói cái gì vậy cà? Thôi! Chú ở lại mà chứng kiến cảnh hí trường thấm thoát. Mai ngày biết đâu sẽ có những thầy, những trò khác về đây ngồi kể chuyện sang đàng với chú như tôi hôm nay. Rán mà nghe tâm sự họ với tất cả cõi lòng rộng mở nhe chú!
Cây me to xào xạc cành khi người ngồi dựa gốc nó bây giờ đứng dậy chệnh choạng bước đi. Dáng ông coi bộ còn mạnh khỏe nhưng sao bước chân lại xiêu xiêu như người say rượu bằng xiêng? Lá me vàng úa bay lả tả, lượn lờ trong không gian, như xúc động bụi ngùi đưa tiễn, rớt lấm tẩm trên cái đầu bạc trắng của người thầy giáo già mất quê hương và mất luôn cả kỷ niệm.

(Port Arthur, Texas, 31-12-1999)

Đường về quá khứ

Một sớm nọ tôi có ý muốn viếng lại cái chợ Cầu Ông Lãnh, nơi mình từng sống ba năm tiểu học và những năm trung học để tìm về một chút quá khứ tuổi mới lớn. Sau khi lòng vòng trong những con đường tum hùm của khu Chợ Cháy trước đây vốn là khu bán gạo, bán gạo, bán đường đậu, bán thuốc rê, bán nhang đèn..., nhìn chỗ những gian hàng sung túc ngày xưa bây giờ bị xẻ thành hai, thành ba căn phòng nhỏ hiu cho từng gia đình trú ngụ tôi chất lưỡii thăm than cho chuyện đời đổi thay tuột dốc.

May quá, thằng bạn xóm giềng gần chục năm tuổi trẻ của tôi dàu xa cách hằng bốn thập kỷ vẫn còn sống ở đây. Nó phải mất chừng mười phút lục tung ký ức mờ phai mới nhận ra bạn cũ sau khi tôi nói xa gần về thời niên thiếu của nó. Nào là nó bị thằng Mẹo đánh bầm mắt, a-má nó phải luộc cả chục hột gà để lặn và ông Bảy, ngoại thằng Ba, phải đốt nhang khoán bùa hết mấy lần. Nào là có lần nó đi tắm mưa với bạn, vật lộn với tụi bên vựa trái cây và vựa chuối tới tàn cơn mưa, về nhà bị bệnh ban của hai con mắt trộm lơ. Nào là bọn trẻ lổl xóm tọt rủ nhau ra đường 'Bồ-rệt' chơi đá lon trốn kiếm thì nó phải đứng ngoài coi chừng má thằng nào tới thì báo động vì nó quá cao giò so với tụi tôi cùng lứa. Nào là mấy bữa có hát Tiều ở Chùa Bà thiên hạ người ta đi coi nườm nượp, đông quá trời mà a-má nó hề thấy nhà thiếu mặt con Tềng thì bắt nó đi kiếm vì sợ con nhỏ cặp bè cặp bạn đi coi hát với thằng bán thuốc...

Tôi nói tới đây thì thằng Mác mở mắt ra thiệt lớn, cặp mắt nó tới bây giờ hơi kéo mây vẫn còn màu xanh ngơ ngác của người có trộn chút máu phương Tây, biểu lộ sự vui mừng tuyệt cùng: 'Vậy tao nhìn ra được mây rồi, mây là thằng S. hồi đó tọt tọt mây ngồi bán thuốc lè dưới đường trước quán cơm lòng bò của chú Ba Tiều.'

'Ừ' chính thật là tao!

Nhận ra lý lịch nhau rồi chúng tôi trao đổi về kỷ niệm cũ, thằng nào nhớ chuyện gì thì hào hứng kể ra, tranh nói cho hết chuyện như sợ thằng kia kể mất phần. Gần già rồi mà cảnh đời tuổi thơ của hai đứa hiện về liền xì bốc khiến hai ly cà phê đá vợ thằng Mắc đem tới mời nãy giờ tan ra nguội ngắt, mồ hôi ly tuôn nhỏ giọt xuống cái bàn cũ kỹ trước mặt chúng tôi. Vui ớn gì! Chúng tôi vỗ vai nhau thân thiết như những ngày mới lớn, coi như không có khoảng thời gian điệu vợ mấy mươi năm lướt xẹt qua đời mình.

Vậy mà khi chia tay với thằng Mắc thì lòng tôi buồn rười rượi, bước ra chỗ lấy xe cách có mấy trăm thước mà chùn bước đi xiêu bồng... Nó nói con Tềng ở Mỹ cũng hơn hai chục năm rồi, có nhà hàng lớn đại ở khu phố Lion miền Bắc Cali mà hình như là không được hạnh phúc, chồng nó nhậu lu bù, gan ruột phổi phèo u nần chẳng kể số gì hết! Buồn không phải vì nghe những chi tiết mình không muốn nghe về người xưa mà vì mấy chữ *không được hạnh phúc* từ miệng của người bạn trẻ thời đăng đẳng xa xưa.

Đường Sài Gòn đông như hội, xe gắn máy chạy loạn xạ như đạn bắn Tết Mậu Thân ở vùng quận Sáu mà tôi thì bất chấp, cứ miên man nghĩ về chuyện xưa. Những cái háy hó khinh bỉ hay những cái nhìn bằng con mắt hình mũi tên diệt thù bao nhiêu lần phóng vô mặt mà tôi thì cứ như người cõi trên hạ xuống trần coi thế sự để về tấu Ngọc Hoàng.

'Tao qua đó làm công cho vợ chồng nó năm năm mà tụi nó đối xử còn hơn người dưng nước lạnh, bắt làm thêm nhiều giờ mà vẫn trả lương tui thiếu theo tiêu chuẩn ngày làm tám tiếng... Tánh tao ưa thương người, thấy mấy thằng Mỹ trắng, Mỹ đen 'hôm-lét' rách rưới đói khổ nên mức đồ ăn cũ ra cho. Ý mình làm anh tao không cần hỏi chủ, có lần nó thấy, nó xĩa xối là làm như vậy tui 'hôm-lét' quen thói, kéo tới đông thì chủ nhà hàng có nước xập tiệm thôi, đồ cũ để ở lại bán cũng được vậy! Tao què với mấy cô bồi bàn kể gì... thiếu điều trốn vô 'toi-lét' gục mặt ở trống luôn. Buồn tui quá tao về đây ở lì không thèm qua bên nữa, bỏ mẹ nó không thèm chờ lãnh tiền già. Thêm xốn mắt chuyện nó tính tiền gian lận khách hàng, mỗi người ít thì chừng 2, 3 đồng nhiều thì 1, 2 chục cộng với tiền thuế không bao giờ nạp đủ cho chánh phủ. Tao nói hoài là tích tiền thì tổn đức, nó bỏ ngoài tai lại còn chê tao cù lằn, nhieć móc nào là đạo đức cù bơ chẳng lo thân chừng sau này già nằm một chỗ than khổ chẳng có thằng cha con mẹ 'hôm lét' nào tới trả ơn...'

Ờ há! Tôi rười rượi buồn vì mấy lời của thằng Mắc về con em nó. Như có một sự ngửa úp hai mặt đồng tiền đối với tánh tình trước đây và hiện giờ của người con gái tôi từng để ý. Chạy lòng vòng một đỗi không biết đi đâu. Tôi quanh lại Chùa Bà đường Nguyễn Công Trứ kêu một ly đá chanh của quán trước chùa. Xách cái ghế vô ngồi một mình tuốt trong sân, chỗ kế bên hồ nuôi rùa để thả ký ức về thời quá khứ. Sân chùa gần thế kỷ có lẽ, thânh thang phủ lớp gạch Tàu đỏ au phẳng phui và không một chút rêu xanh. Nơi đây có một lần duy nhất tôi và con Tềng đứng chen chụm nghe hát hội.

Chúng tôi không có nhiều kỷ niệm nhưng một hai sự kiện xưa cũng đủ nhói tim khi nhớ về.

Chiều hôm đó khi tiệm bán đường đậu của nó dọn hàng đóng cửa xong thì đằng chùa Bà vang dội tiếng ò-e của gánh hát Tiều cúng Bà. Thấy tôi lơn tơn đi tới, con nhỏ nói trong: Hát vui lắm. Rồi không rừ rề gì hết, nó đi thẳng về phía có tiếng đờn và tiếng chập chĩa vang rền. Tôi như bị nam châm thu hút lẽo đẽo đi theo. Cũng chẳng nói gì với nhau, đi là đi vậy thôi, đứa trước đứa sau. Tới nơi, người chậ cứng, hai đứa phải đi sát vô nhau. Tôi lần đầu tiên có cảm giác bay hồn về hơi nóng của người trang lứa khác phái. Con nhỏ mê hay làm bộ mê mà mắt chăm bẳm ngó lên sân khấu nghe đào kép Tiều i-ê. Tôi thì chẳng mê ca hát cù lằn kiểu này, chẳng hiểu gì hết mê sao nổi! Nhưng tôi phân tích thái độ của nó, chịu đứng trước mặt, gần sát đến nỗi truyền thân nhiệt vô bụng tôi, chắc là rồi đây tôi phải chịu nhục thêm nữa về những cái nhìn ác

cảm của a-má nó. Bà ta hể gặp tôi là phóng một tia mắt bén như dao cau vừa khinh khi vừa ghét bỏ rồi ngó qua chỗ khác liền. Nếu có nó ở gần đó thế nào bà ta cũng chưởi nó bằng mấy tràng tiếng Tiều khiến con nhỏ chù ụ mặt. Tính trong bụng này nọ như vậy tôi nắm một bàn tay buông thõng của nó hỏi nào không hay. Thằng Mắc hiện ra kêu em nó về, nói nhỏ với tôi giọng không có gì là mất thiện cảm: 'A Chệt thì không sao, nhưng a-má không ưa mày.' Tôi gần như thần thờ cả tháng vì đi qua lại nhiều lần trước tiệm của nó đều không bao giờ thấy mặt, mà cũng chẳng còn thấy nó lượn qua cửa hàng của cô tôi để đi qua chợ hàng bông như thông thường.

Biết được tôi mê con Tềng mà bị a-má nó làm kỳ đà cản mũi, thằng Mẹo chọc tôi: *Thôi, bỏ qua đi Tám*, để tao vô cho, nhà tao giàu hơn nhà mày nhiều. Tôi tức mình muốn gây sự nhưng thấy bộ dạng dềnh dàng của nó thì nuốt nước miếng nhịn thua.

Tuổi mới lớn cũng dễ quên. Với lại kỳ thi tú tài I trước mắt mới bắt đầu mà những bài Toán Lượng Giác thì không phải dễ nuốt, tôi quên lửng con nhỏ một thời gian dài.

Cho tới sau ngày tôi thi đậu đầu chừng một tháng thì thằng Mắc kêu tôi qua nhà nó chơi. Cũng là chuyện bình thường. Bạn mời thì đi. Đường quận Tư, Xóm Bến tàu vô trong thì lầy lội, nhà cửa cất sâu trong đất ruộng, đi vô nhà sinh dính vô giày 'san đan' trĩu nặng như dính keo, chẳng khác nào có ai kéo trì xuống. Tôi vô cùng cảm động khi nó hiện ra với cái thau nước kêu tôi rửa căng rồi tự tay nó rửa giày tôi đem phơi.

Con nhỏ nói sau này giàu nó sẽ không cất tiền trong nhà mà sẽ đắp đường sạch sẽ cho thiên hạ khỏi khổ. Tôi chịu cái lòng từ thiện của nó và nói bây giờ có tiền ít mà Tềng có cho người nghèo không? Thằng Mắc cướp lời rằng trên đường từ chợ về lần nào nó cũng cho tiền ba bốn người ăn mày, trong xóm này ai cũng biết nó ưa bố thí.

Tôi ngó trộm gương mặt nó. Tròn trịa và rục rờ như tiên nữ. Nó vừa xối nước rửa tay tôi vừa hỏi nhỏ nhỏ: Đẹp hơn con Tuyết, cháu ngoại bà bán nhang không?

Những đứa bán giấy số rượt đuổi nhau kéo tôi về thực tại. Chộp ực ly đá chanh nhưng sao thấy nhạt phèo. Quá khứ là ký ức, là đời sống ảo, không hiện hữu. Ngay cả *nhớ về* quá khứ còn không thể làm được hoàn toàn hưởng gì *đi tìm một chút gì đó* mong còn lưu tồn của quá khứ. Tôi bỏ hẳn ý định khi trở lại Mỹ sẽ lái xe xuống San Jose gặp Tềng mặc dầu từ thành phố Fresno xuống đó cũng chẳng bao xa. Tôi tưởng tượng ra mình và Tềng như hai con kiến bò theo xương sống của một loài cá có xương tua tủa. Tềng đã rẽ vô một xương rế nào đó, rồi gặp ngã rẽ nữa, ngã rẽ nữa..., còn tôi bò tới một nhánh nào khác rồi cũng rẽ và rẽ, và rẽ.... Làm sao hai đứa có thể gặp nhau khi ở trên những nhánh xương khác nhau. Như hai phân tử máu chạy trong mạch của thân thể, khó gặp nhau vô cùng. Gặp nhau thì cả hai đã cũng đổi hình thay dạng quá nhiều, không còn 'vô vương bận' và thanh khiết như ngày trước...

Tôi nghĩ điều khiến mình rười rượi buồn là vì thâm tâm biết không thể nhảy vô quá khứ để tìm lại những gì thời gian đã làm cho biến mất. Điều làm tôi xiêu bồng là tiếc một lòng nhân hậu không được phát triển, cũng như cảm thấy bi thương cho người xưa cũ nay đắm chìm trong những tính toán lợi lộc lừa đảo nên sẽ chẳng bao giờ tìm thấy hạnh phúc, trong tâm hồn cũng như trong thực tế.

Tôi hỏi một em bán giấy số có bộ mặt thông minh nhứt khi thấy nó cầm tập giấy số xòe rế quạt phát phát trước mặt như mấy bà xòe bài tứ sắc dùng bài quạt khi quá nực một câu làm em ngơ ngác: Có vé trúng đường về quá khứ không? Nó trả lời bằng bộ mặt thiếu não của người buôn bán ế ẩm, nãy giờ chú ngồi đây lâu quá, con đi qua lại ba vòng mà chú vẫn còn ngồi. Thôi mua cho con mấy tờ đi, biết đâu lại trúng độc đắc. Thằng nhỏ an ủi để tôi vui lòng mua thôi. Trúng độc đắc cũng như gặp được di vật mình ưa thích thời quá khứ, khó dàn trời mây! Để gì!

(Victorville, CA, 12- 12- 2015)

Gs Nguyễn Văn Sâm sinh nhật 81: Thêm nhiều tác phẩm đang viết Phan Tấn Hải



(Gs Nguyễn Văn Sâm (trái) đón sinh nhật thứ 81 nơi một quán cà phê Little Saigon và nhà báo Phan Tấn Hải)

Rất đáng khâm phục là sức làm việc hy hữu nơi một vị giáo sư già, sức đã yếu và tóc đã bạc trắng. Trong các dự án đang viết của Giáo sư Nguyễn Văn Sâm, có những tác phẩm bên bờ cơ nguy biến mất, nếu không được diễn Nôm và chú giải. Đó là những gì tôi thấy buồn ngùi khi nói chuyện về một nền văn hóa của quá khứ và khó tìm lại được nữa trong một ngôn ngữ có thể hiểu được cho quần chúng. Sinh nhật thứ 81 của Giáo sư Nguyễn Văn Sâm

là hôm Chủ Nhật 21/3/2021. Trong dịp này, nhà báo Phan Tấn Hải hân hạnh được ngài hàn huyên mừng sinh nhật và phỏng vấn giáo sư về các dự án đang viết và sẽ viết.

Tác phẩm ấn hành vào tháng sau (tháng 4/2021) dự kiến sẽ là Nữ Tắc Diễn Âm, dựa vào bản phiên âm và chú giải của ông Trương Vĩnh Ký. Bản Nôm được ghi tác giả vô danh, ấn hành dưới thời vua Tự Đức, chủ yếu dạy công dung ngôn hạnh cho người phụ nữ. GS Nguyễn Văn Sâm nói rằng tài năng của học giả Trương Vĩnh Ký cũng hiển lộ qua cách nghĩ ra một vài chữ mới để diễn ý của người xưa.

Giáo sư Nguyễn Văn Sâm cũng cho biết hiện thời Giáo sư đang giữ nhiệm vụ đồng Chủ Bút tạp chí Tập San Việt Học vì GS Đàm Trung Pháp (Chủ biên danh dự) lâm bệnh, nên cũng trao thêm một số công việc duy trì tập san. GS Nguyễn Văn Sâm mời gọi những người cầm bút có bài viết nghiên cứu, sáng tác văn hay thơ, dù tiếng Việt hay tiếng Anh, xin mời đóng góp bài cho Tập San Việt Học, gửi qua email về: samnguyen20002002@yahoo.com.

GS Nguyễn Văn Sâm nói rằng cũng đang diễn âm bộ Lôi Phong Thập, một bộ tuồng Nôm rất hy hữu. Giáo sư nói rằng đã sưu tầm được vài hồi trong bản Nôm Lôi Phong Thập khi còn dạy học ở Long Xuyên nhiều năm trước 1975, và sau này được Giáo sư Nguyễn Khắc Kham tặng thêm vài hồi khác trong vở tuồng Nôm này. Do vậy, bộ tuồng Nôm này nếu không phiên âm lại sẽ là tuyệt tích, bởi vì bộ môn hát bội không còn được nhiều người chú ý nữa, và tài liệu gom góp lại được để phiên âm hoàn toàn là cơ duyên hiếm gặp.

Đồng thời, trong thời gian tới, Giáo sư Nguyễn Văn Sâm cũng sẽ tu chính và in lại các bộ sách đã phiên âm và chú giải, như Hứa Sứ Truyện, Chàng Lía, Trương Ngáo...

Giáo sư Nguyễn Văn Sâm đa tài, không chỉ nổi bật trong các bài nghiên cứu chữ Nôm và văn học Nam Bộ, ông còn sáng tác truyện ngắn, và chinh phục ngay cả các nhà phê bình khó tính. Giáo sư Đàm Trung Pháp có giao tình với GS Nguyễn Văn Sâm vì là đồng nghiệp dạy học ở các đại học Sài Gòn trước 1975, sau qua Mỹ gặp lại và cùng hoạt động về Việt học. GS Đàm Trung Pháp trong bài viết nhan đề "Giới thiệu tập truyện Quê Hương Vụn Vỡ của Nguyễn Văn Sâm" đã ghi nhận về người viết truyện rất mực Nam Bộ này như sau:

"Quý bạn đọc đang cầm trong tay một tuyển tập truyện ngắn đặc sắc qua ngòi bút Nguyễn Văn Sâm. Tôi có cảm tưởng mỗi truyện anh viết là một kỷ niệm đậm sâu trong đời anh, hoặc trong đời một người rất thân của anh, mà khi đọc xong, dù vui hay buồn, tôi còn lưu luyến mãi trong

lòng như một nhấc nhỏ ray rứt. Anh là một nhà văn gốc nhà giáo có một tâm hồn hướng thượng, một trái tim nhân ái, một ước vọng chấn hưng đạo đức trong một quê hương đang băng hoại về lối sống; do đó, mỗi truyện của anh là một bài ngụ ngôn thấm thía.

“Văn dĩ tải đạo” là sứ mệnh văn chương của anh mà anh đã thực hiện một cách ngoạn mục trong tập truyện. Phương tiện để anh đạt mục tiêu vừa kể là một văn phong truyền cảm, thành tâm, sâu sắc, quan sát tận tường. Thêm vào đó là những yếu tố bất ngờ kỳ thú trong các cốt truyện được anh xây dựng mạch lạc, những từ vựng thực vui mắt của một phương ngữ miền Nam đáng yêu, và những đoạn văn tả chân thần sâu quý khốc của anh mỗi khi anh ra tay hạ xuống. Một bí quyết nữa khiến những truyện ngắn của anh thành công là chúng đều có một mở đầu gọi cảm kích thích bản chất tò mò của người đọc (khiến họ không thể bỏ cuốn sách xuống) và một kết luận làm người đọc xao xuyến trong lòng (khiến họ khó quên được câu chuyện).” (ngưng trích)

Nhà phê bình Nguyễn Vy Khanh nói về ngòi bút Nam Bộ trong văn phong truyện Nguyễn Văn Sâm qua bài viết nhan đề “Đọc “Khói Sóng Trên Sông” của Nguyễn Văn Sâm” trích như sau: “Văn chương Nguyễn Văn Sâm tưởng chừng theo truyền thống viết-như-nói khởi từ trường phái Trương Vĩnh Ký, qua Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc đến Võ Kỳ Điền, Nguyễn Tấn Hưng thời hiện đại. Khởi sáng tác cùng thời với hai nhà văn sau, nhưng các truyện ngắn của Nguyễn Văn Sâm nếu đọc kỹ mới thấy ông đi xa hơn: ông viết như nghĩ và dùng ngôn ngữ nói để làm văn chương. Ông hấp dẫn người đọc bằng các chi tiết ly kỳ xen kẽ với lối nói, lối suy nghĩ của các nhân vật đa dạng nhưng tiêu biểu cho “miệt vườn”. Cái khiến Nguyễn Văn Sâm không giống các nhà văn “miệt vườn” khác, là chính trong câu văn mà muốn hiểu thì người đọc phải hiểu được mạch nổi, mạch chìm và lớp từ ngữ bộn bề, dồi dào, nhuốm trí thức của ông. Có thể xem Chờ Cho Trăng Lặn và Như Nước Trong Nguồn là hai truyện ngắn tuyệt tác tiêu biểu của Nguyễn Văn Sâm!” (ngưng trích)

Trong khi đó nhà nghiên cứu Hoàng Kim Oanh ghi nhận về hình ảnh học giả qua bài viết nhan đề “Nguyễn Văn Sâm và dòng chảy văn chương Nam Kỳ Lục Tỉnh” trích:

“Ngoài tuồng, cải lương, truyện thơ bình dân, truyện ngắn, giai đoạn sau này, thơ Nôm là một thể loại được ông quan tâm đặc biệt. Ông cho rằng chữ Nôm và những tác phẩm chữ Nôm là những gia tài cổ có một không hai của văn học Việt Nam, ra đời trong một bối cảnh đặc biệt của đất nước và có giá trị giáo dục rất cao song đang dần bị mai một. Đó là các tuồng hát bội, truyện thơ viết bằng chữ Nôm chưa từng được phiên âm mà nguyên bản hiện còn đang nằm trong các thư viện lớn ở Âu Châu...”

... Gần 20 năm nay, tác giả đã lặn lội đi tìm ở các thư viện trên các nước Mỹ, Pháp, kết hợp với những chuyến về thăm quê, lùng tìm... Có khi ngẫu nhiên nhặt được trên bệ thờ một gia đình xứ Huế, có khi trên gác bếp một căn nhà nông thôn Nam Bộ do con cháu biết là của ông cha để lại nhưng không hiểu nội dung viết gì đành giữ đó như một di vật của tổ tiên... Có khi được tặng không, có khi phải mua cả mấy cây vàng... Công cuộc tìm kiếm tôn tạo giữ gìn vốn cổ ấy cho đến nay nhà văn của chúng ta vẫn chưa dừng bước.” (ngưng trích)

Nhà phê bình văn học Trần Văn Nam nhìn về nét phương ngữ qua bài nhan đề “Nguyễn Văn Sâm, nhà văn viết về những lập nghiệp lên từ sông Bến Nghé” trích như sau:

“Ta thấy các nội dung trong các truyện của Nguyễn Văn Sâm không ngoài tình đất, tình quê hương, tình người nhân nghĩa, tình gia đình gắn bó; nhưng những điều đáng kể trong các truyện của Nguyễn Văn Sâm ở chỗ ông tận dụng phương ngữ của người bình dân Sài Gòn; có lẽ thuộc về phương ngữ Sài Gòn hơn là phương ngữ Nam Bộ như ta thường gồm chung lại. Do phương tiện đi lại thuận tiện, giao lưu thường xuyên giữa Sài Gòn và Miền Tây Miền Đông, nên phương ngữ các vùng ấy không có gì khác, nhưng cũng có những câu nói mà người Sài Gòn bình dân thường dùng nhiều hơn. Trong các truyện của Nguyễn Văn Sâm, phương ngữ rất dồi dào; như vậy nhà văn như cũng đã áp dụng phương châm của một số nhà văn coi “cách

diễn tả quan yếu hơn điều muốn diễn tả”. Cách diễn tả muốn cho đậm chất tình quê hương tình đất thì tận dụng phương ngữ, như vậy làm cho nội dung và hình thức gắn bó với nhau. Nhưng thiên nghĩ, điều ấy nên áp dụng ở những câu đối thoại.” (ngưng trích)

Văn dĩ tải đạo và Nguyễn Văn Sâm Nguyễn Tuấn Huy



Giáo sư Nguyễn Văn Sâm

Tôi không phải là học sinh của Giáo Sư Nguyễn Khắc Kham. Tôi là hậu sinh đẻ sau ông 62 năm tức là gần ba thế hệ sau. Thí dụ, GS. Kham là thầy của GS. Lưu Khôn. GS. Lưu Khôn là thầy của GS. Đỗ Chiêu Đức. GS. Đỗ Chiêu Đức là người mà tôi kính trọng như một bậc thầy trong lĩnh vực Hán văn. Thầy của tôi cũng là đệ tử của GS. Kham. Khi thấy thầy mình và các đồng môn viết những bài biên về GS. Kham như những nén hương dâng Thầy trong ngày giỗ làm tôi suy nghĩ về con người và sự nghiệp của GS. Kham. Ông đã làm gì để có được sự kính trọng của nhiều người và đặc biệt là của các môn sinh đã thành đạt sau này.

Ban đầu tôi tưởng rằng vì GS. Kham sống lâu nên có nhiều thời gian để nghiên cứu, thực hiện nhiều phương án hơn những học giả cùng thời của ông. Người ta thường hay nói sống lâu thì thành lão làng. Nhưng khi nhìn lại lý lịch nghề nghiệp của ông thì thấy rằng ông đã thực hiện được rất nhiều thành quả trước khi về hưu. Ông đã là một người nhà giáo tiên phong, giữ nhiều chức vụ quan trọng khi còn đi giảng dạy. Sau khi về hưu ông vẫn tiếp tục theo dõi, nghiên cứu, giúp đỡ những nhà nghiên cứu văn học Việt Nam giúp họ tìm tài liệu, góp ý trong lĩnh vực Hán Nôm. Khi còn sống, GS. Kham đã hướng dẫn, trao đổi và góp ý với thầy của tôi trong việc phiên âm các tác phẩm Nôm. Thầy tôi đã nhờ GS. Kham hiệu đính những công trình phiên âm của ông lúc ban đầu. Điều này cho thấy cho dù GS. Kham sống lâu hơn các đồng nghiệp nhưng ông đã dùng trọn vẹn thời gian vào trong công việc phát triển văn hóa cho đến cuối đời mà không phí phạm thời gian. Thêm nữa, ông đã dùng tuổi thọ của mình, trải dài đúng một thế kỷ, để có một cái nhìn tổng quát về lịch sử văn hóa Việt Nam, làm một nhịp cầu nối kết giữa cổ học và tân học, góp tay đào tạo một thế hệ trí thức Việt Nam cận đại để tiếp tục phát triển văn minh đất nước.

Tính ra thì GS. Kham cùng thế hệ với ông ngoại của tôi. Ông ngoại tôi sinh năm 1903 và mất năm 1998, hưởng thọ 95 tuổi. GS. Kham sinh năm 1908 và mất năm 2007, hưởng thọ 100 tuổi. Ông ngoại tôi nối gót cha mình và học chữ Nho khi còn bé nhưng sau này ông lại làm thầy giáo dạy chữ quốc ngữ ở quê nhà. Ngược lại GS. Kham được đào tạo tại Pháp. Ông có bằng Cử-nhân Văn-khoa (Licence ès Lettres) tại Đại-học Sorbonne năm 1934 và Cử-nhân Luật-khoa (Licence en Droit) tại Đại-học Luật-khoa, Paris năm 1934. Tuy nhiên ông đã dùng kiến thức hấp thụ được từ người Pháp để áp dụng vào việc phát triển văn hóa Việt Nam. Tuy rằng có bằng cử nhân văn khoa của Pháp nhưng ông lại chọn giảng dạy và nghiên cứu văn học Hán Nôm giống như ông ngoại tôi đã học chữ Nho như những thanh niên của thế hệ đó. Điều mà tôi vẫn chưa tìm được giải đáp là GS. Kham tốt nghiệp tại đại học Pháp, như vậy thì ông đã học Hán Nôm ở đâu và trong thời gian nào?

Trong thời kỳ phôi pha của giới trí thức Việt Nam, các học sinh được đào tạo trong một môi trường văn hóa Pháp, lệ thuộc vào chương trình giáo dục của mẫu quốc. Nhà văn Doãn Quốc Sỹ kể trong thời gian ông còn đi học tại Lyceum Gia Long ở Hà Nội, những vị thầy như Vũ Đình

Liên, Nguyễn Khắc Kham đều dạy bằng tiếng Pháp, nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp giống như tôi nói chuyện với đồng nghiệp và bạn của tôi bằng tiếng Anh bây giờ. Nhưng chính những người đã du học ở Pháp, đã có bằng cấp của Pháp, họ đã từ từ tách dần ra khỏi sự lệ thuộc vào văn hóa Pháp để hình thành một nền văn hóa Việt Nam riêng biệt và đặc thù. Khi các trường đại học được thành hình sau biến cố Việt Nam dành được tự chủ, thoát khỏi sự đô hộ của Pháp, họ trở thành các giáo sư giảng dạy ở các trường đại học, đào tạo một thế hệ trí thức mới cho Việt Nam, cung cấp nhân lực cho các đại học để tiếp tục đào tạo nhân tài cho đất nước. Trong khi những học sinh ở trong nước tiếp tục xuất ngoại du học để nâng cao trình độ thì ở trong Miền Nam, chất lượng và văn hóa đã trưởng thành và đang trên đà phát triển để đạt được tiêu chuẩn quốc tế. Rất tiếc sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa đã làm ngưng lại sự phát triển này. Những giới trí thức đã thoát ra được nước ngoài như GS. Kham và các học giả khác họ vẫn tiếp tục nghiên cứu, phát triển văn hóa Việt Nam tại hải ngoại. Đó là gương của GS. Kham và những người như thầy tôi là luôn luôn học hỏi, tìm kiếm, phát triển nền văn hóa Việt Nam cho dù có đang sống xa quê hương hoặc được huấn luyện trong một nền văn hóa khác.

Để theo gót thầy tôi thì tôi cần phải biết hoặc hiểu những công trình của ông. Khi nhận xét về những tác phẩm của nhà văn và học giả Nguyễn Văn Sâm (NVS) tôi thấy có thể được chia ra làm ba lĩnh vực chính. Thứ nhất là ngôn ngữ và sinh hoạt của người miền Nam. Thứ hai là đề quảng bá triết lý sống giống như một nhà tiên tri kêu gọi mọi người sống cho công bằng. Thứ ba là nghiên cứu và phiên âm những tác phẩm Nôm. Trong ba lĩnh vực này, tôi chỉ học được ở thầy về triết lý sống. Cách sử dụng ngôn ngữ của người Nam là tôi chịu thua vì chẳng những tôi không phải là người Nam mà còn lại sinh trưởng ở Mỹ. Có thể nói tôi biết nhiều chữ tiếng Mỹ hơn tiếng Việt. Còn chuyện học chữ Nôm tôi cũng chê luôn. Thầy rủ tôi học chữ Nôm vài lần nhưng tôi vẫn còn ham mê học những cái khác. Tôi coi chữ Nôm như là một thứ ngôn ngữ không còn được thực dụng. Học chữ Nho đi phở tàu còn đọc được các bảng hiệu. Đi thăm các lăng tẩm, chùa chiền còn đọc được vài chữ Hán khắc ở trên tường. Khi đi du lịch ở bên Trung Hoa, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc còn có cơ hội đọc chữ Hán.

Chữ Nôm thì chỉ có ở trong sách vở từ đầu Thế Kỷ 20 trở đi. Chữ Nôm là một thứ ngôn ngữ chết vì nó không có sự thay đổi. Không còn ai dùng đến nó nên nó không được phát triển và cập nhật. Các tác phẩm Nôm đang được lưu trữ là một số nhỏ so với tác phẩm khác và chỉ có giới hạn. Đa số đã thất lạc hoặc hư hại. Họa hoàn lắm thì người ta mới khám phá ra được một bản chép tay mới còn sót ở trong một thư viện cá nhân nào mà chưa ai biết đến. Do đó tôi không cảm thấy sự cần kíp, gấp rút của việc học chữ Nôm vì đa số các tác phẩm Nôm phổ biến đã được nghiên cứu và phiên âm. Mai một khi học được chữ Hán có lẽ tôi mới quay về học chữ Nôm cho vui với tuổi già. Trong lĩnh vực thứ ba này, thầy tôi đã trở thành một cây cổ thụ sau bao nhiêu năm tháng trời tìm tòi, phiên âm những tác phẩm Nôm khuyết danh chưa từng được ai khởi công. Nếu như tôi chịu khó theo thầy từ ngay buổi đầu thì bây giờ tôi cũng được thừa hưởng bóng mát của thầy. Ngày xưa thầy tôi nghiên cứu dưới sự hướng dẫn và khuyến khích của thầy mình là GS. Kham. GS. Kham là người hiệu đính cho những bản phiên âm đầu tay của thầy tôi. Sau này thì chính thầy tôi đã trở thành một học giả thông thạo về chữ Nôm để có thể hiệu đính cho những tác phẩm phiên dịch Nôm của các học giả trong và ngoài nước.

Trong lĩnh vực thứ nhất, nhà văn NVS nằm trong khuôn khổ của những nhà văn miền Nam tiền phong như Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc và Sơn Nam. Nhà văn miền Nam Hồ Trường An (HTA) chắc có lẽ nằm ở trong một thể loại riêng với một lối tả chân có một không hai của ông. Họ đã ghi lại những âm thanh, sắc nét, con người miền Nam như đã được thấm vào trong xương tủy của họ. Không biết vô tình hay cố ý, NVS viết như thể hồi tưởng lại những gì ông đã đọc, đã chứng kiến được trong cuộc sống của ông. Giống như một nhà họa sĩ có những hình ảnh ở trong đầu cần được vẽ ra. Nếu NVS và HTA đều là hai bà già trầu thì HTA chẳng chọe, chẳng chuột, điệu bộ còn NVS là một bà già bình dân, mộc mạc, hiền lành hơn. Cũng cùng là

giọng văn miền Nam nhưng truyện của HTA mang một sắc thái riêng mà khi đọc tôi nhận ngay ra được văn của ông ta. Đôi lúc đọc truyện của HTA tôi có cảm tưởng đang nhìn ngắm một bức tranh với nhiều màu sắc và chi tiết tỉ mỉ. Đây cũng là một cái thú vui khi đọc truyện của HTA.

Truyện ngắn NVS không mang sự chải chuốt, tỉ mỉ giống như HTA nhưng hầu hết đều hàm chứa một khái niệm đạo đức, một triết lý sống. Có thể nói triết lý này phản ánh tâm hồn của người Nam. Một triết lý sống đã được nhà văn Hồ Biểu Chánh quảng bá và ghi lại trong số tác phẩm đồ sộ của ông. Các nhân vật chính ở trong truyện của Hồ Biểu Chánh đều sống cho đúng đạo nghĩa cho dù có bị thiệt thòi đi chăng nữa. Nhưng kết cục thường thì kẻ hiền được thưởng còn kẻ dữ bị trừng phạt. “Ở hiền gặp lành”, “Gieo gió gặt bão”, luật quả báo được áp dụng triệt để. Tôi không thấy NVS quan tâm đến luật quả báo nhưng ông ta thiết tha đến luật công bằng. Ông xót xa trước những bất công ở trong xã hội cho dù sự bất công đó đến từ Cộng Sản hà hiếp người dân hay người có tiền bạc, quyền thế bóc lột người nghèo cho đến những trẻ em bị lạm dụng tình dục. Truyện của NVS giống như là một tấm gương với một cái khung sơ sài, mộc mạc. Nó không tô điểm, đánh bóng sự thật nhưng phản ánh lại cái tốt và cái xấu của con người. Tuy nhiên dưới cặp mắt công bằng của NVS, thường thì trong cái xấu nó có cũng cái tốt và trong cái tốt nó cũng có sự lạm dụng ở trong đó.

Một trong những truyện ngắn của NVS đã gây ấn tượng cho tôi khi mới bắt đầu đọc truyện của ông là “*Tổng Gió*” trong tập truyện ngắn “*Câu Hồ Vân Tiên*” xuất bản năm 1984. Đây là tập truyện ngắn thứ hai của ông sau tập truyện ngắn đầu tiên “*Miền Thượng Uyển Xưa*” xuất bản năm 1983. Trong truyện, người thầy pháp đã dùng sự mê tín dị đoan của người dân để sai khiến họ đào mộ, khai thông nước tù, phát triển vệ sinh và phòng ngừa bệnh tật. Tuy nhiên ông đã lợi dụng những nghi thức cúng kiến để mang lại một mối lợi cho cá nhân ông. Đây là một sự nhận xét sâu xa về tâm lý và bản chất con người đối với một thanh niên ở đầu lứa tuổi hai mươi như tôi nên đã làm cho tôi phục ông sát đất. Chưa kể là lối hành văn của NVS giới thiệu cho tôi một thể giới riêng biệt của miền lục tỉnh nhắc lại cho tôi cảm giác thú vị, phiêu lưu mạo hiểm khi đọc “*Hương Rừng Cà Mau*” của Sơn Nam lần đầu tiên. Người ta đọc truyện để giải trí. Tôi đọc truyện của NVS để học triết lý sống của ông. Ông là một nhà văn theo truyền thống “văn dĩ tải đạo”.

Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng khi viết lời tựa cho tập truyện “*Khói Sóng Trên Sông*” xuất bản năm 2000 đã viết “*Truyện của ông không có cái ma thuật lời cuốn người đọc bằng thứ chữ nghĩa thời thượng, cũng không có những mối tình cuồng nhiệt làm cho người đọc nín thở lật từng trang, nhưng truyện của ông [ký của ông!] như một thứ thức uống có phản ứng chậm, những giọt đầu tiên tưởng như không mùi vị, nhưng càng nhấp càng thấy ngon, nó thơm ngát đầu lưỡi và nó để lại một chút hơi cay đôi khi làm ta chảy nước mắt.*” Thật vậy khi ở lứa tuổi 20, đọc truyện của NVS tôi chỉ cảm thấy cái mộc mạc, bình dân nhưng tha thiết, chân thành của nó. Nhưng 30 năm sau khi đọc lại tôi mới cảm thấy được cái hay, cái tinh túy của triết lý Nguyễn Văn Sâm. 14 năm sau, “*Người Đi Trên Mây*” đã trở thành người thiên cổ nhưng những nhận xét năm xưa vẫn là lời nói của một tri kỷ. Nhà văn Nguyễn Văn Sâm vẫn tiếp tục miệt mài nghiên cứu, sáng tác trên con đường nghệ thuật để tỏ bày tâm trạng của mình.

Một trong những triết lý sống của NVS là “ăn bánh trả tiền”. Câu nói ngộ nghĩnh này là một nghĩa rõ ràng của sự mua bán, nhưng nó có nghĩa bóng để ám chỉ sự sòng phẳng trong mua bán dâm. Dĩ nhiên là tôi không có ám chỉ việc này mà chỉ muốn nhấn mạnh sự công bằng sòng phẳng trong mối quan hệ giữa người với nhau, không lợi dụng, bóp chẹt kẻ yếu thế hơn mình. Đây là một quan niệm sống cao thượng mà người ta thường thấy ở những vị tu hành, hiền triết, quân tử hơn ở người đời. Câu nói nghe rất đơn giản nhưng khó thực hiện. Giống như 10 điều răn Chúa Trời của người Công Giáo chỉ tóm lại vồn vẹn trong bốn chữ đó là “mến Chúa yêu người” nhưng có bao nhiêu người thực hiện được? Mỗi Chúa Nhật có bao nhiêu người

Công Giáo đi nhà thờ nghe các vị linh mục giảng đạo để thuyết phục họ để thực hiện điều răn trên. NVS không phạm nước miếng rao giảng như các linh mục nhưng ông dùng ngòi bút của ông để kêu gọi, thách đố người ta sống theo luật công bằng, đừng gian lận của ai. Nếu vì lòng tham mà chiếm đoạt của người khác những gì không thuộc về mình thì phải có trách nhiệm mà đền bù lại cho họ.

“Ăn bánh trả tiền” là tinh thần sống công bằng trong xã hội và cuộc đời cá nhân. Sở dĩ tôi thích dùng cụm từ này vì một câu chuyện thầy kể cho tôi mà tôi thấy nó dễ hiểu và chân thành giống như triết lý của ông. Ông kể chuyện hồi nhỏ mẹ ông cho tiền để mỗi sáng ăn quà khi đi học. Một hôm ông đang ngồi ăn xôi thì bà bán xôi bị phú-lít rượt chạy chưa kịp thu tiền. Ngày hôm sau ông đến ăn xôi rồi trả tiền bà gấp đôi để bù lại cho ngày hôm qua. Bà bán xôi cảm động nói trong số bao nhiêu người ăn xôi của bà ngày hôm qua, chỉ có ông là không thừa cơ hội ăn quýt của bà. Bà ta tiên đoán rằng sau này chắc chắn nó sẽ trở thành người đàn ông hoàng. Ông nhập tâm câu nói của bà bán xôi thành một lời tâm niệm, quyết chí học hành để sau này được trở nên người. Đó là một ước mơ đơn sơ của một đứa bé, muốn sống sao cho nên người. Nhưng trong xã hội có bao nhiêu kẻ chỉ chờ có cơ hội để ăn quýt như gian lận tiền chính phủ, buôn bán lừa lọc, chiếm đoạt của cải, mạng sống, nhân phẩm của người khác. Đó là những mô típ mà ta có thể thấy ở trong truyện của NVS mà ông ta muốn thách đố mọi người sống theo lẽ công bằng theo tinh thần của những nhà văn miền Nam tiên phong như Hồ Biểu Chánh.

Nguyễn Văn Sâm sống 40 năm đầu ở Việt Nam và sau đó định cư tại Mỹ. Trước năm 1975, các tác phẩm đã xuất bản của ông là những nghiên cứu về văn chương Nam Bộ. Trong thời gian sống ở bên Mỹ, ông mới bắt đầu sáng tác truyện ngắn. Vì ông đã sống gần một nửa đời ở quê hương và hơn một nửa đời còn lại tại hải ngoại, ông có được những nhận xét về cuộc sống của con người ở trong hai xã hội, đặc biệt là người Việt ở hải ngoại. Tuy nhiên những nhân vật của ông cho dù họ đang sinh sống ở hải ngoại nhưng vẫn mang nặng một sắc thái Việt Nam. Có lẽ ở trong huyết quản của ông mang một dòng máu Nam Bộ như Hồ Biểu Chánh, Nguyễn Đình Chiểu nên cho dù ở đâu thì nó vẫn hướng về quê hương, xứ mẹ. Gần đây tôi được đọc những truyện ngắn mới của NVS và tôi thấy những truyện được viết trong khung cảnh ở Việt Nam vẫn là hay nhất. Tuy rằng truyện được viết ở trong khung cảnh Việt Nam, thời gian không nhất định nhưng những nhận xét về luân lý, tâm lý vẫn mới mẻ, trung thực và ứng dụng trong mọi thời gian. Những truyện ngắn như “Xóm Giếng” còn mang thêm một giá trị như một di tích lịch sử ghi lại đời sống, sinh hoạt của người dân Sài Gòn trong một khoảng thời gian quá khứ.

Tôi không được đi theo thầy tôi học chữ Nôm như thầy tôi đã học từ GS. Kham. Tôi đi theo thầy tôi để học về nhân sinh quan của ông. Những học trò nào mà muốn tôn vinh thầy của mình thì tiếp tục công trình của họ. Cũng giống như NVS tiếp tục phiên âm các tác phẩm bằng chữ Nôm để cống hiến cho nền văn học Việt Nam, tôi cũng muốn giới thiệu triết lý sống của NVS bằng cách dịch sang Anh ngữ một ít truyện ngắn của ông. GS. Kham khuyên rằng khi dịch thơ thì nên dịch ý và đừng dịch quá sát nghĩa. Vì có sự khác biệt trong văn hóa nên khi mình dịch quá sát nghĩa, người đọc không hiểu được sự khác biệt này nên có thể không nắm được ý hoàn toàn. Trong khi đó, văn của NVS là văn giọng Nam, nên khi chuyển qua Anh ngữ thì có thể nó sẽ mất âm điệu miền Nam đặc thù đó đi. Hơn nữa, một người ngoại quốc hoặc một người Việt Nam sinh trưởng ở tại Mỹ liệu họ có thể hình dung và cảm nhận những hình ảnh quê hương Việt Nam hay không? Những người Việt như tôi thì có thể dễ dàng bị đánh động bởi những hình ảnh đó. Người ta hay nói “vô tri bất mộ”. Nếu người ngoại quốc không có một khái niệm hoặc một hình ảnh về Việt Nam ngoại trừ những hình ảnh chiến tranh hoặc trong sách báo du lịch thì liệu họ có thể thông cảm, rung động với những nhân vật Việt Nam hay không? Trong vai trò vừa là dịch giả vừa là người biên tập, tôi sẽ chọn những câu truyện nào mang tính chất tâm lý và luân lý có thể áp dụng trong bất cứ xã hội và thời gian nào. Tôi muốn theo gương của Hồ Biểu Chánh. Hồ Biểu Chánh không dịch truyện nhưng ông phóng tác cho phù hợp với giọng nói

bình dân. Điều này cho thấy cho dù câu chuyện được xảy ra ở Việt Nam nhưng khi mình kể lại bằng giọng Mỹ thì người đọc ngoại quốc mới cảm thấy câu chuyện gần gũi với họ. Còn nếu như mình kể chuyện bằng giọng Việt Nam thì cho dù mình có viết bằng tiếng Anh, người đọc vẫn cảm thấy xa lạ, không liên hệ đến họ. Sẽ chỉ có một số ít chịu khó đọc vì muốn hiểu biết thêm về Việt Nam.

Tôi thật sự không biết phải bắt đầu nói kết như thế nào để có thể truyền đạt tâm tình của Nguyễn Văn Sâm, con người, lịch sử và truyền thống Nam Bộ của ông đến cho một thế hệ sinh đẻ ở hải ngoại hoặc cho những độc giả ngoại quốc. Thế hệ của tôi không phải lớn lên trong chiến tranh. Những người sinh trưởng ở hải ngoại như tôi không phải sống trong xã hội Cộng Sản. Chúng tôi không phải đấu tranh với những bất công xã hội Việt Nam là những mục tiêu mà NVS thường hay lên án. Ngược lại chúng tôi phải sống với những sự bất công khác. Một trong những bất công là sự kỳ thị chủng tộc màu da âm ỉ ở dưới mặt nước giống như những cơn sóng ngầm. Ở trong bất cứ một xã hội nào trên thế giới, những người thuộc nhóm thiểu số cũng phải tranh đấu để được có quyền sống bình đẳng với đại đa số.

Hiện tại những cơn sóng ngầm ở Mỹ đang nhô lên khỏi mặt nước, gây lên sự chú ý cho mọi người. Người ta đang xuống đường để đòi quyền sống cho người da đen (Black Lives Matter – Mạng sống của người da đen cũng đáng giá), hay phong trào phụ nữ chống quấy rối tình dục (Me Too Movement), hoặc bình đẳng cho những người đồng tính luyến ái. Đó là những đề tài mà những người Việt Nam ở thế hệ trước thường hay tránh đề cập hoặc không chấp nhận. Tuy nhiên đây là những vấn đề xã hội của thế hệ tôi sống trên đất Mỹ. Nó cần được mổ xẻ và tranh luận để đưa đến những nguyên tắc chung mà thế hệ sau như con của tôi có thể dùng một cảm nang chỉ đạo, một “Gia Huấn Ca” mới của thời đại, tạo nên một triết lý sống như tôi cũng đã từng học hỏi từ thế hệ trước.

Tôi chỉ có thể nối tiếp truyền thống “văn dĩ tải đạo” của thầy tôi khi tìm được cách áp dụng triết lý sống, nhân sinh quan của ông để giúp cho thế hệ sau này có một hướng đi, điều khiển con tàu của họ vượt qua được sóng gió trong thế giới hiện tại. Đã là một người Việt tha phương thì đi đến đâu cũng sẽ gặp sự kỳ thị của dân bản xứ. Điều này cho thấy rằng con người Việt Nam đều có một mối liên kết vượt thời gian và không gian. Câu chuyện của những người dân Lục Tỉnh, trôi nổi, sống tạm bợ ở vùng ngoại ô Sài Gòn để được ghi vào huyền thoại sáng lập trong “*Theo Gót Huyền Trân*” cũng không khác gì câu chuyện của những người tị nạn Việt Nam lập nghiệp tại đất Mỹ hoặc những nơi khác trên thế giới. Sài Gòn ngày hôm nay không còn giống Sài Gòn ngày xưa. Người dân Miền Nam bây giờ không còn giống người xưa. Ở trong một chi tiết, một nét, một góc cạnh nhỏ nào đó, cái dáng dấp, cái hình bóng, cái cá tính của Miền Nam vẫn còn đó. Mọi sự đã thay đổi theo thời gian.

Theo gót thầy tôi không có nghĩa là lập lại những việc thầy tôi đã làm, hoặc là thậm chí tiếp tục những gì thầy tôi đang làm. Nhưng theo gót thầy tôi là đem cái di sản, cái gen mà thầy tôi đã thừa hưởng từ thế hệ trước vào trong hoàn cảnh hiện tại. Mặc dù chúng tôi đang sống trong một xã hội Mỹ văn minh, tự do, sung túc. Những bất công, xáo trộn trong xã hội có thể chỉ từ những tranh chấp đảng phái, kỳ thị chủng tộc không giống như xã hội Việt Nam. Nhưng cái triết lý “ăn bánh trả tiền” của thầy tôi vẫn có thể áp dụng trong đời sống cá nhân tại Mỹ để mọi người có thể sống công bằng, tôn trọng và có sự thanh bình với nhau hơn. Tôi không cần phải nhìn về xã hội Việt Nam hoặc trong quá khứ giống như thầy tôi mà cần ghi lại những gì tôi đang cảm nghiệm được ở trong xã hội Mỹ nhưng với một tâm tình giống như thầy tôi.

Houston, ngày 3 tháng 10 năm 2020

